

# TENGDA VIET NAM CATALOGUE



Tengda-Nhà tiên phong trong lĩnh vực cung ứng miệng gió, van gió, ống gió tròn gói

## CÔNG TY TNHH NGŨ KIM TENGDA VIỆT NAM

Hotline: 0333.681.228- 0932.119.897

Địa chỉ: Số 260, đường Trịnh Hoài Đức, tổ 4, khu phố Long Bình,  
Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh

Mail: Dangdat2019@gmail.com

Website: [www.tengdavietnam.com](http://www.tengdavietnam.com)



## HIỆU QUẢ, THỰC TẾ, SÁNG TẠO, HÀI HÒA

# MỤC LỤC

TRANG

|                                           |     |
|-------------------------------------------|-----|
| Giới thiệu công ty                        | 03  |
| Ứng dụng vào thực tế                      | 05  |
| Dòng cửa gió ABS                          | 07  |
| ▪ Cửa tán gió vuông                       |     |
| ▪ Cửa cấp/hồi gió cho trần tấm sợi khoáng |     |
| ▪ Cửa cấp/hồi gió cho trần tích hợp       |     |
| ▪ Cửa gió cầu (Sphere Jet Nozzle)         |     |
| ▪ Công tắc hình quạt (Fan-shaped Switch)  |     |
| ▪ Cửa gió xoáy (Swirl Diffuser)           |     |
| ▪ Cửa tán gió tròn                        |     |
| ▪ Cửa nan thẳng tròn lưu lượng lớn        |     |
| Dòng cửa gió tươi                         | 26  |
| Dòng mặt bích (Flange) gió tươi           | 48  |
| Dòng bộ lọc gió tươi                      | 65  |
| Dòng cửa kiểm tra                         | 67  |
| Dòng Inox (Thép không gỉ)                 | 76  |
| Dòng hợp kim nhôm                         | 88  |
| Dòng cửa gió tích hợp                     | 99  |
| Dòng phụ kiện cửa gió lắp ráp             | 105 |
| Dòng phụ kiện gió tươi                    | 110 |
| Dòng sản phẩm bộ giảm tiêu âm             | 131 |



**HỒ SƠ CÔNG TY**  
**Company Profile**

Công ty TNHH Ngũ Kim Tengda Việt Nam được thành lập với mục tiêu trở thành nhà sản xuất và cung cấp giải pháp tổng thể về thiết bị thông gió – điều hòa hàng đầu tại Việt Nam.

Tọa lạc tại Bình Dương, Tengda Việt Nam chuyên sản xuất và phân phối miệng gió, van gió, ống gió, phụ kiện thông gió và hệ thống phân phối khí tươi – khí hồi cho các công trình dân dụng và công nghiệp trên toàn quốc.

Với đội ngũ kỹ thuật có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, cùng dây chuyền sản xuất hiện đại và quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, Tengda cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp.

Từ khi thành lập đến nay, Tengda Việt Nam luôn kiên định với phương châm hoạt động:

“Chất lượng tạo nên thương hiệu –  
Uy tín tạo dựng niềm tin.”

**ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM**  
**PRODUCT ADVANTAGES**

Sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, độ bền cao, tính thẩm mỹ tốt. Ứng dụng công nghệ sơn tĩnh điện, ép khuôn, cắt CNC hiện đại. Sản phẩm được thiết kế phù hợp cho nhiều loại công trình và dân dụng. Đa dạng mẫu mã, kích thước, vật liệu (nhôm, thép mạ kẽm, inox, ABS,...) đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

**ƯU ĐIỂM DỊCH VỤ**  
**SERVICE ADVANTAGES**

Ngay từ khi thành lập, Tengda luôn duy trì tinh thần “phục vụ tận tâm – uy tín như ngày đầu tiên”. Với đội ngũ kỹ thuật tay nghề cao, dịch vụ chuyên nghiệp. Chúng tôi nhận được sự tín nhiệm và đánh giá cao của quý khách hàng. Sự hài lòng của khách hàng chính là niềm tự hào và là động lực của TENGDA

**ƯU ĐIỂM KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL ADVANTAGES**

Công ty sở hữu đội ngũ kỹ thuật viên chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cùng dây chuyền sản xuất và thiết bị tự động hóa tiên tiến, đảm bảo chất lượng vượt trội và đồng nhất trong từng sản phẩm.

**TẦM NHÌN & SỨ MỆNH**  
**VISION & MISTION**

Tầm nhìn: Tengda luôn cố gắng trở thành thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất thiết bị cửa gió van gió tại Việt Nam và hướng đến thị trường quốc tế.

Sứ mệnh : là nhà cung cấp sản phẩm chất lượng, dịch vụ chuyên nghiệp, giải pháp thông gió toàn diện góp phần tạo nên không gian sống và làm việc trong lành, hiệu quả cho mọi công trình

**CO-BRANDING**



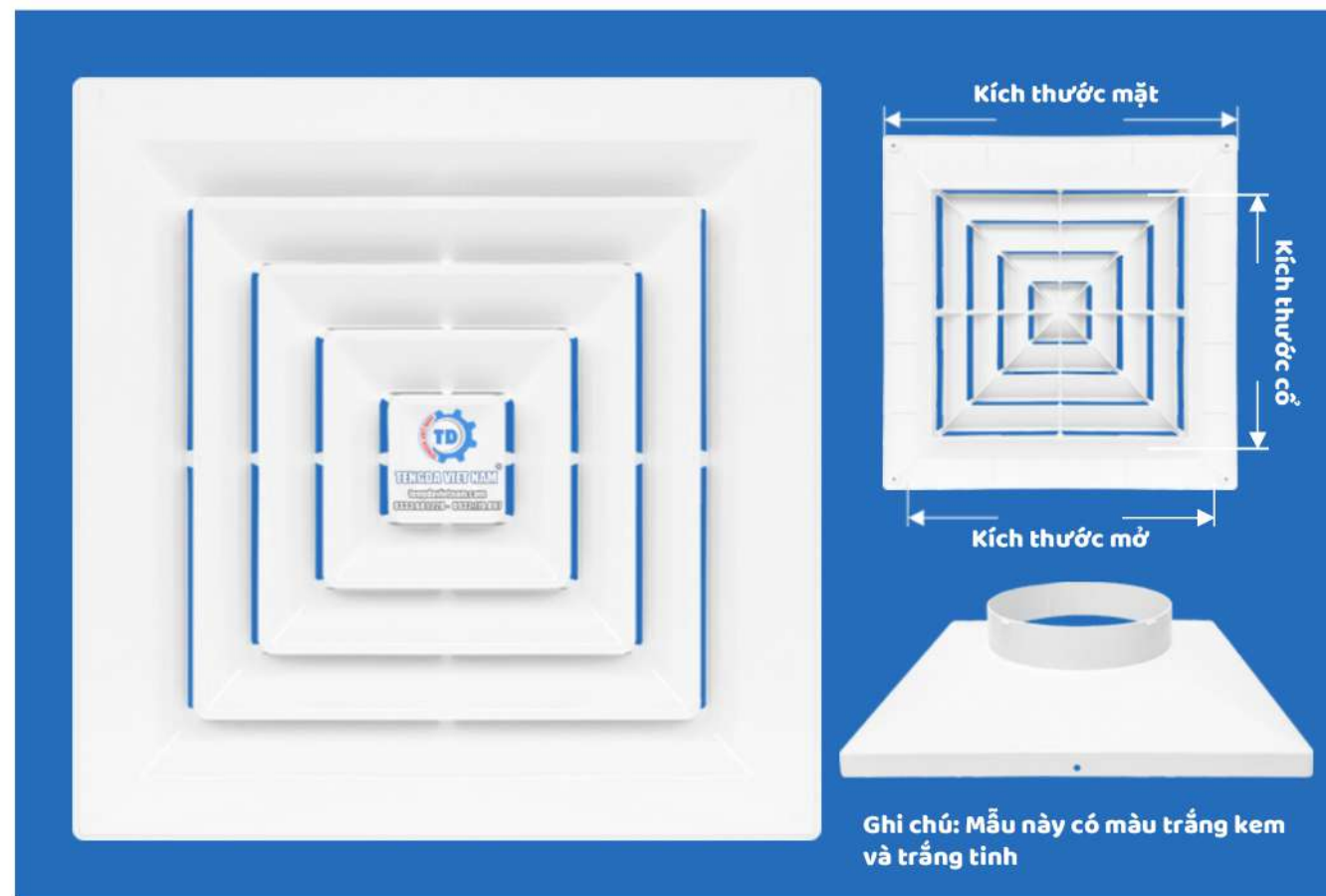


# TENGDA VIET NAM

Ứng dụng miệng gió vào thực tế

## DÒNG CỬA TÁN GIÓ VUÔNG - TD1001

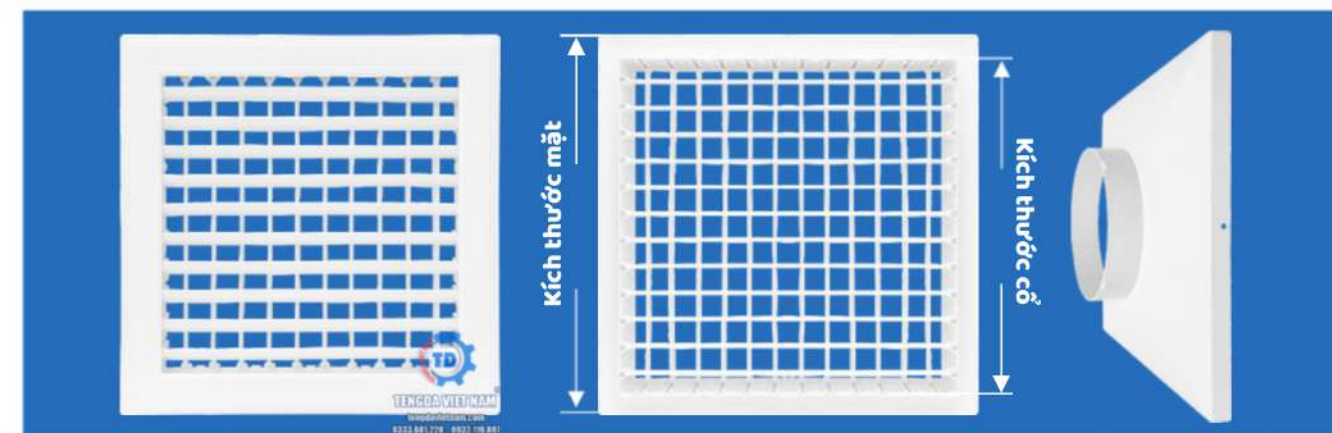
Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.



| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG               | KTM     | KTC     | GIAO DIỆN | BỘ CHUYỂN ĐỔI        |
|----------|------------------------|---------|---------|-----------|----------------------|
| 107H-200 | Dòng cửa tán gió vuông | 200*200 | 160*160 | /         | Phối 100/150 100/150 |
| 107E     | Dòng cửa tán gió vuông | 250*250 | 200*200 | 180*180   | 100/150              |
| 107D-300 | Dòng cửa tán gió vuông | 300*300 | 240*240 | 180*180   | 100/150/200          |
| 107C-350 | Dòng cửa tán gió vuông | 350*350 | 290*290 | 230*230   | 150/200/250          |
| 107B-400 | Dòng cửa tán gió vuông | 400*400 | 340*340 | 280*280   | 150/200/250/300      |
| 107A-450 | Dòng cửa tán gió vuông | 450*450 | 390*390 | 330*330   | 150/200/250/300/350  |
| 108D     | Dòng cửa tán gió vuông | 500*500 | 430*430 | 360*360   | 200/250/300/350      |
| 108E-550 | Dòng cửa tán gió vuông | 550*550 | 490*490 | 480*480   | 200/250/300/350      |
| 108F     | Dòng cửa tán gió vuông | 600*600 | 540*540 | 480*480   | 200/250/300/350      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

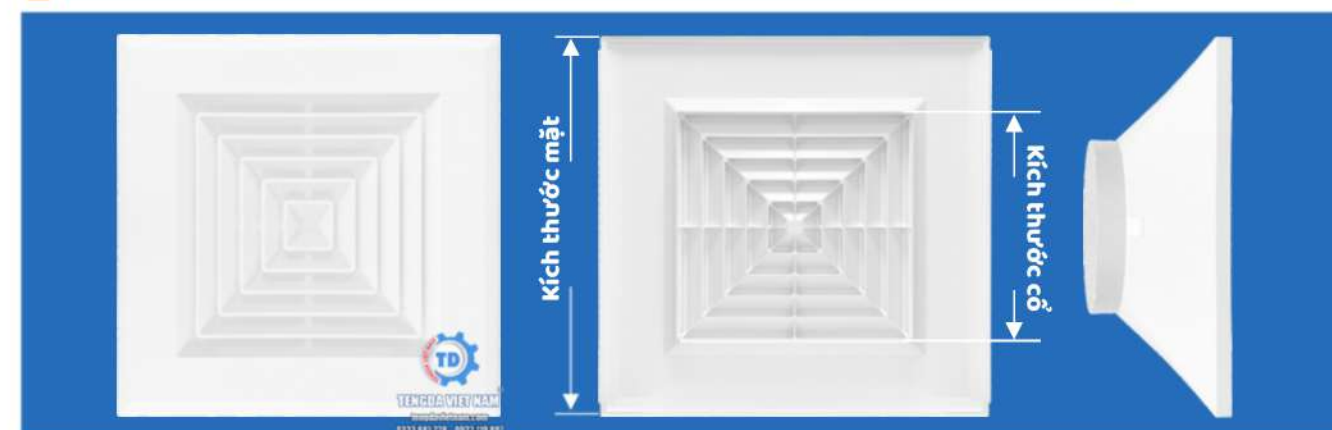
## MIỆNG GIÓ HAI LỚP - TD1002



| MÃ HÀNG | KTM | KTC | KT LỖ MỎ | ĐỘ SÂU | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|-----|-----|----------|--------|-----------------|
| 250K    | 240 | 180 | 200      | 35     | 100/150         |
| 250A    | 290 | 230 | 240      | 35     | 100/150/200     |
| 250B    | 340 | 280 | 290      | 35     | 150/200/250     |
| 250C    | 390 | 330 | 340      | 35     | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## MIỆNG KHUẾCH GIÓ TÁN VIÊN LỚN 595-600-603 - - TD1003

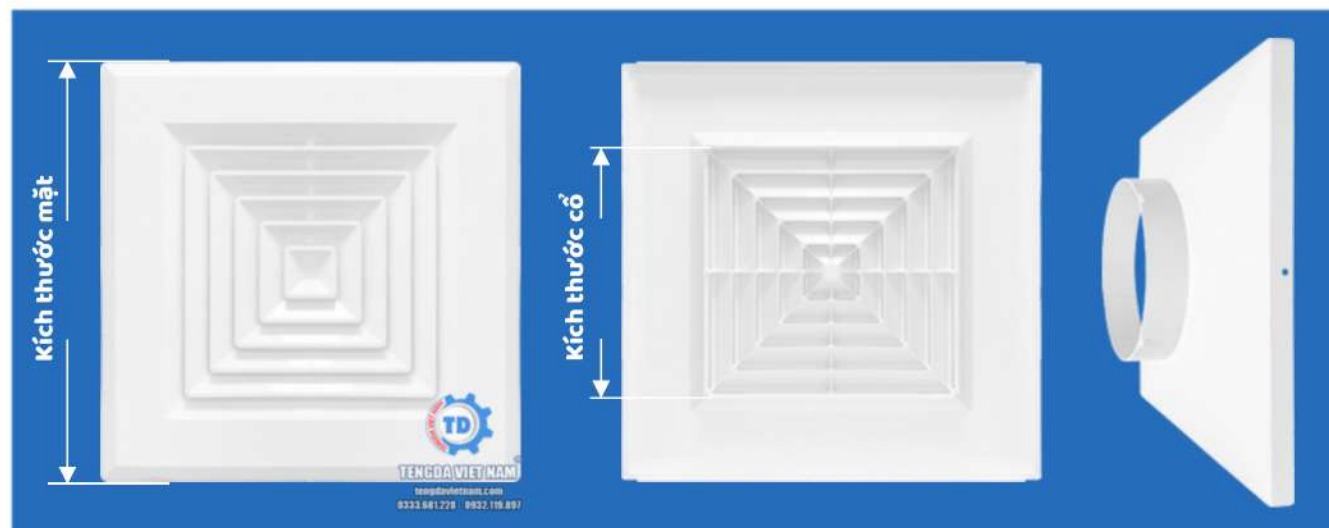


| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                      | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI       |
|---------|-------------------------------|---------|---------|---------------------|
| 603H    | Miệng gió khuếch tán viên lớn | 603*603 | 360*360 | 150/200/250/300/350 |
| 595H    | Miệng gió khuếch tán viên lớn | 595*595 | 360*360 | 150/200/250/300/350 |
| 108P    | Miệng gió khuếch tán viên lớn | 600*600 | 360*360 | 150/200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### ( CẠNH RỘNG ) CỬA TÁN GIÓ VÀ HỒI GIÓ - TD1004

Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.

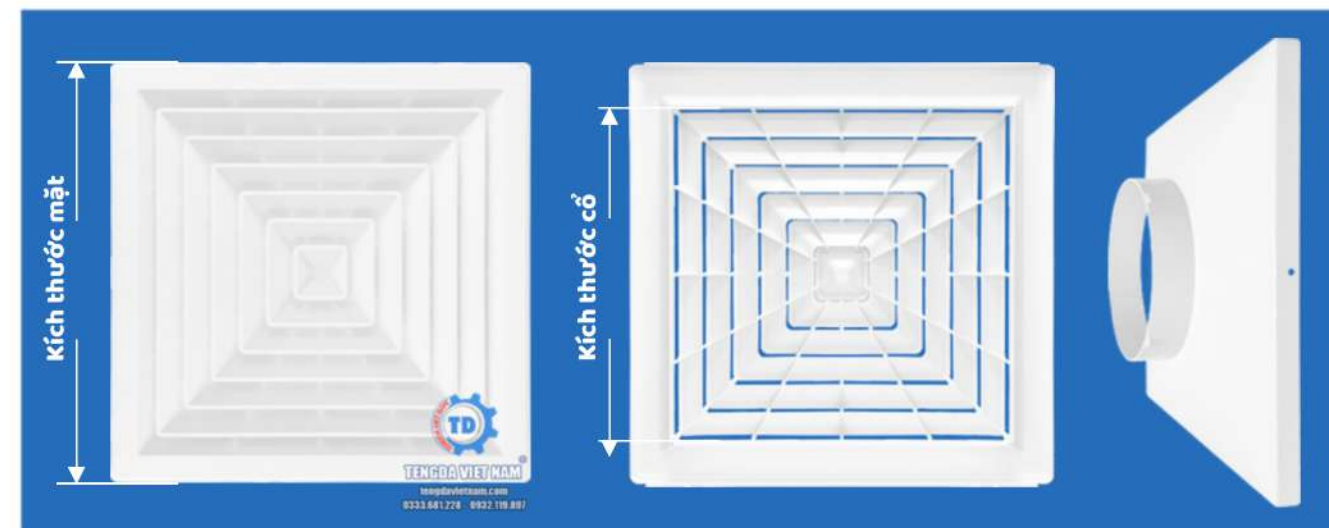


| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG             | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|----------|----------------------|---------|---------|-----------------|
| 600L-360 | Cửa tán gió cạnh lớn | 600*600 | 360*360 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

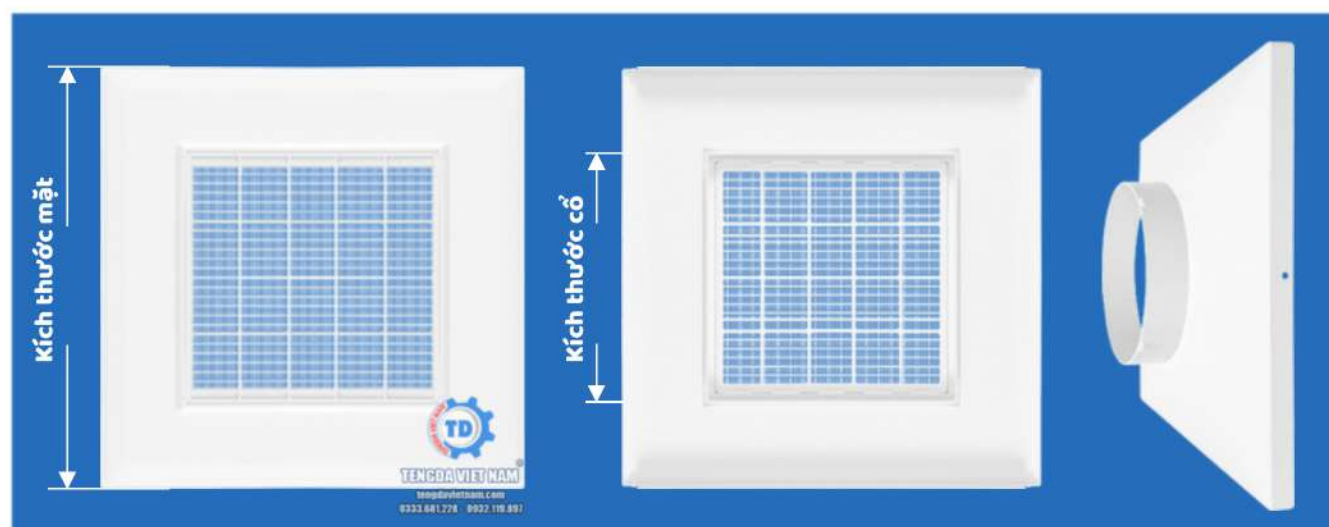
### CỬA GIÓ KHUẾCH TÁN VÀ CỬA GIÓ HỒI TRẦN ( CẠNH HẸP )- TD1005

Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.



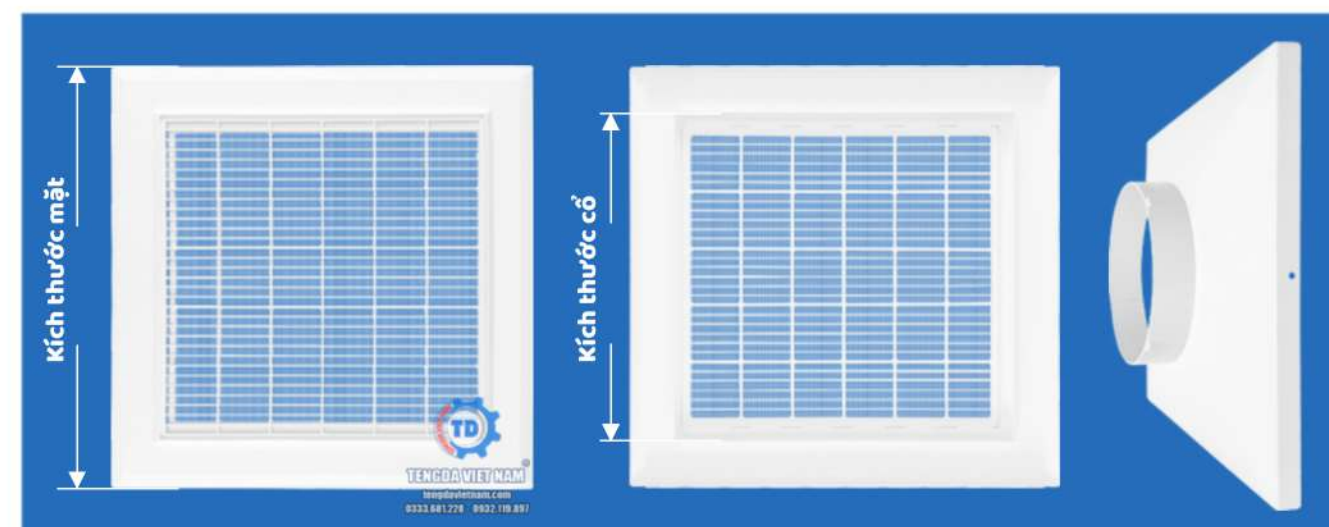
| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG             | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|----------------------|---------|---------|-----------------|
| 108L    | Cửa tán gió cạnh hẹp | 600*600 | 480*480 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.



| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG                          | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|----------|-----------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 600W-360 | Cửa gió hồi trần cạnh lớn có lưới | 600*600 | 360*360 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

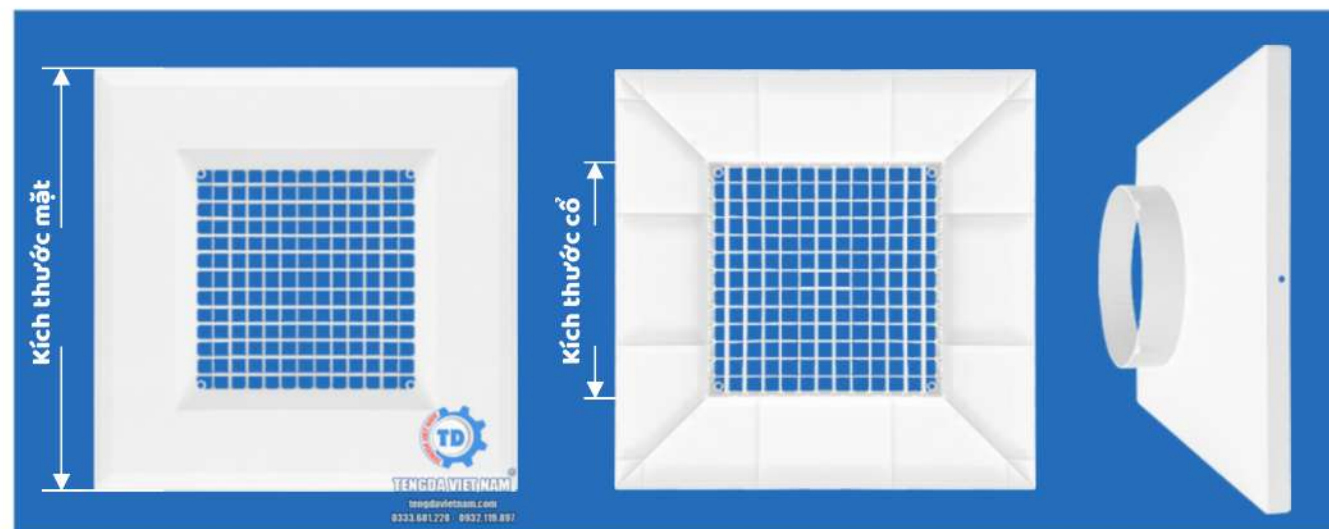


| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG                          | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|----------|-----------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 112L-480 | cửa gió hồi trần cạnh hẹp có lưới | 600*600 | 480*480 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ NAN CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH (KÍCH THƯỚC 595-600-603) - TD1006

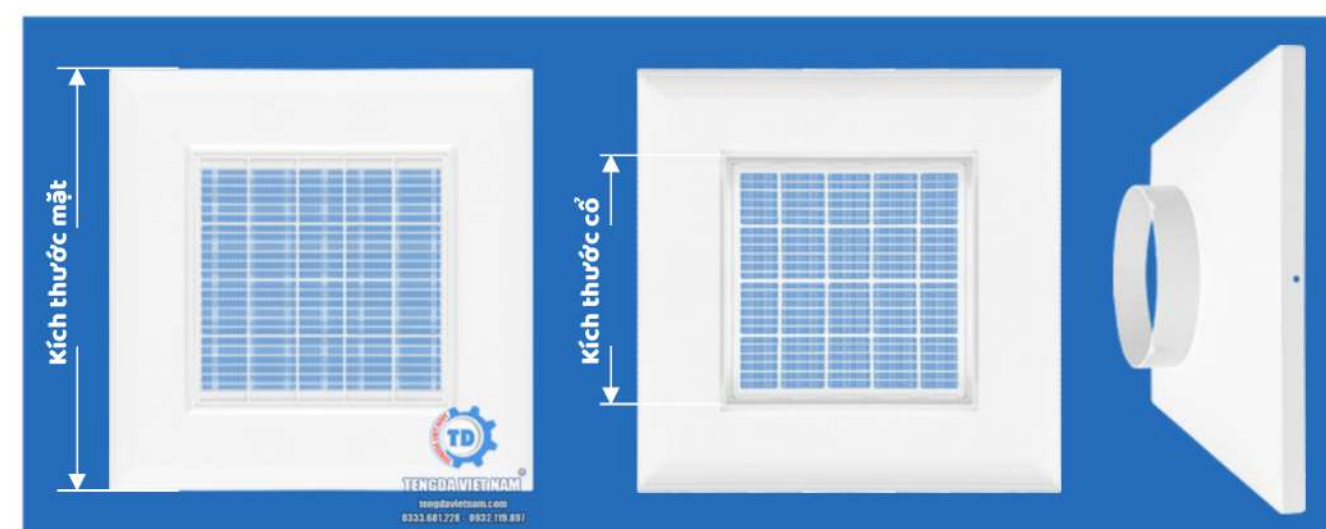
Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.



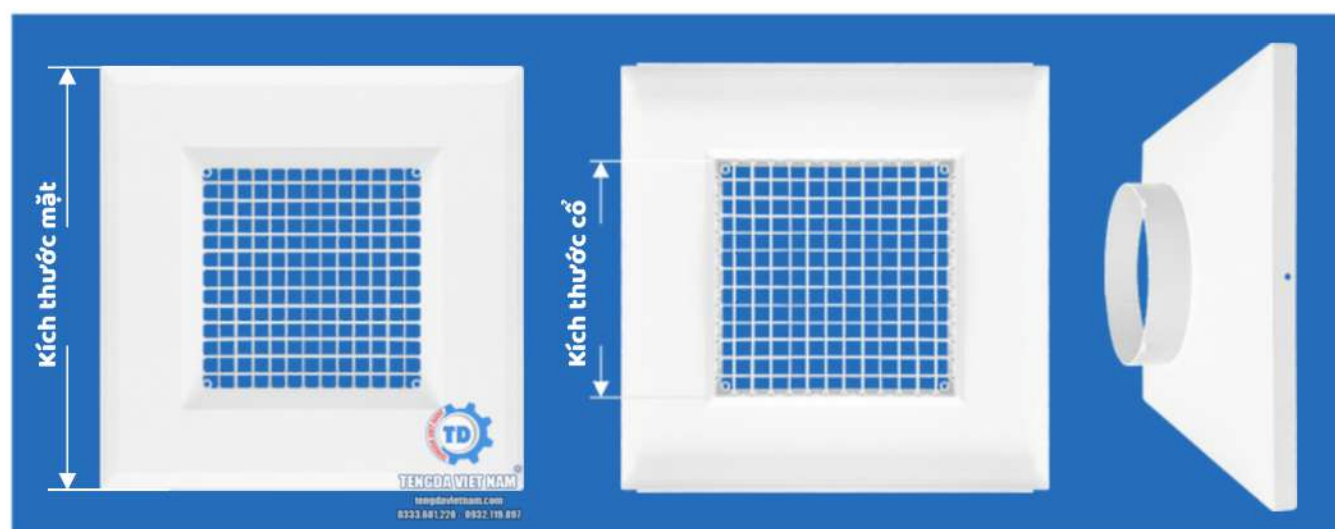
| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                      | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|-------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 595S    | Cửa gió nan có thể điều chỉnh | 595*595 | 330*330 | 150/200/250/300 |
| 603S    | Cửa gió nan có thể điều chỉnh | 603*603 | 330*330 | 150/200/250/300 |

### CỬA GIÓ HỒI TRẦN CÓ LƯỚI- TD1007

Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.

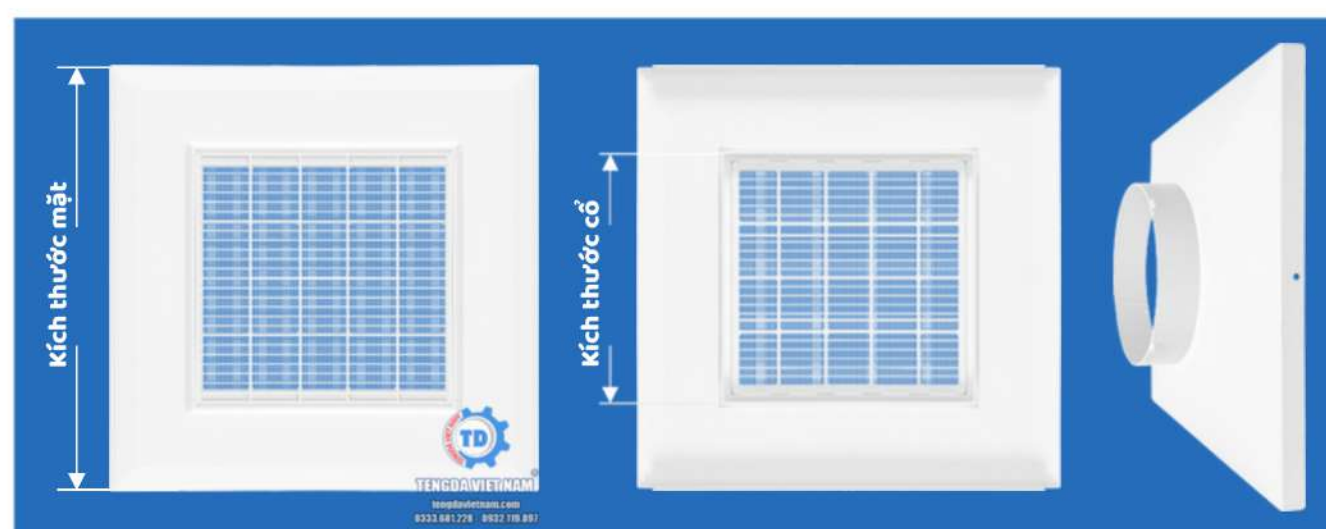


| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG                 | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|----------|--------------------------|---------|---------|-----------------|
| 595W-360 | cửa gió hồi trần có lưới | 595*595 | 360*360 | 150/200/250/300 |
| 603W-360 | cửa gió hồi trần có lưới | 603*603 | 360*360 | 150/200/250/300 |



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                                   | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|--------------------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 600S    | Cửa gió nan đôi cạnh lớn cho trần tích hợp | 600*600 | 330*330 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

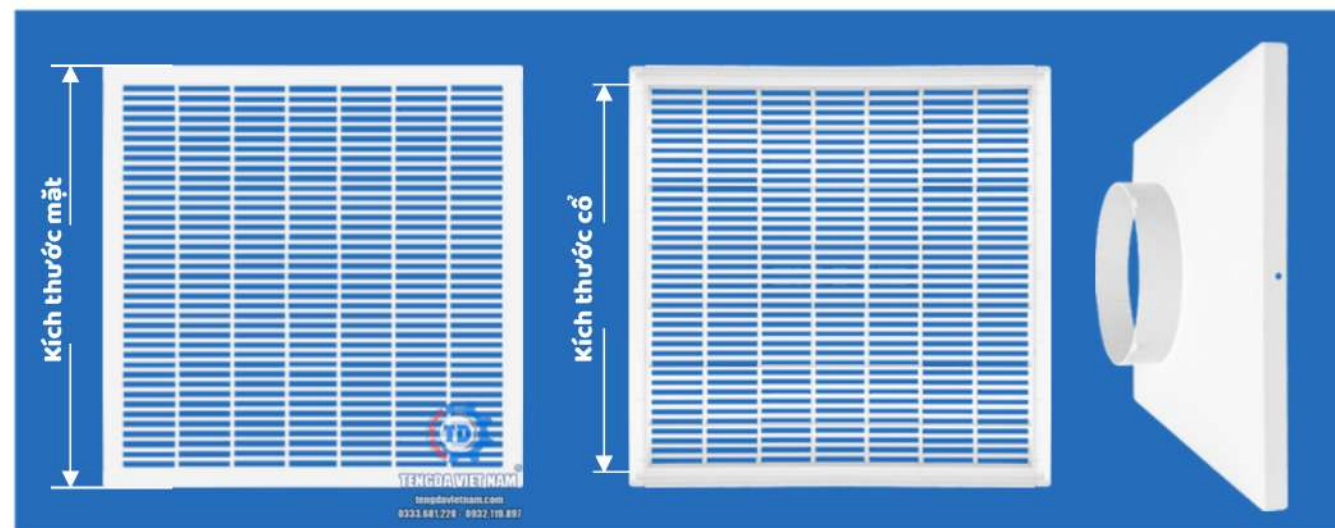


| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG                           | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|----------|------------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 600W-360 | Viên lớn liền khối có lưới kéo rút | 600*600 | 360*360 | 150/200/250/300 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

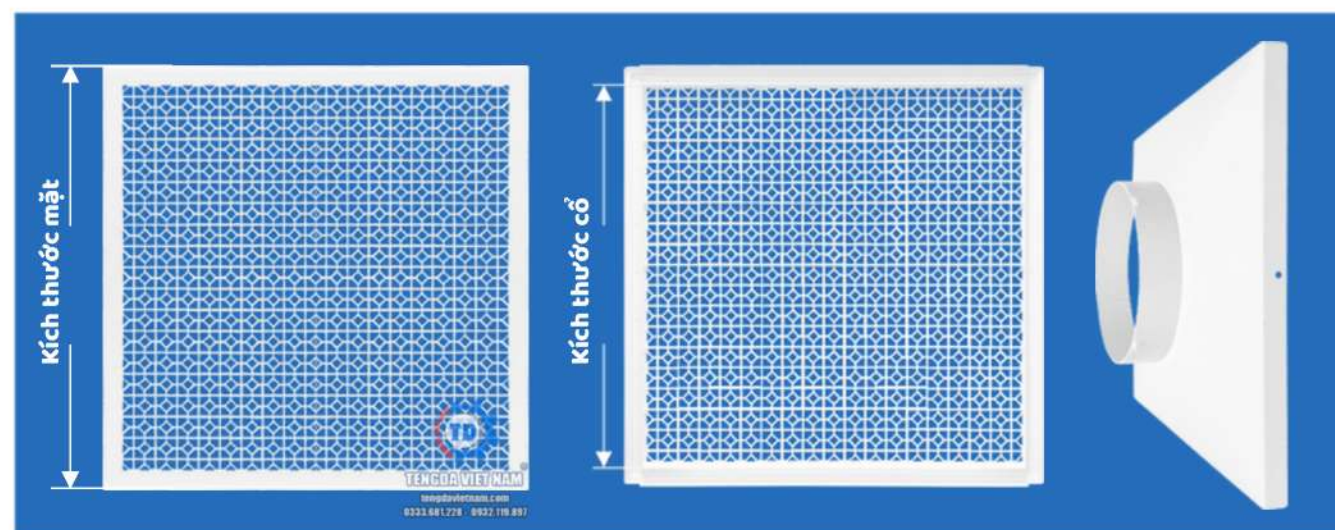
## CỬA HỒI GIÓ LIỀN THÂN LƯU LƯỢNG GIÓ LỚN CÓ LƯỚI - TD1008

Miệng gió khuếch tán hình vuông được làm từ nhựa ABS nguyên sinh cao cấp, bề mặt mịn và sáng bóng, chống đọng sương, không ngưng tụ nước, khó ngả vàng, không biến dạng, thân thiện với môi trường và không mùi.



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                      | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|-------------------------------|---------|---------|-----------------|
| 112W    | Cửa gió hồi liền thân có lưới | 600*600 | 552*552 | 200/250/300/350 |

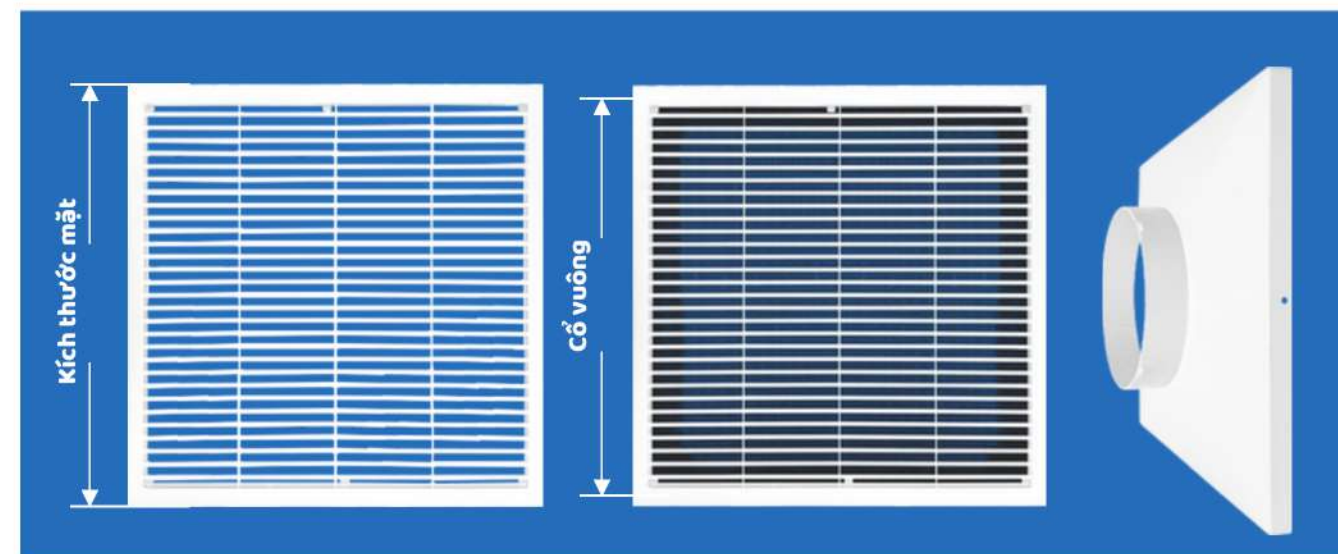
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                  | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|---------------------------|---------|---------|-----------------|
| 201L    | Tấm trần hồi lưu cạnh lớn | 600*600 | 552*552 | 200/250/300/350 |

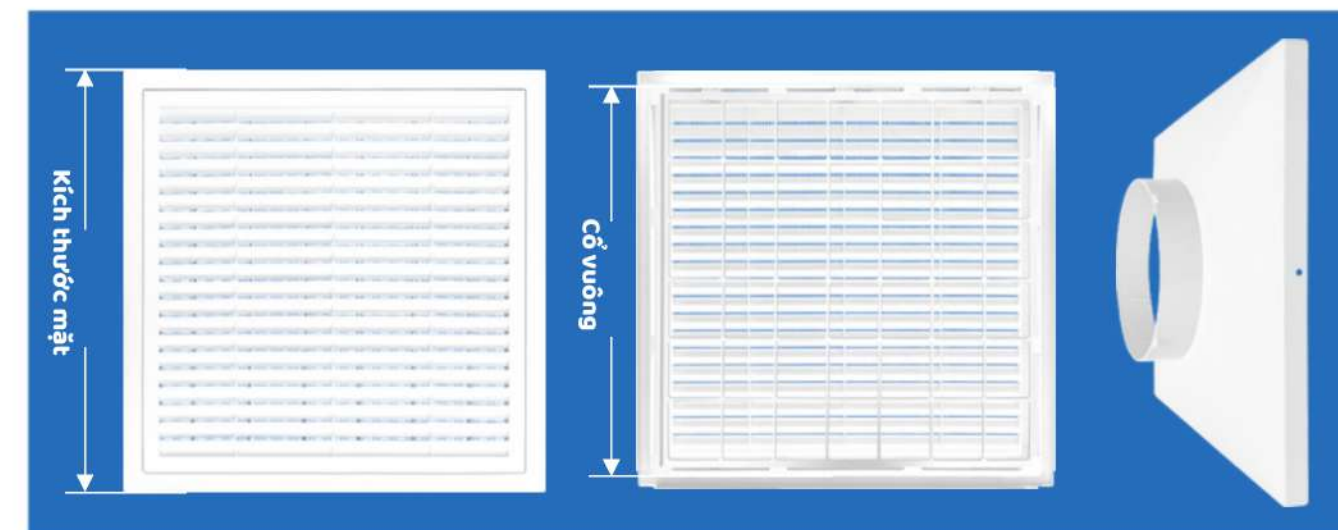
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA GIÓ HỒI DẠNG KHE KIỂU THANH - TD1009



| MÃ HÀNG                 | TÊN HÀNG        | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|-------------------------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| 600-XT dạng khe         | Cửa gió hồi khe | 600*600 | 550*550 | 200/250/300/350 |
| 600-XT dạng khe có lưới | Cửa gió hồi khe | 600*600 | 550*550 | 200/250/300/350 |

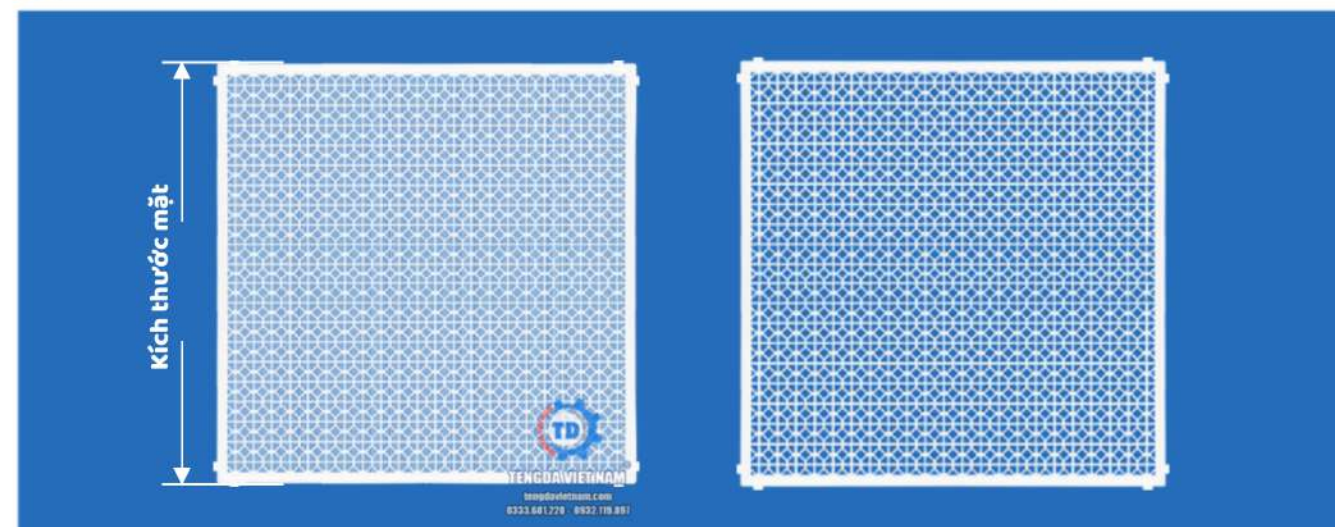
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                  | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|---------------------------|---------|---------|-----------------|
| 600-HF  | Cửa gió có bản lề có lưới | 600*600 | 550*550 | 200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

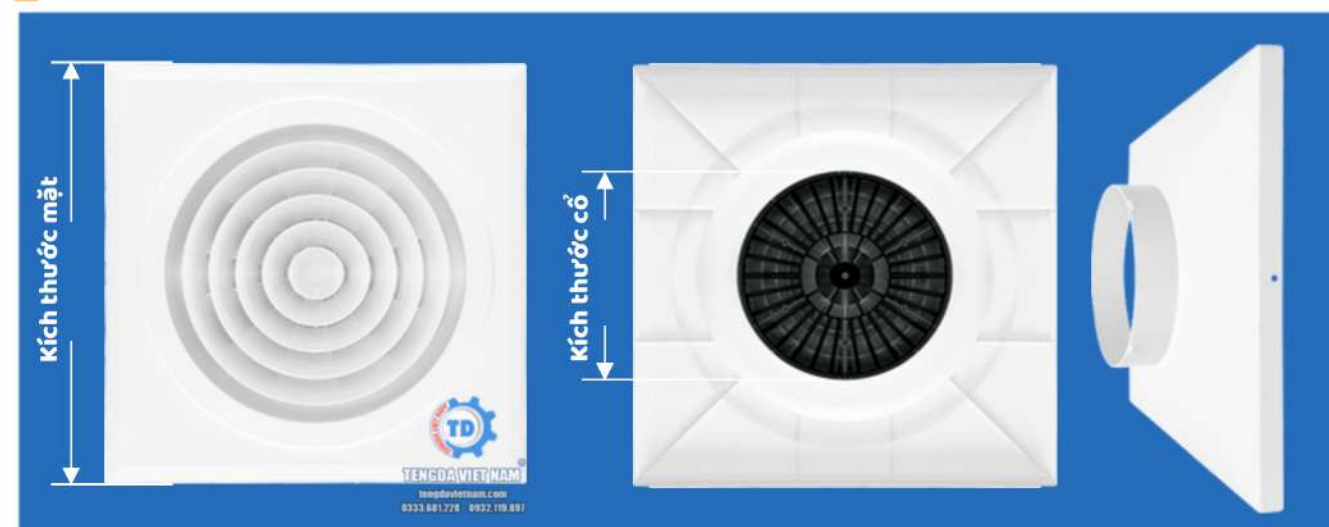
### TẤM LƯỚI GIÓ VÀO ABS 603\*603 - TD1010



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                  | KTM     | BỘ CHUYỂN ĐỔI          |
|---------|---------------------------|---------|------------------------|
| 201A    | Tấm trần hồi lưu cạnh nhỏ | 603*603 | Đặt làm mẫu không lưới |
| 201B    | Tấm trần hồi lưu cạnh nhỏ | 595*595 | Đặt làm mẫu không lưới |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

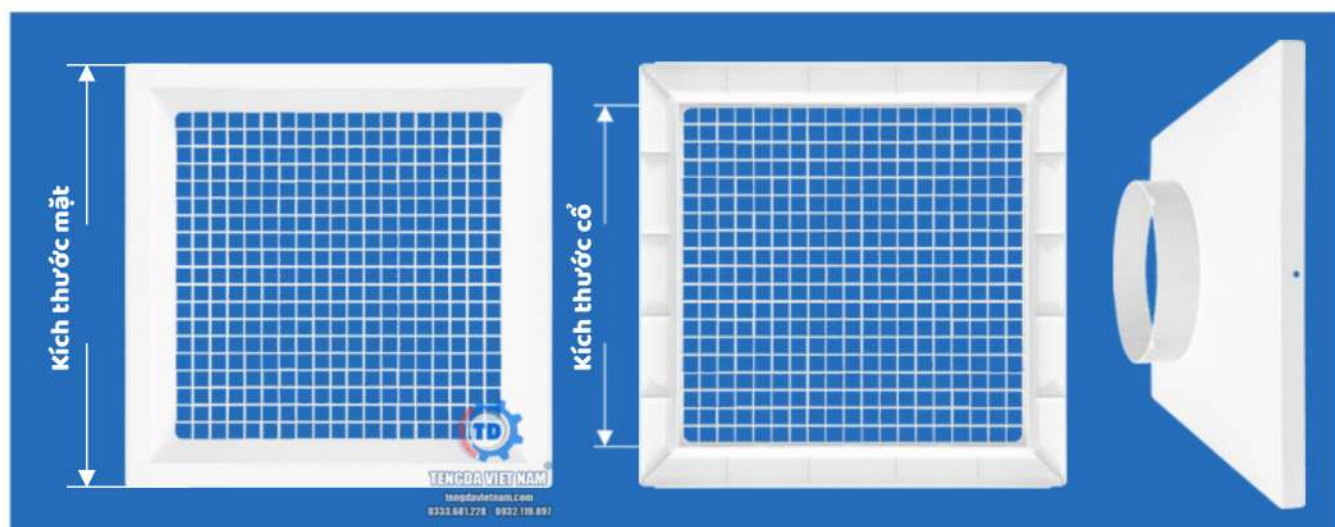
### CỬA GIÓ TÁN VUÔNG TRÒN XOAY - TD1011



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                    | KTM     | KTC | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|-----------------------------|---------|-----|-----------------|
| 104L    | cửa gió tán vuông tròn xoay | 600*600 | 300 | 100/150/200/250 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

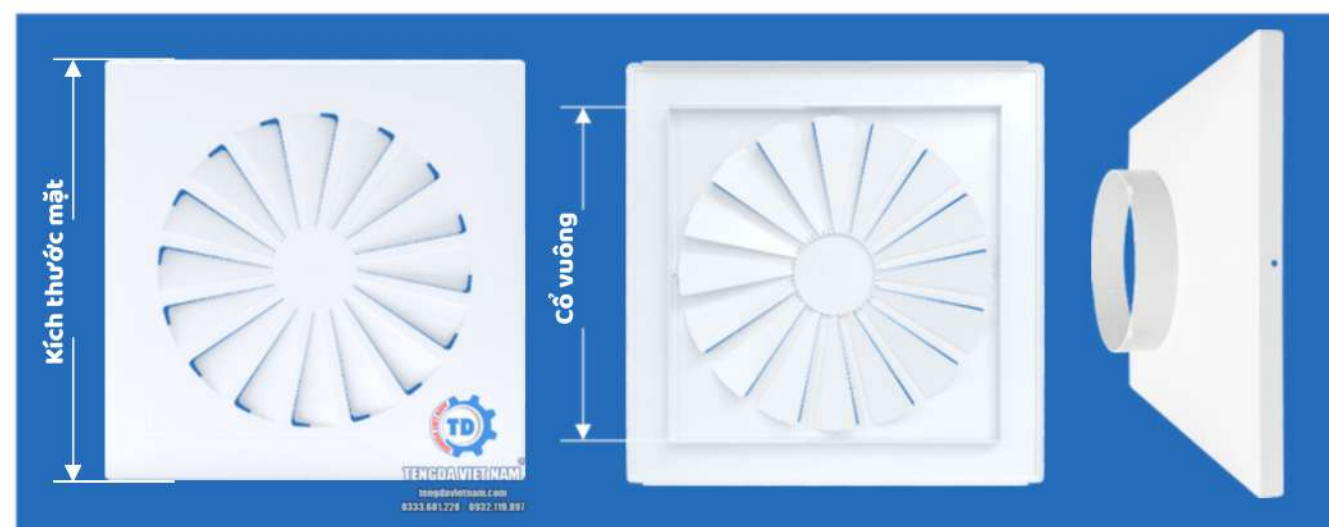
### CỬA GIÓ SỢT TRỨNG- TD1012



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG          | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|---------|-------------------|---------|---------|-----------------|
| 106L    | cửa gió sốt trứng | 600*600 | 480*480 | 200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

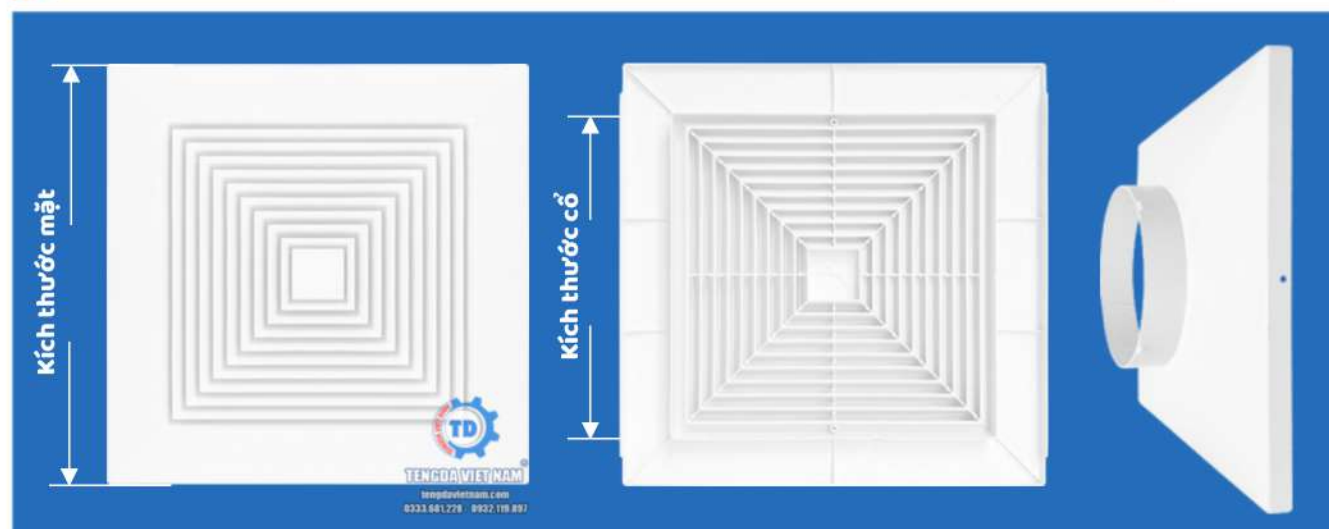
### CỬA GIÓ KHUẾCH TÁN XOÁY PHẪNG - TD1013



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                      | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI       |
|---------|-------------------------------|---------|---------|---------------------|
| 600-XL  | Cửa gió khuếch tán xoay phẳng | 600*600 | 480*480 | 150/200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

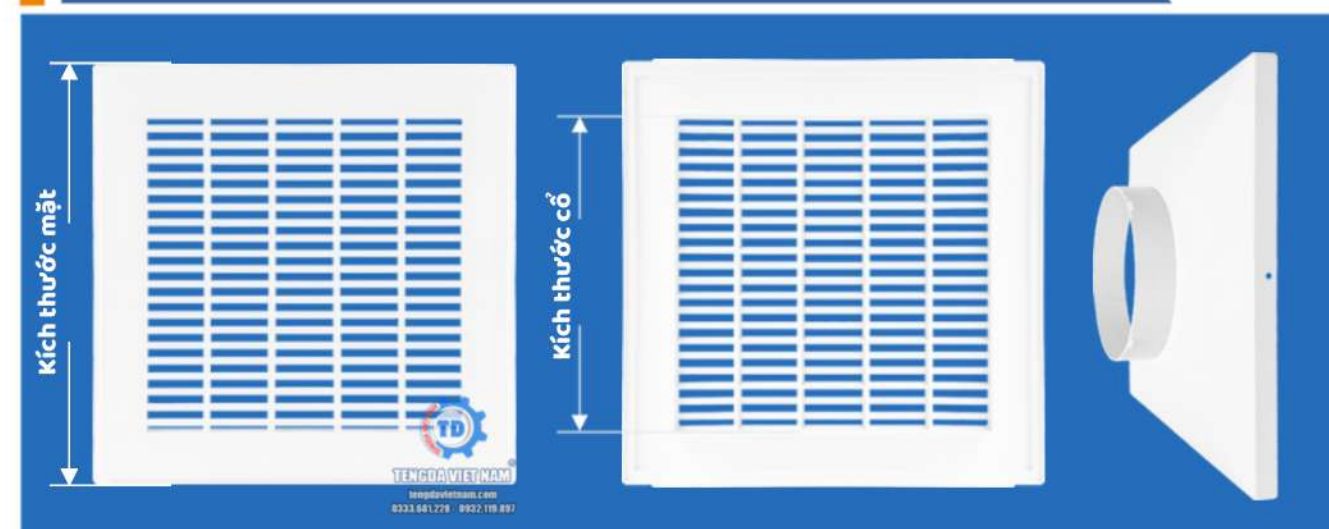
### CỬA TÁN GIÓ NAN CHÉO NHỎ - TD1014



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                                   | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|--------------------------------------------|---------|---------|---------------|
| 300B    | Cửa tán gió nan chéo nhỏ cho trần tích hợp | 300*300 | 230*230 | 100/150/200   |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ CHO TRẦN TÍCH HỢP CÓ LƯỚI - TD1015

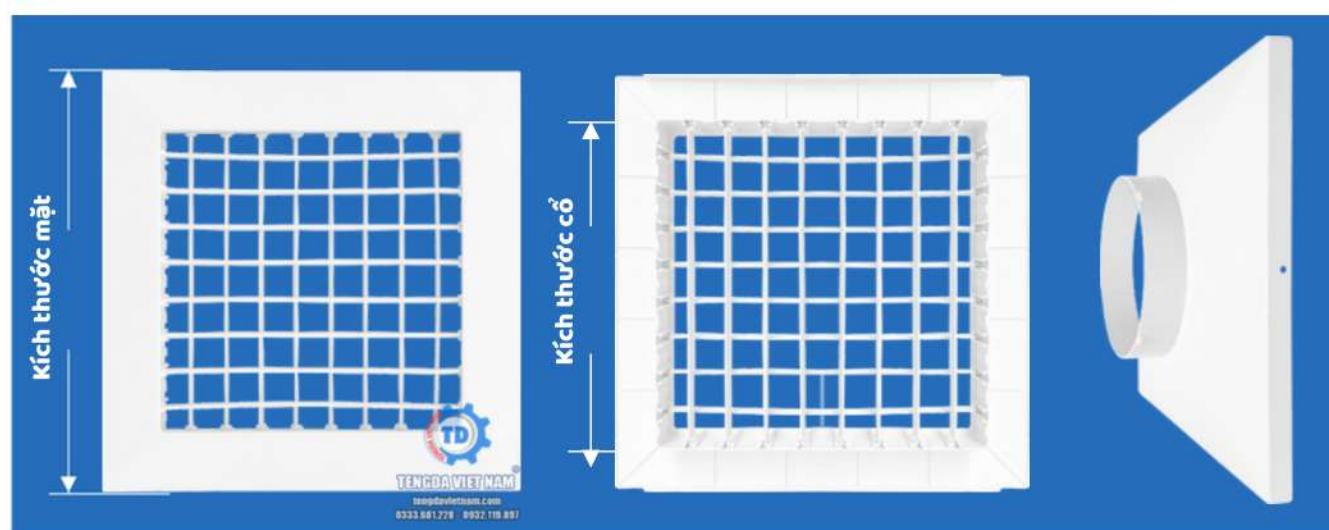


| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                          | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|-----------------------------------|---------|---------|---------------|
| 300D    | Cửa gió cho trần tích hợp có lưới | 300*300 | 230*230 | 100/150/200   |

(chọn loại có lưới hoặc không lưới)

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

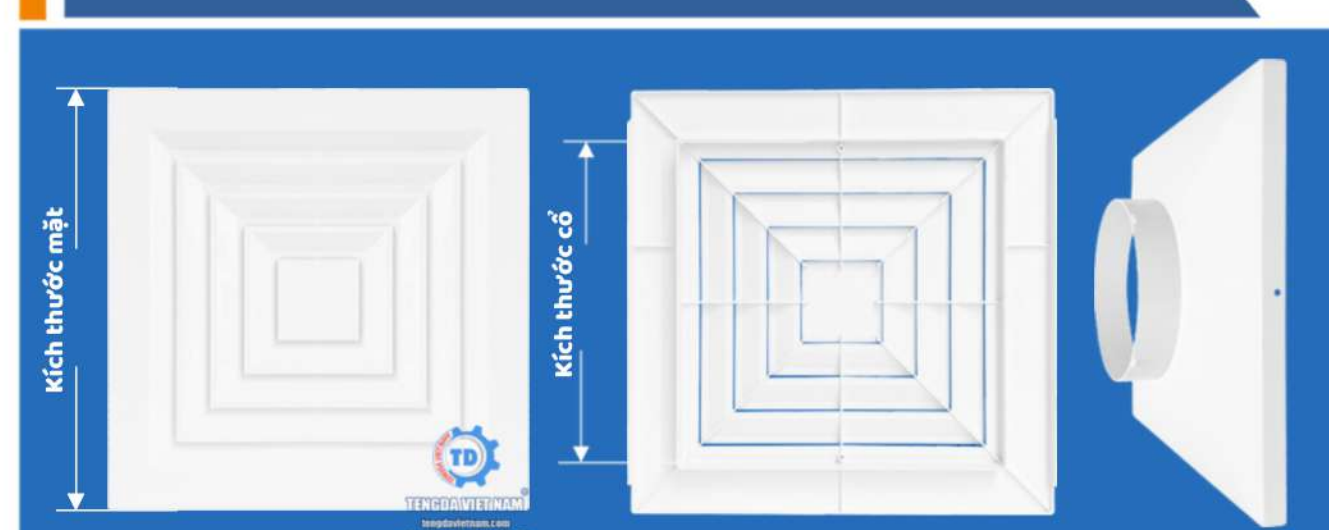
### CỬA GIÓ NAN ĐÔI CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH - TD1016



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                          | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|-----------------------------------|---------|---------|---------------|
| 300C    | Cửa gió nan đôi có thể điều chỉnh | 300*300 | 230*230 | 100/150/200   |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA TÁN GIÓ NAN CHÉO LỚN - TD1017



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                 | KTM     | KTC     | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|--------------------------|---------|---------|---------------|
| 300A    | Cửa tán gió nan chéo lớn | 300*300 | 230*230 | 100/150/200   |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

CỬA THOÁT KHÍ HÌNH CẦU ABS - TD1018



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                   | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|----------------------------|-----|-----|--------|---------------|
| 75Q     | cửa thoát khí hình cầu ABS | 115 | 75  | 42     | 72            |
| 100Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 139 | 100 | 57     | 95            |
| 150Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 200 | 150 | 80     | 145           |
| 200Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 265 | 200 | 94     | 195           |
| 250Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 310 | 250 | 145    | 245           |
| 300Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 360 | 300 | 155    | 295           |
| 315Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 360 | 315 | 155    | 310           |
| 350Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 416 | 350 | 172    | 345           |
| 400Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 472 | 400 | 177    | 395           |
| 450Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 523 | 450 | 185    | 445           |
| 500Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 595 | 500 | 186    | 495           |
| 630Q    | cửa thoát khí hình cầu ABS | 730 | 630 | 230    | 625           |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

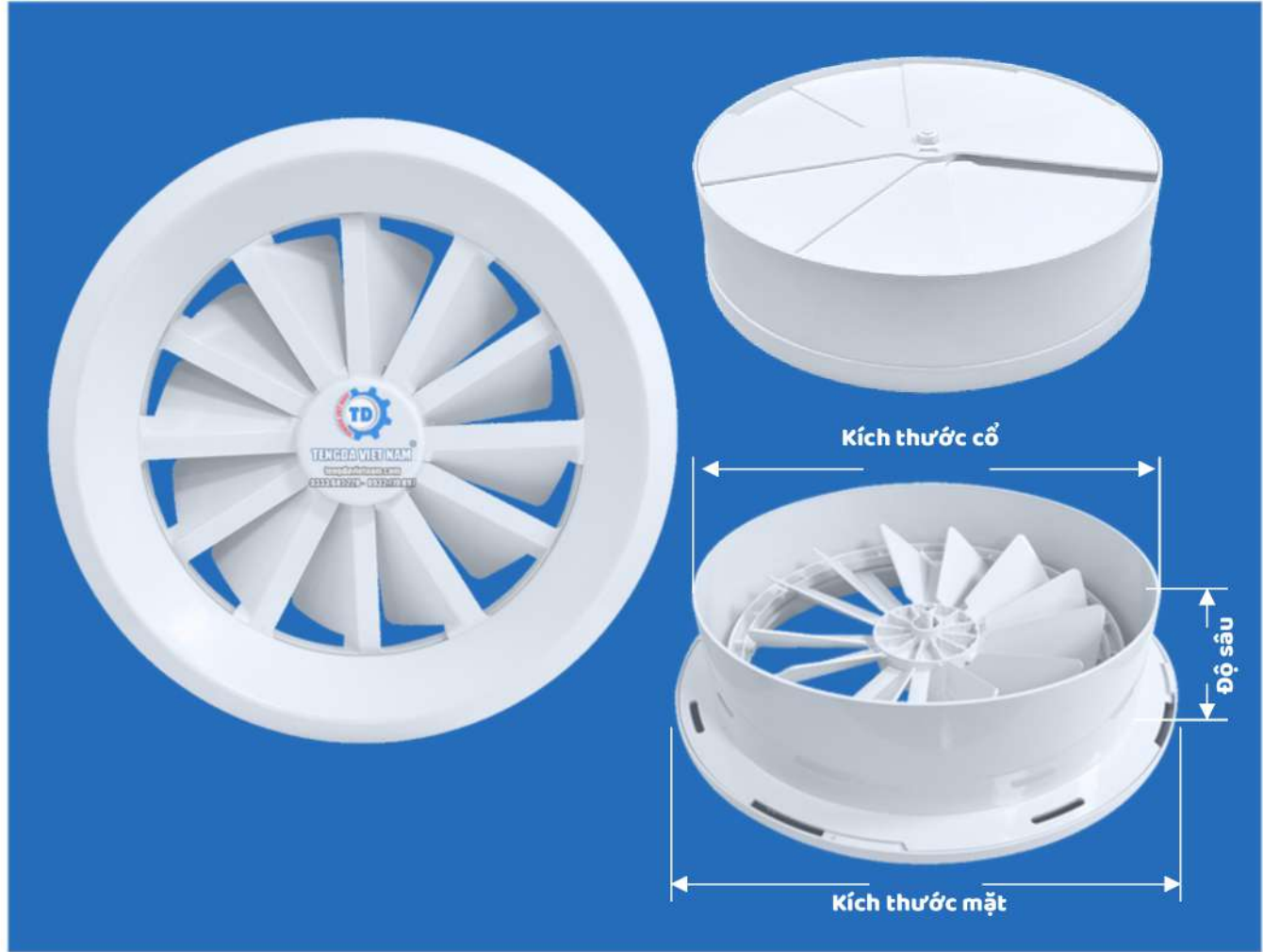
BỘ VAN ĐIỀU CHỈNH ABS - TD1019



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG              | ĐƯỜNG KÍNH | CHIỀU CAO | KTC |
|---------|-----------------------|------------|-----------|-----|
| 100Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 100        | \         | \   |
| 150Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 150        | 43        | 145 |
| 200Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 200        | 70        | 195 |
| 250Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 250        | 75        | 245 |
| 300Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 300        | 85        | 295 |
| 315Q +  | Bộ van điều chỉnh ABS | 315        | 85        | 310 |
| 350Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 350        | 90        | 345 |
| 400Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 400        | 100       | 395 |
| 450Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 450        | 50        | 445 |
| 500Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 500        | 50        | 495 |
| 630Q+   | Bộ van điều chỉnh ABS | 630        | 50        | 625 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

CỬA THOÁT KHÍ XOÁY - TD1020



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG           | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|--------------------|-----|-----|--------|---------------|
| 200H    | cửa thoát khí xoáy | 265 | 265 | 60     | 195           |
| 250H    | cửa thoát khí xoáy | 310 | 310 | 67     | 245           |
| 300H    | cửa thoát khí xoáy | 360 | 360 | 77     | 295           |
| 315H    | cửa thoát khí xoáy | 360 | 360 | 77     | 310           |
| 350H    | cửa thoát khí xoáy | 416 | 416 | 95     | 345           |
| 400H    | cửa thoát khí xoáy | 472 | 472 | 99     | 395           |
| 450H    | cửa thoát khí xoáy | 523 | 523 | 112    | 445           |
| 500H    | cửa thoát khí xoáy | 595 | 595 | 118    | 495           |
| 630H    | cửa thoát khí xoáy | 730 | 730 | 145    | 625           |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

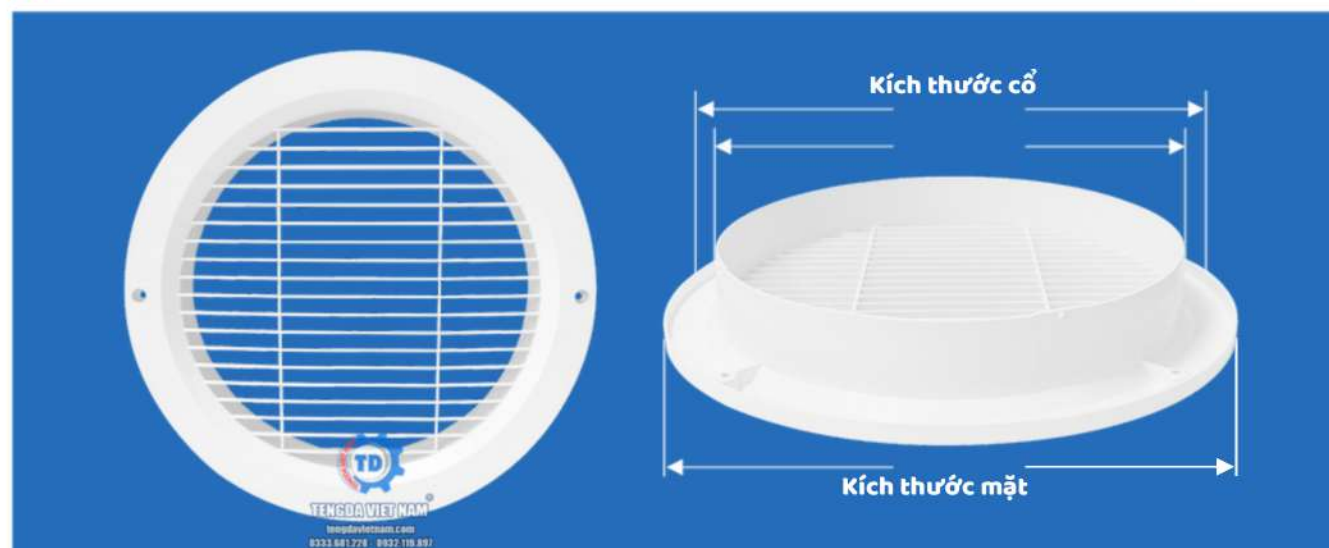
CỬA TÁN GIÓ TRÒN - TD1021



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG           | KTM | KTC     | ĐỘ SÂU      | BỘ CHUYỂN ĐỔI       |
|---------|--------------------|-----|---------|-------------|---------------------|
| 103K    | Cửa thoát khí xoáy | 200 | 160     | 150         | 100                 |
| 103H    | cửa thoát khí xoáy | 250 | 190-210 | 150         | 100                 |
| 103C    | cửa thoát khí xoáy | 300 | 230-260 | 150         | 100                 |
| 103Z    | cửa thoát khí xoáy | 310 | 260     | 250         | 100/150/200         |
| 103Z    | cửa thoát khí xoáy | 310 | 260     | 250         | 100/150/200         |
| 103D    | cửa thoát khí xoáy | 350 | 280-310 | 200         | 100/150             |
| 103A    | cửa thoát khí xoáy | 405 | 340-350 | 200/250/300 | 100/150             |
| 103A    | cửa thoát khí xoáy | 405 | 340-350 | 200/250/300 | 100/150             |
| 103E    | cửa thoát khí xoáy | 450 | 380-410 | 300         | 100/150/200/250     |
| 103B    | cửa thoát khí xoáy | 510 | 440-460 | 350         | 100/150/200/250/300 |
| 103B    | cửa thoát khí xoáy | 510 | 440-460 | 350         | 100/150/200/250/300 |
| 103F    | cửa thoát khí xoáy | 550 | 480-510 | 400         | /                   |
| 103G    | cửa thoát khí xoáy | 600 | 530-560 | 450         | /                   |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA GIÓ NAN THẲNG TRÒN LƯU LƯỢNG LỚN - TD1022



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG               | KTM | KTC | VAN ĐIỀU CHỈNH                          | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|---------|------------------------|-----|-----|-----------------------------------------|---------------|
| 250Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 310 | 260 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 250           |
| 300Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 360 | 310 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 300           |
| 350Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 410 | 360 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 350           |
| 400Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 460 | 410 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 400           |
| 450Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 510 | 460 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 445           |
| 500Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 560 | 510 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 495           |
| 550Z    | Cửa gió nan thẳng tròn | 610 | 560 | Có thể lắp thêm công tắc/van điều chỉnh | 545           |

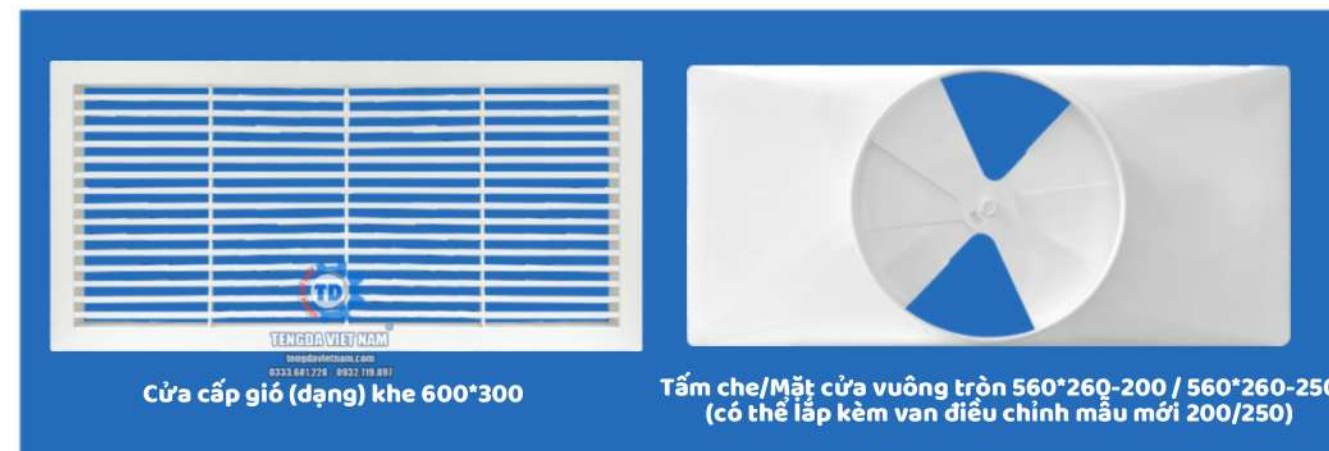
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA GIÓ CẤP VÀ HỒI ABS LẮP TẮM TRẦN NHÔM 600\*300 - TD1024



Cửa tán gió cấp gió 600\*300

Cửa hồi gió kiểu bản lề có lưới 600\*300



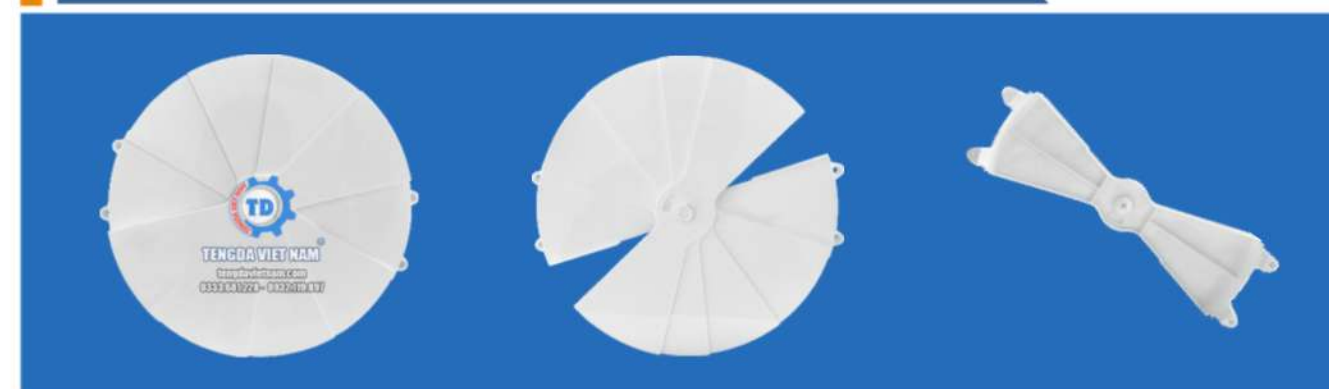
Cửa cấp gió (đạng) khe 600\*300

Tấm che/Mặt cửa vuông tròn 560\*260-200 / 560\*260-250  
(có thể lắp kèm van điều chỉnh mẫu mới 200/250)

| TÊN HÀNG                        | KTM     | ĐK TRONG | VAN ĐIỀU CHỈNH | BỘ CHUYỂN ĐỔI      |
|---------------------------------|---------|----------|----------------|--------------------|
| Cửa tán gió cấp gió             | 600*300 | 555*255  | 200/250        | Tấm che vuông tròn |
| Cửa cấp gió dạng khe            | 600*300 | 555*255  | 200/250        | 560*260-200/250    |
| Cửa hồi gió kiểu bản lề có lưới | 600*300 | 555*255  | 200/250        |                    |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## VAN ĐIỀU CHỈNH DẠNG CÁNH QUẠT MẪU MỚI - TD1023



| MÃ HÀNG                          | TÊN HÀNG                                  | ĐƯỜNG KÍNH |
|----------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| Van điều chỉnh cánh quạt 4 inch  | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 100 | 85MM       |
| Van điều chỉnh cánh quạt 6 inch  | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 150 | 135MM      |
| Van điều chỉnh cánh quạt 8 inch  | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 200 | 185MM      |
| Van điều chỉnh cánh quạt 10 inch | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 250 | 235MM      |
| Van điều chỉnh cánh quạt 12 inch | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 300 | 285MM      |
| Van điều chỉnh cánh quạt 14 inch | Van điều chỉnh dạng cánh quạt mẫu mới 350 | 335MM      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ HÌNH VUÔNG - TD1025



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG           | KTM     | CTL     | KTC |
|---------|--------------------|---------|---------|-----|
| FK100-F | Cửa gió hình vuông | 245*245 | 200*200 | 100 |
| FK150-F | Cửa gió hình vuông | 310*310 | 250*250 | 150 |
| FK200-F | Cửa gió hình vuông | 340*340 | 280*280 | 200 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA TÁN GIÓ VÒNG TRÒN ABS- TD1027



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                  | KTM | CTL | KTC | CHIỀU CAO |
|---------|---------------------------|-----|-----|-----|-----------|
| 200-YH  | Cửa tán gió vòng tròn 200 | 250 | 210 | 198 | 50        |
| 300-YH  | Cửa tán gió vòng tròn 300 | 350 | 310 | 295 | 50        |
| 350-YH  | Cửa tán gió vòng tròn 350 | 400 | 360 | 348 | 50        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### TẤM HOA VĂN GHÉP NỐI CHO CỬA GIÓ LẮP RÁP CHỐNG ĐỘNG SƯƠNG - TD1026

01

Đồng tiền

02

Lưới vuông

03

Hoa văn hình chữ điền

04

Lưới hình thoi

05

Hoa văn kim cương

06

Hoa văn sọc thẳng

07

Hoa văn mây

08

Hoa văn cổ điển

09

Hoa văn tròn

10

Hoa văn hai vòng

11

Hoa văn chữ thập

12

Hoa văn đan xen

13

Hoa văn ô vuông

14

Hoa văn thân tre

15

Hoa văn cổ điển

16

Hoa văn hình học

17

Hoa văn bát giác

KÍCH THƯỚC CHUẨN  
150mm x 345mm

### CỬA GIÓ KF-A--TD1028



| MÃ HÀNG | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|--------|-----|-----|
| LOẠI A  | 112 | 69     | 75  | 67  |
| LOẠI A  | 143 | 69     | 100 | 90  |
| LOẠI A  | 168 | 73     | 125 | 118 |
| LOẠI A  | 189 | 73     | 150 | 141 |
| LOẠI A  | 245 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ FK-L --TD1029



| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| LOẠI L  | 75  | 108 | 69     | 75  | 67  |
| LOẠI L  | 100 | 139 | 69     | 100 | 90  |
| LOẠI L  | 125 | 168 | 73     | 125 | 118 |
| LOẠI L  | 150 | 192 | 73     | 150 | 141 |
| LOẠI L  | 200 | 248 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ FK-C--TD1030



| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| LOẠI C  | 75  | 112 | 69     | 75  | 67  |
| LOẠI C  | 100 | 143 | 69     | 100 | 90  |
| LOẠI C  | 125 | 168 | 73     | 125 | 118 |
| LOẠI C  | 150 | 189 | 73     | 150 | 141 |
| LOẠI C  | 200 | 245 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

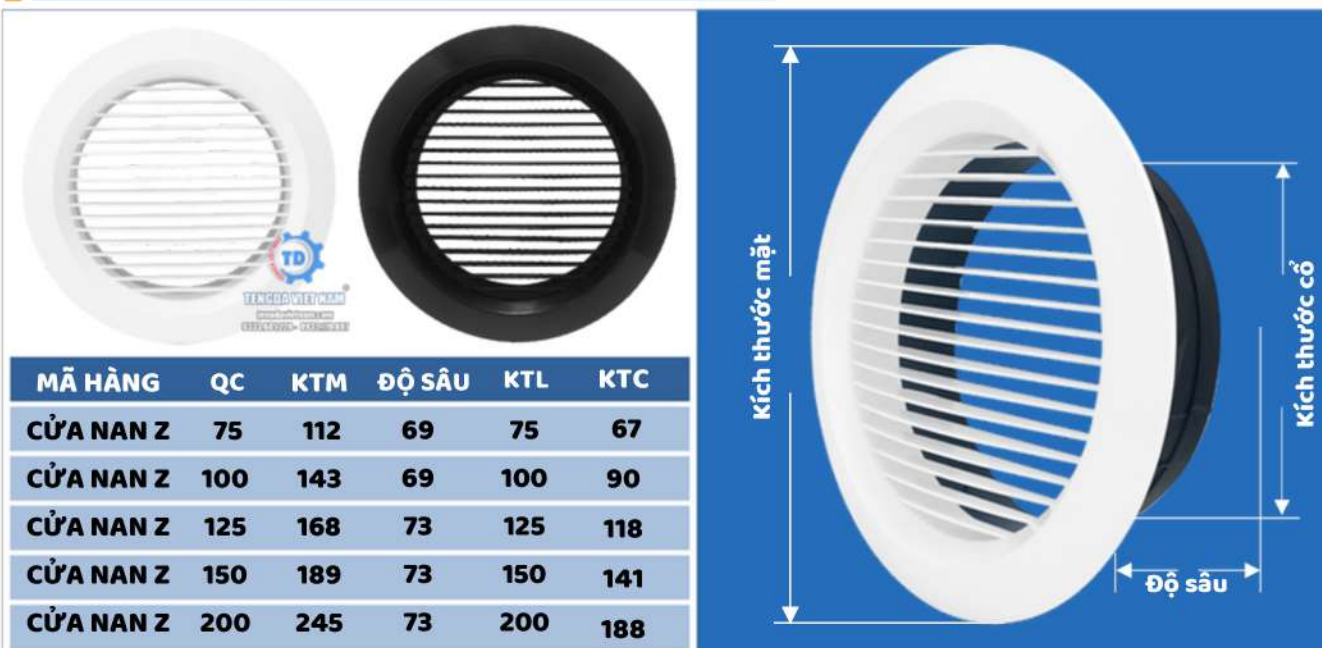
### CỬA GIÓ FK-O--TD1031



| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| LOẠI O  | 75  | 112 | 69     | 75  | 67  |
| LOẠI O  | 100 | 145 | 69     | 100 | 90  |
| LOẠI O  | 125 | 170 | 73     | 125 | 118 |
| LOẠI O  | 150 | 205 | 73     | 150 | 141 |
| LOẠI O  | 200 | 250 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

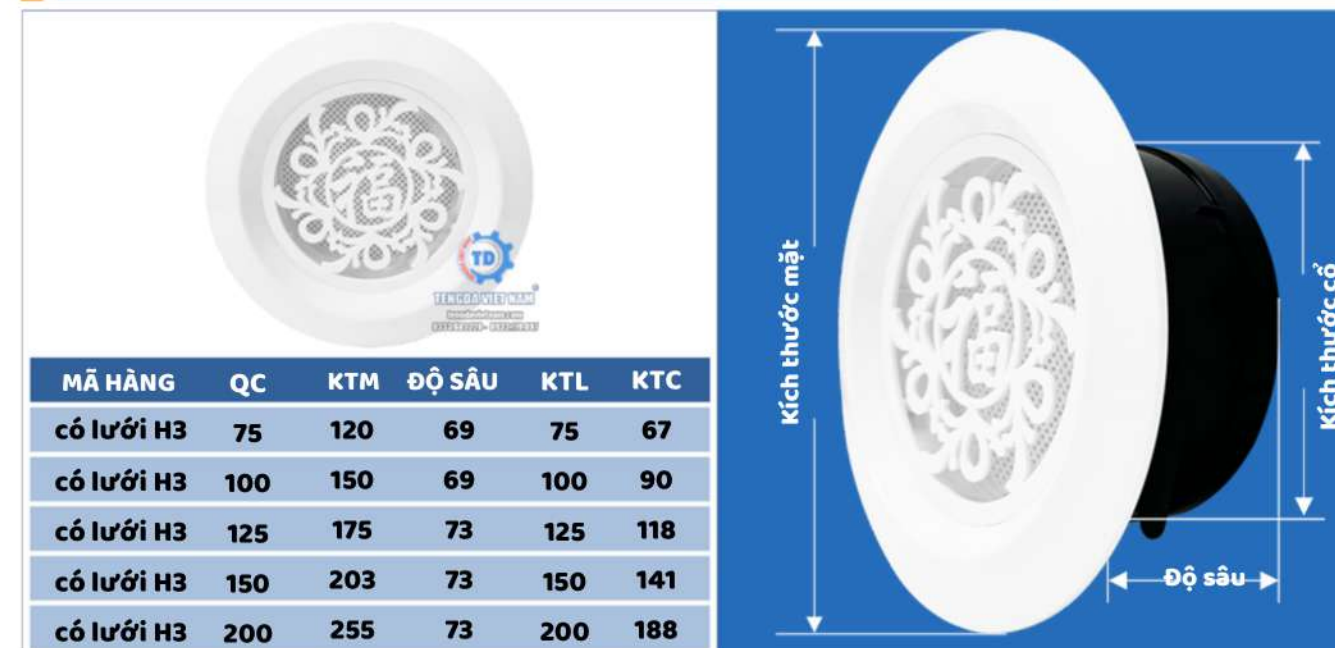
### CỬA GIÓ FK-Z -- TD1032



| MÃ HÀNG   | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|-----------|-----|-----|--------|-----|-----|
| CỬA NAN Z | 75  | 112 | 69     | 75  | 67  |
| CỬA NAN Z | 100 | 143 | 69     | 100 | 90  |
| CỬA NAN Z | 125 | 168 | 73     | 125 | 118 |
| CỬA NAN Z | 150 | 189 | 73     | 150 | 141 |
| CỬA NAN Z | 200 | 245 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

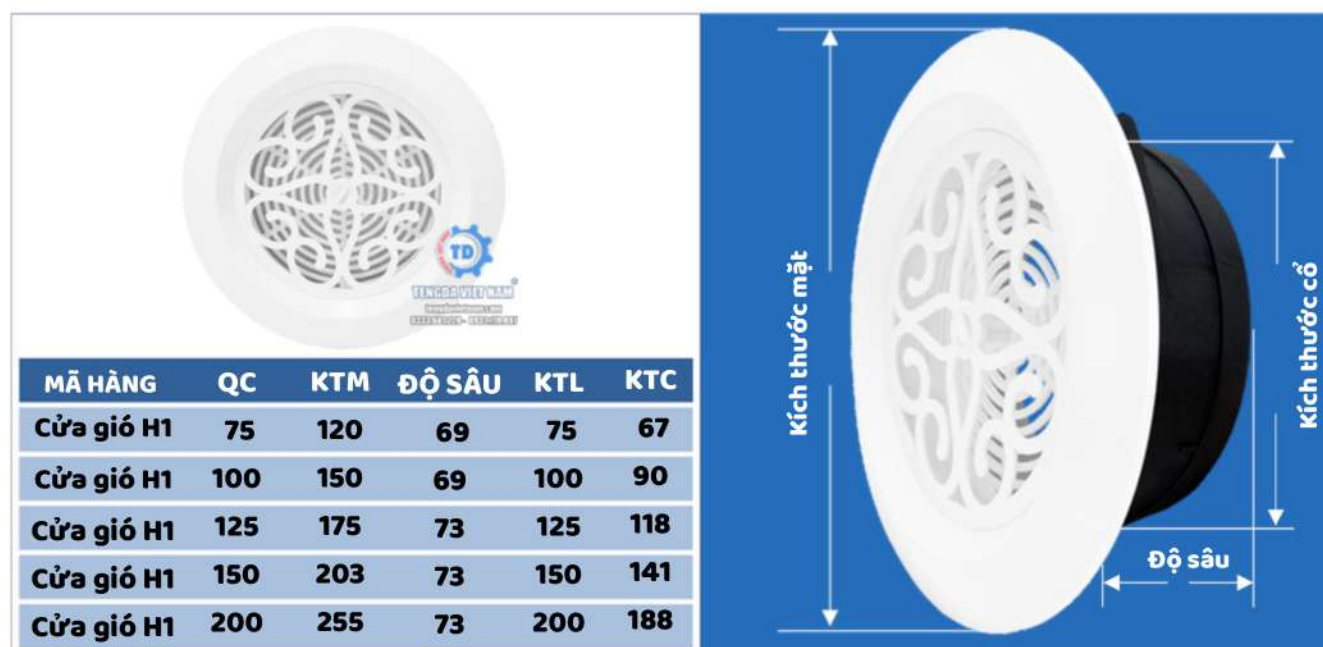
### CỬA GIÓ MỚI H3 CÓ LƯỚI MANG CHỮ "PHÚC" - TD1033



| MÃ HÀNG    | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| có lưới H3 | 75  | 120 | 69     | 75  | 67  |
| có lưới H3 | 100 | 150 | 69     | 100 | 90  |
| có lưới H3 | 125 | 175 | 73     | 125 | 118 |
| có lưới H3 | 150 | 203 | 73     | 150 | 141 |
| có lưới H3 | 200 | 255 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

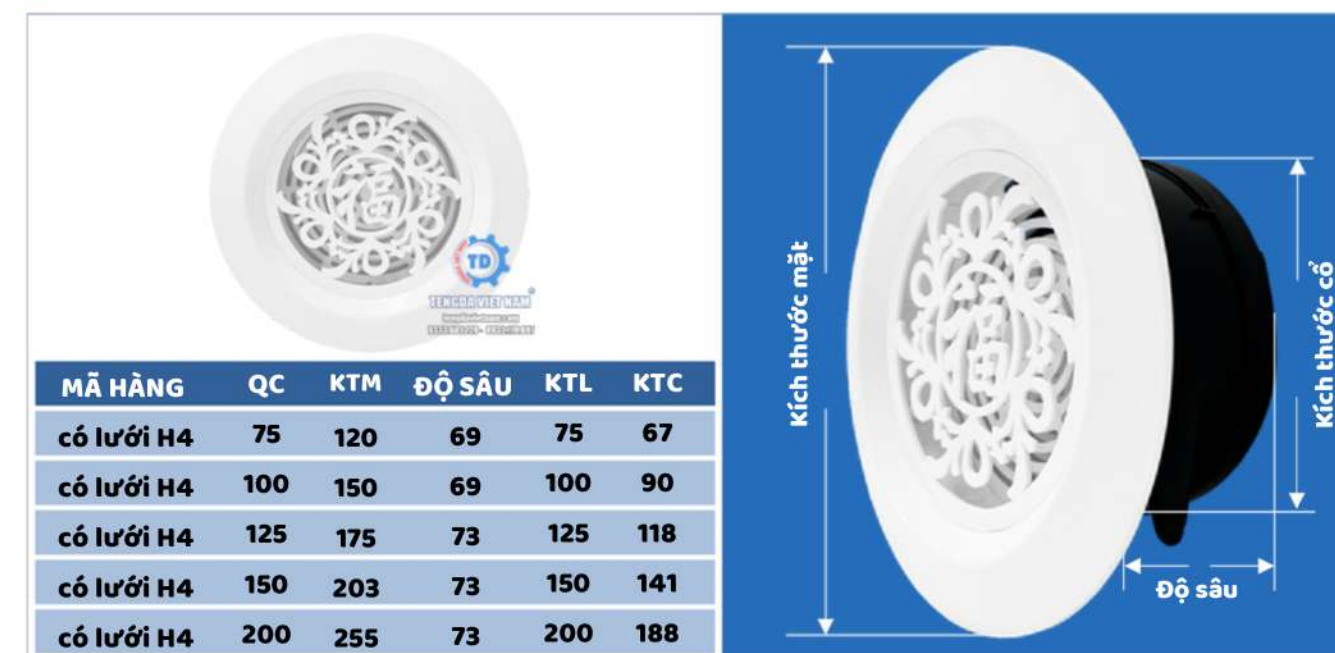
### CỬA GIÓ MỚI H1 KIỂU HOA VĂN CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH- TD1034



| MÃ HÀNG    | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Cửa gió H1 | 75  | 120 | 69     | 75  | 67  |
| Cửa gió H1 | 100 | 150 | 69     | 100 | 90  |
| Cửa gió H1 | 125 | 175 | 73     | 125 | 118 |
| Cửa gió H1 | 150 | 203 | 73     | 150 | 141 |
| Cửa gió H1 | 200 | 255 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

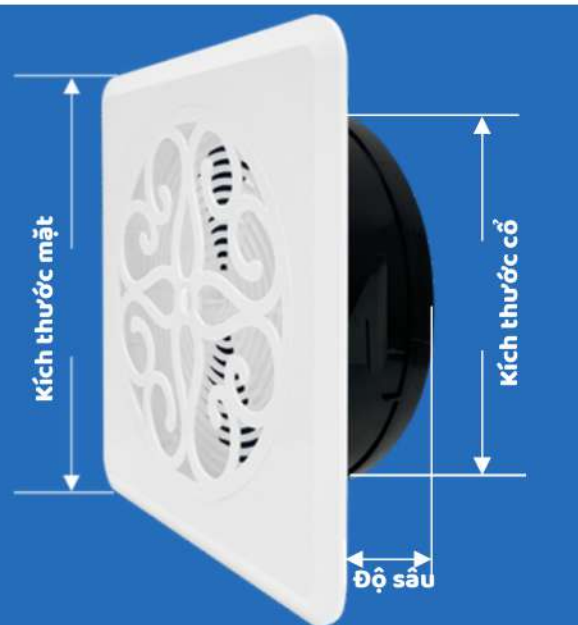
### CỬA GIÓ MỚI H4 MANG CHỮ "PHÚC" CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH- TD1035



| MÃ HÀNG    | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| có lưới H4 | 75  | 120 | 69     | 75  | 67  |
| có lưới H4 | 100 | 150 | 69     | 100 | 90  |
| có lưới H4 | 125 | 175 | 73     | 125 | 118 |
| có lưới H4 | 150 | 203 | 73     | 150 | 141 |
| có lưới H4 | 200 | 255 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

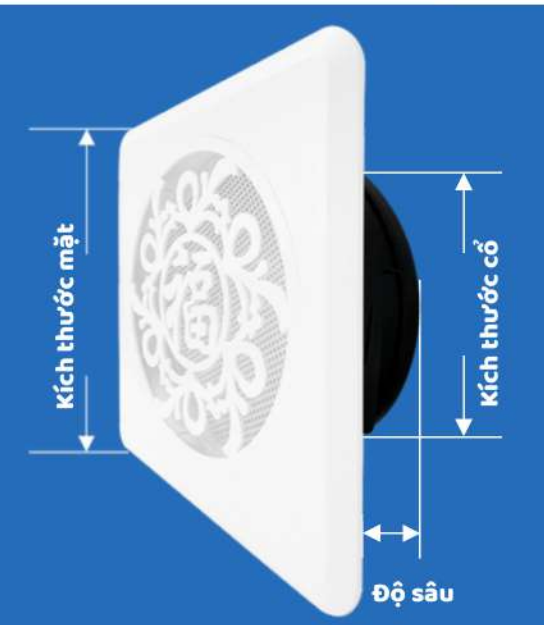
### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI HÌNH VUÔNG FX1 KIỂU HOA VĂN ĐIỀU CHỈNH - TD1036



| MÃ HÀNG          | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|------------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| FX1 kiểu hoa văn | 75  | 100 | 69     | 75  | 67  |
| FX1 kiểu hoa văn | 100 | 125 | 69     | 100 | 90  |
| FX1 kiểu hoa văn | 125 | 153 | 73     | 125 | 118 |
| FX1 kiểu hoa văn | 150 | 183 | 73     | 150 | 141 |
| FX1 kiểu hoa văn | 200 | 230 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI HÌNH VUÔNG FX3 CÓ CHỮ "PHÚC" KÈM LƯỚI- TD10037



| MÃ HÀNG        | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|----------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| FX3 chữ 'Phúc' | 75  | 100 | 69     | 75  | 67  |
| FX3 chữ 'Phúc' | 100 | 125 | 69     | 100 | 90  |
| FX3 chữ 'Phúc' | 125 | 153 | 73     | 125 | 118 |
| FX3 chữ 'Phúc' | 150 | 183 | 73     | 150 | 141 |
| FX3 chữ 'Phúc' | 200 | 230 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

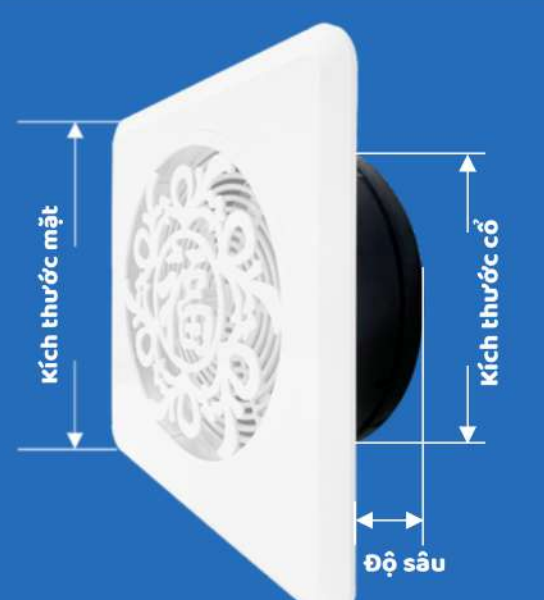
### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI HÌNH VUÔNG FX2 CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH - TD1038



| MÃ HÀNG        | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|----------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| FX2 hình vuông | 75  | 100 | 69     | 75  | 67  |
| FX2 hình vuông | 100 | 125 | 69     | 100 | 90  |
| FX2 hình vuông | 125 | 153 | 73     | 125 | 118 |
| FX2 hình vuông | 150 | 183 | 73     | 150 | 141 |
| FX2 hình vuông | 200 | 230 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

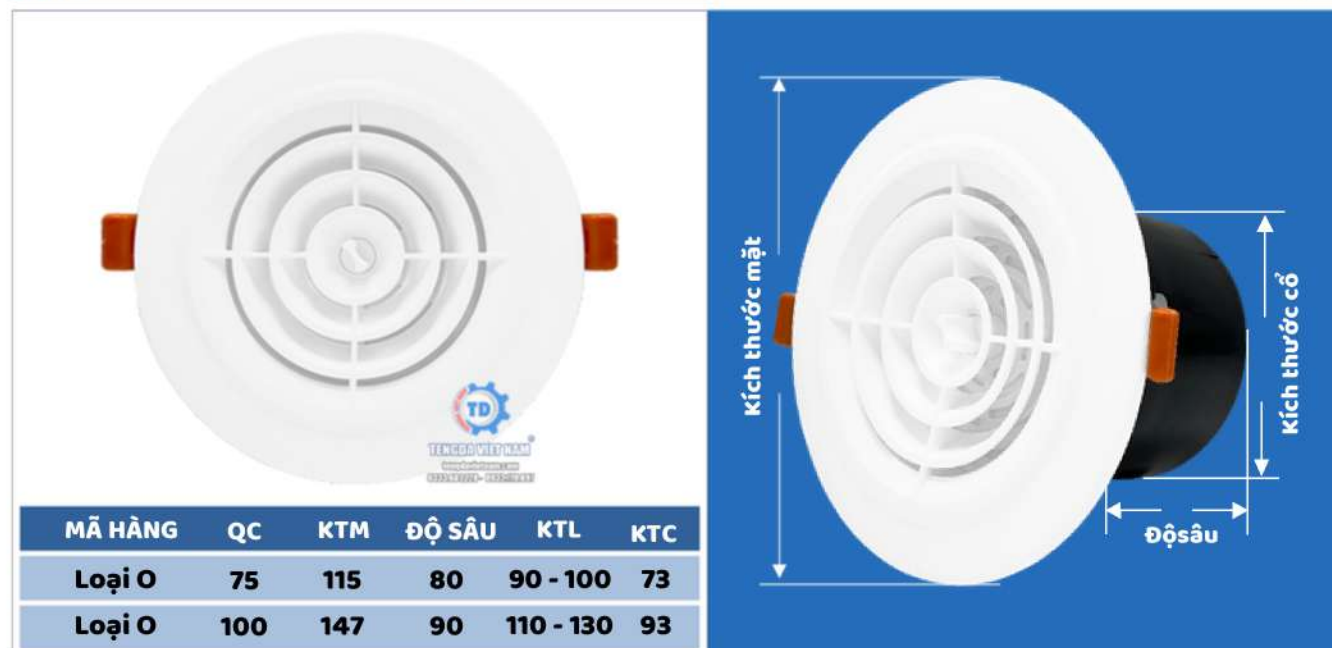
### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI FX4 CHỮ "PHÚC" CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH - TD1039



| MÃ HÀNG        | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|----------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| FX4 chữ 'Phúc' | 75  | 100 | 69     | 75  | 67  |
| FX4 chữ 'Phúc' | 100 | 125 | 69     | 100 | 90  |
| FX4 chữ 'Phúc' | 125 | 153 | 73     | 125 | 118 |
| FX4 chữ 'Phúc' | 150 | 183 | 73     | 150 | 141 |
| FX4 chữ 'Phúc' | 200 | 230 | 73     | 200 | 188 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ FK- O DÙNG NGÀM CÀI - TD1040 (KT 75-100-125- 150- 200)



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ FK- C DÙNG NGÀM CÀI - TD1041 (KT 75- 100C- 125C- 150C- 200C)



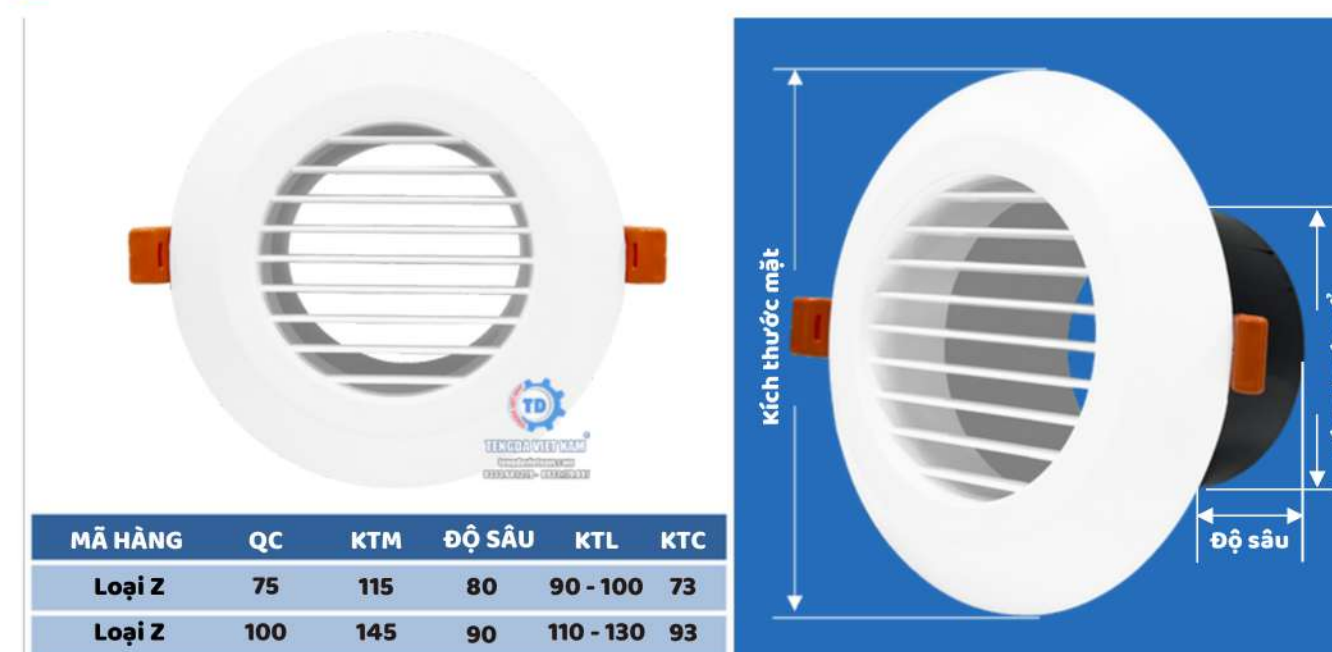
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ FK- L DÙNG NGÀM CÀI - TD1042 (KT 75- 100- 125- 150- 200 )



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI LOẠI Z DÙNG NGÀM CÀI - TD1043 (KT 75- 100- 125- 150 )



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ DẠNG ĐĨA TRÒN CÓ LƯỚI - TD1044

| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|
| Cửa gió | 75  | 117 | 80     | 72  |
| Cửa gió | 80  | 117 | 85     | 78  |
| Cửa gió | 100 | 140 | 105    | 96  |
| Cửa gió | 120 | 165 | 125    | 120 |
| Cửa gió | 150 | 190 | 155    | 146 |
| Cửa gió | 200 | 240 | 205    | 196 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ TÁN TRÒN CÓ LƯỚI - TD1045

| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Cửa gió | 75  | 117 | 50     | 80  | 72  |
| Cửa gió | 80  | 117 | 50     | 85  | 78  |
| Cửa gió | 100 | 140 | 50     | 105 | 96  |
| Cửa gió | 120 | 165 | 50     | 125 | 120 |
| Cửa gió | 150 | 190 | 50     | 155 | 146 |
| Cửa gió | 200 | 240 | 50     | 205 | 196 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ ĐĨA TRÒN CÓ LƯỚI DÙNG Lò XO - TD1046

| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Cửa gió | 75  | 117 | 57     | 95  | 72  |
| Cửa gió | 80  | 117 | 57     | 95  | 78  |
| Cửa gió | 100 | 140 | 57     | 115 | 96  |
| Cửa gió | 120 | 165 | 57     | 135 | 120 |
| Cửa gió | 150 | 190 | 62     | 165 | 146 |
| Cửa gió | 200 | 240 | 72     | 215 | 196 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ TÁN TRÒN CÓ LƯỚI DÙNG Lò XO - TD1047

| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Cửa gió | 75  | 117 | 57     | 95  | 72  |
| Cửa gió | 80  | 117 | 57     | 95  | 78  |
| Cửa gió | 100 | 140 | 57     | 115 | 96  |
| Cửa gió | 120 | 165 | 57     | 135 | 120 |
| Cửa gió | 150 | 190 | 62     | 165 | 146 |
| Cửa gió | 200 | 240 | 72     | 215 | 196 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ NAN THẲNG - TD1048

| MÃ HÀNG | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|---------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Cửa gió | 75  | 117 | 50     | 80  | 72  |
| Cửa gió | 80  | 117 | 50     | 85  | 78  |
| Cửa gió | 100 | 140 | 50     | 105 | 96  |
| Cửa gió | 120 | 165 | 50     | 125 | 120 |
| Cửa gió | 150 | 190 | 50     | 155 | 146 |
| Cửa gió | 200 | 240 | 50     | 205 | 196 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI LƯỚI ĐEN - TD1049

| MÃ HÀNG    | QC | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|------------|----|-----|--------|-----|-----|
| FK-GF-75C  | 75 | 110 | 50     | 62  | 68  |
| FK-GF-100C | 10 | 160 | 60     | 70  | 98  |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA NAN THẲNG DỪNG LÒ XO - TD1050

| MÃ HÀNG            | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|--------------------|-----|-----|--------|-----|-----|
| Mẫu nan dừng lò xo | 75  | 117 | 50     | 80  | 72  |
| Mẫu nan dừng lò xo | 80  | 117 | 50     | 85  | 78  |
| Mẫu nan dừng lò xo | 100 | 140 | 50     | 105 | 96  |
| Mẫu nan dừng lò xo | 120 | 165 | 50     | 125 | 120 |
| Mẫu nan dừng lò xo | 150 | 190 | 50     | 155 | 146 |
| Mẫu nan dừng lò xo | 200 | 240 | 50     | 205 | 196 |

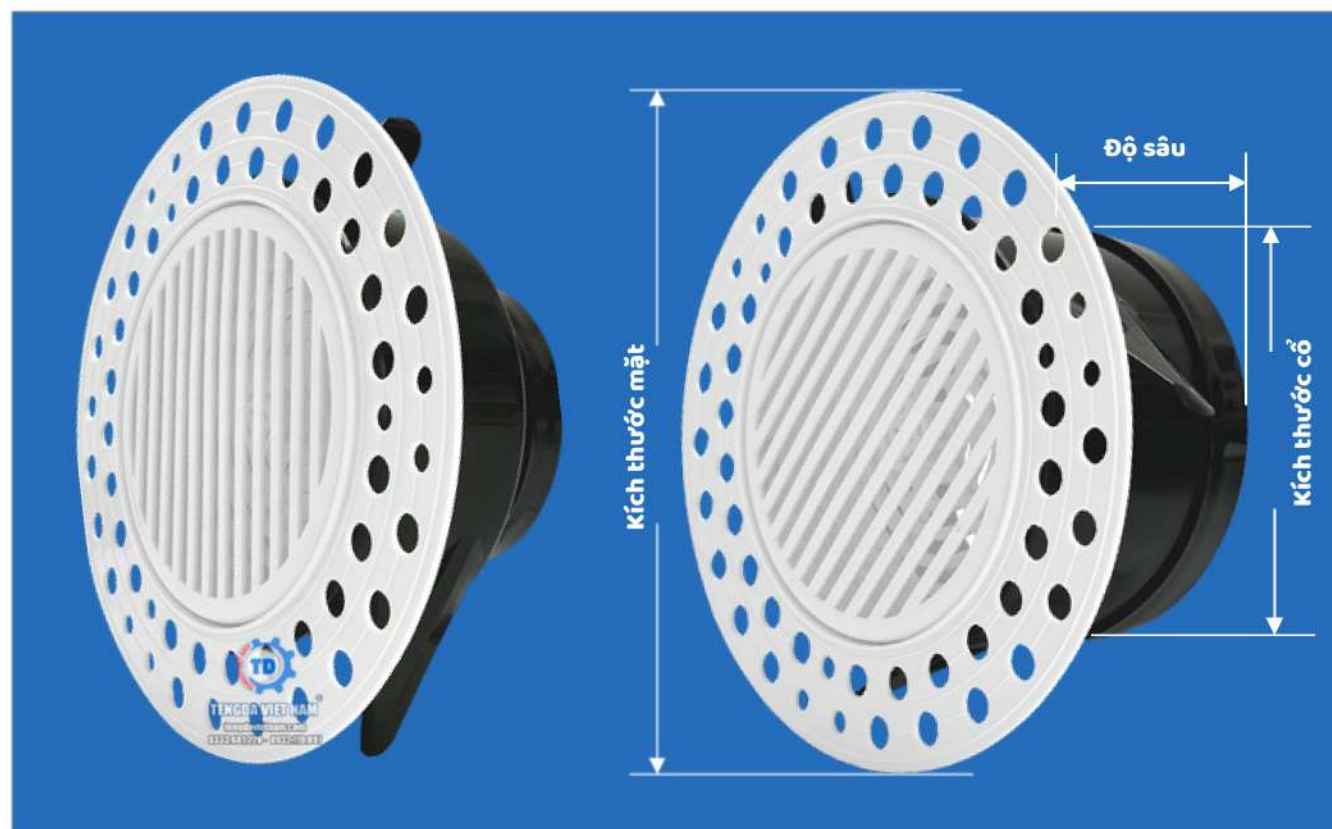
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI KIỂU ẨN ĐIỀU CHỈNH BA CẤP ĐỘ - TD1051

| MÃ HÀNG   | KTM | ĐỘ SÂU | CTL | KTC |
|-----------|-----|--------|-----|-----|
| MẪU 80mm  | 135 | 65     | 75  | 78  |
| MẪU 100mm | 150 | 62     | 72  | 95  |
| MẪU 150mm | 205 | 61     | 71  | 144 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA CẤP GIÓ TƯƠI CHẤM VIỀN TRÒN - TD1052



**VẬN MAY  
ĐÃ ĐẾN**

**THUẬN BUỒM  
XUÔI GIÓ**

**HOA KHAI  
PHÚ QUÝ**

**HOA ĐẸP  
TRĂNG TRÒN**

**TAM DƯƠNG  
KHAI THÁI**

| MÃ HÀNG      | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTC | CTL | KHUNG VIỀN | CỬA GIÓ |
|--------------|-----|-----|--------|-----|-----|------------|---------|
| Cửa gió tươi | 75  | 140 | 66     | 68  | 110 | 26         | 86      |
| Cửa gió tươi | 100 | 140 | 66     | 95  | 110 | 26         | 86      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA CẤP GIÓ TƯƠI SIÊU MỎNG (MẪU MỚI) - TD1053



**VẬN MAY  
ĐÃ ĐẾN**

**THUẬN BUỒM  
XUÔI GIÓ**

**HOA KHAI  
PHÚ QUÝ**

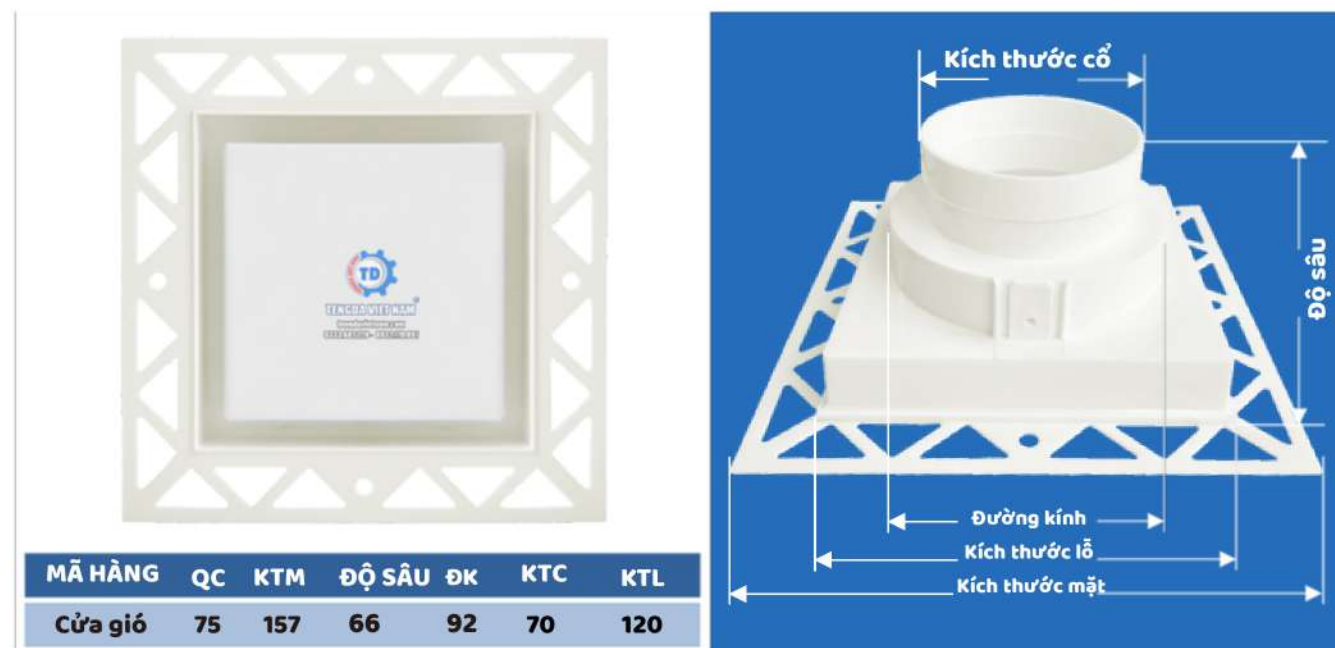
**HOA ĐẸP  
TRĂNG TRÒN**

**TAM DƯƠNG  
KHAI THÁI**

| MÃ HÀNG      | QC  | KTM | ĐỘ SÂU | KTC | CTL | KHUNG VIỀN | CỬA GIÓ |
|--------------|-----|-----|--------|-----|-----|------------|---------|
| Cửa gió tươi | 75  | 140 | 66     | 68  | 110 | 26         | 86      |
| Cửa gió tươi | 100 | 140 | 66     | 95  | 110 | 26         | 86      |

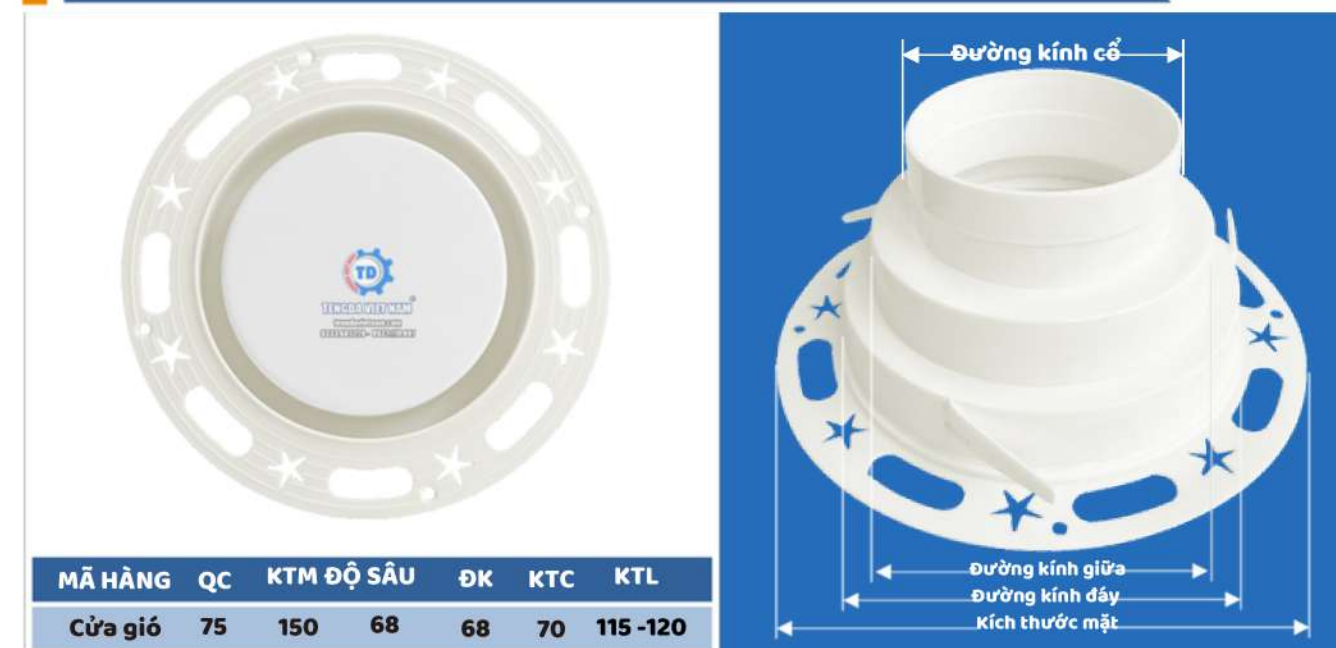
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LẮP ÂM HÌNH VUÔNG CAO CẤP 75MM - TD1054



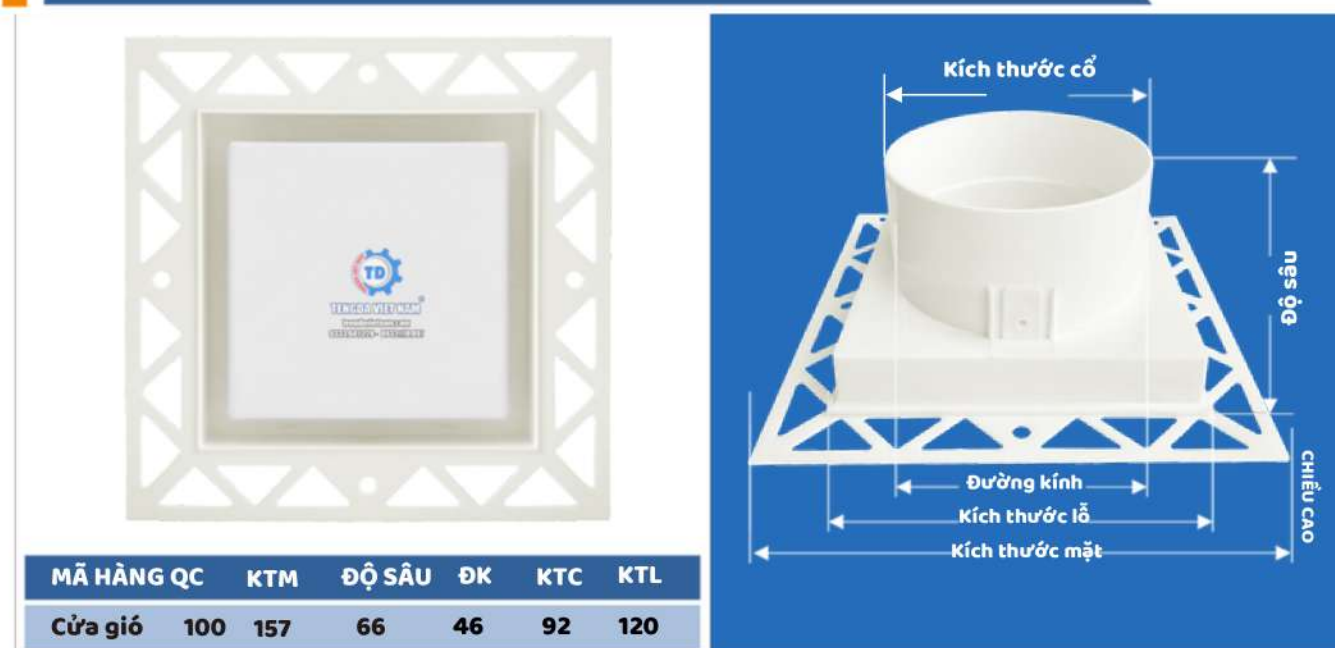
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LẮP ÂM HÌNH TRÒN CAO CẤP 75MM - TD1055



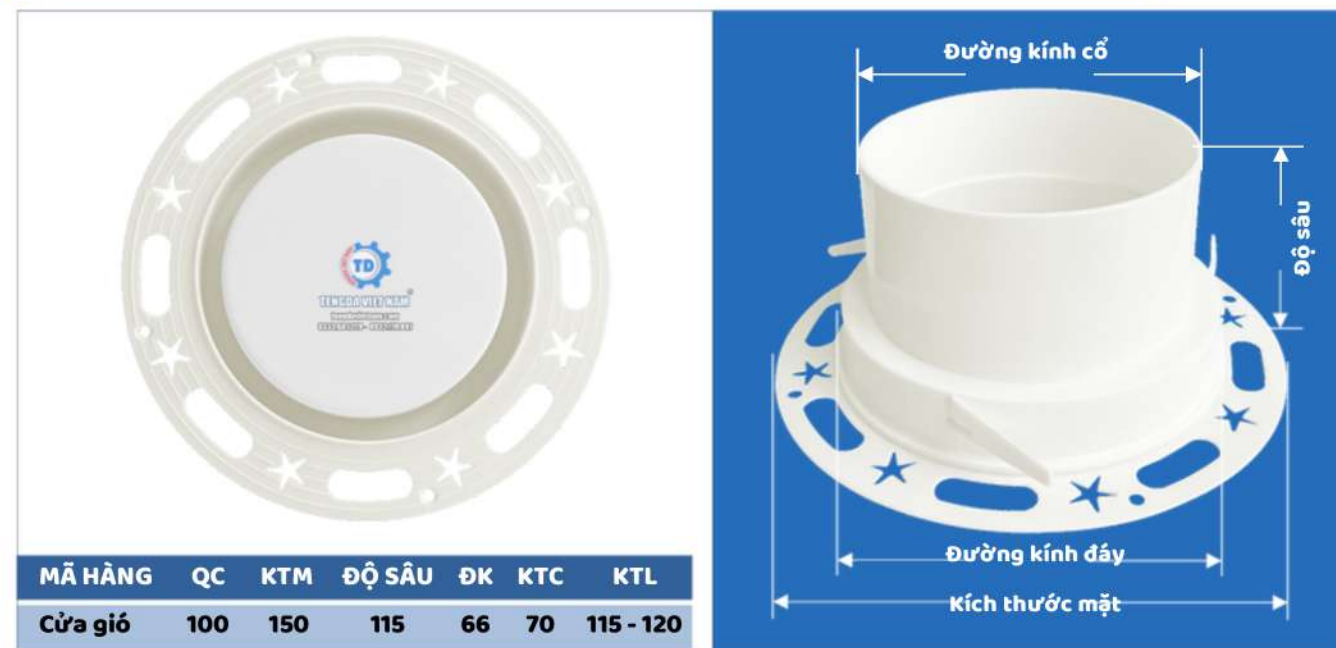
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LẮP ÂM HÌNH VUÔNG CAO CẤP 100MM - TD1056



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LẮP ÂM HÌNH TRÒN CAO CẤP 100MM - TD1057

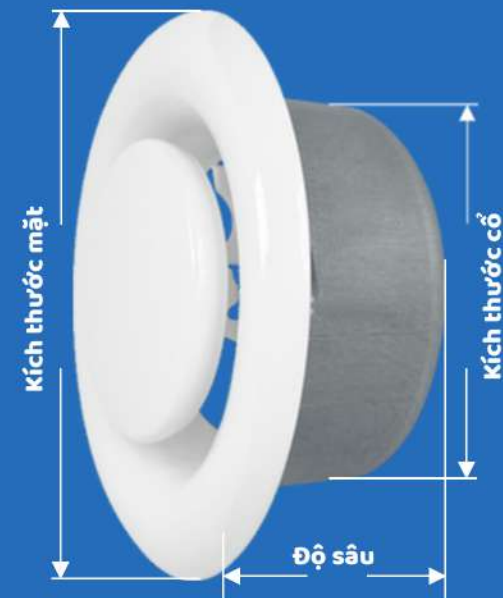


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA CẤP GIÓ SẮT - TD1058



| MÃ HÀNG             | KTM | KTC | CHIỀU CAO |
|---------------------|-----|-----|-----------|
| Cửa cấp gió sắt 80  | 115 | 79  | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 100 | 138 | 99  | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 125 | 164 | 124 | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 150 | 202 | 149 | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 160 | 208 | 159 | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 200 | 248 | 199 | 50        |
| Cửa cấp gió sắt 250 | 305 | 249 | 50        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA HỒI GIÓ SẮT (KÍCH THƯỚC) 80-250 - TD1060



| MÃ HÀNG             | KTM | KTC | CHIỀU CAO |
|---------------------|-----|-----|-----------|
| Cửa hồi gió sắt 80  | 115 | 79  | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 100 | 138 | 99  | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 125 | 164 | 124 | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 150 | 202 | 149 | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 160 | 208 | 159 | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 200 | 248 | 199 | 50        |
| Cửa hồi gió sắt 250 | 305 | 249 | 50        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA CẤP GIÓ NAN SẮT - TD1059



| MÃ HÀNG              | KTM | KTC | CHIỀU CAO |
|----------------------|-----|-----|-----------|
| Cửa cấp gió lưới 100 | 126 | 98  | 50        |
| Cửa cấp gió lưới 150 | 180 | 147 | 50        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA CẤP GIÓ HÌNH VUÔNG KIỂU NHẤN XOAY - TD1061



| MÃ HÀNG | ĐƯỜNG KÍNH | KTC | ĐỘ SÂU |
|---------|------------|-----|--------|
| 100mm   | 40*140     | 96  | 61     |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ TUYẾN DẠNG KHE TRÒN LẮP ÂM - TD1062



| MÃ HÀNG | KTM | ĐỘ DÂY | CTL |
|---------|-----|--------|-----|
| Cửa gió | 150 | 25     | 155 |
| Cửa gió | 200 | 25     | 205 |
| Cửa gió | 250 | 25     | 255 |
| Cửa gió | 300 | 25     | 305 |
| Cửa gió | 350 | 25     | 355 |
| Cửa gió | 400 | 25     | 405 |
| Cửa gió | 450 | 25     | 455 |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ TRÒN TỨ KHE - TD1063



| MÃ HÀNG       | KTM | KTC | CHIỀU CAO                  |
|---------------|-----|-----|----------------------------|
| Cửa thông gió | 150 | 95  | 50 (có thể tăng chiều cao) |
| Cửa thông gió | 190 | 145 | 50 (có thể tăng chiều cao) |
| Cửa thông gió | 240 | 195 | 50 (có thể tăng chiều cao) |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT ĐĨA TRÒN ABS GIẢ SỬ - TD1064

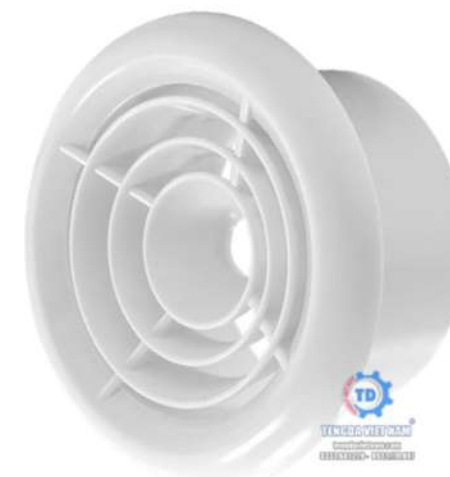


| MÃ HÀNG | ĐK NGOÀI | CỔ NỐI | ĐỘ SÂU |
|---------|----------|--------|--------|
| 75mm    | 122      | 74     | 53     |
| 100mm   | 146      | 97     | 53     |
| 150mm   | 198      | 147    | 53     |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ TƯƠI HÌNH TRÒN 50MM - TD1065



| MÃ HÀNG     | KTM | KTC | ĐỘ SÂU |
|-------------|-----|-----|--------|
| Cửa cấp gió | 60  | 45  | 30     |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA TÁN GIÓ TRÒN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC LOẠI CAO CẤP/SANG TRỌNG - TD1066



| MÃ HÀNG          | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | CHIỀU CAO |
|------------------|-----|-----|--------|-----------|
| Cửa gió tán tròn | 144 | 97  | 57     | 72        |
| Cửa gió tán tròn | 210 | 147 | 57     | 74        |
| Cửa gió tán tròn | 270 | 197 | 71     | 91        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LÁ SÁCH HÌNH VUÔNG - TD1067



| MÃ HÀNG | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | CHIỀU CAO |
|---------|-----|-----|--------|-----------|
| 100mm   | 153 | 99  | 32     | 48        |
| 125mm   | 203 | 124 | 25     | 38        |
| 150mm   | 203 | 149 | 25     | 38        |
| 200mm   | 247 | 197 | 32     | 46        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ ĐĨA TRÒN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC LOẠI CAO CẤP/SANG TRỌNG - TD1068



| MÃ HÀNG          | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | CHIỀU CAO |
|------------------|-----|-----|--------|-----------|
| Cửa gió tán tròn | 144 | 97  | 57     | 72        |
| Cửa gió tán tròn | 210 | 147 | 57     | 74        |
| Cửa gió tán tròn | 270 | 197 | 71     | 91        |

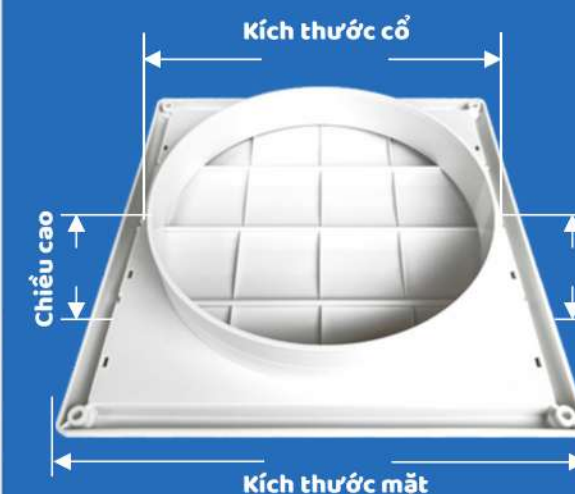


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ LÁ SÁCH DI ĐỘNG HÌNH VUÔNG - TD1069



| MÃ HÀNG | KTM | KTC | ĐỘ SÂU | CHIỀU CAO |
|---------|-----|-----|--------|-----------|
| 100mm   | 153 | 99  | 32     | 48        |
| 125mm   | 203 | 124 | 25     | 38        |
| 150mm   | 203 | 149 | 25     | 38        |
| 200mm   | 247 | 197 | 32     | 46        |

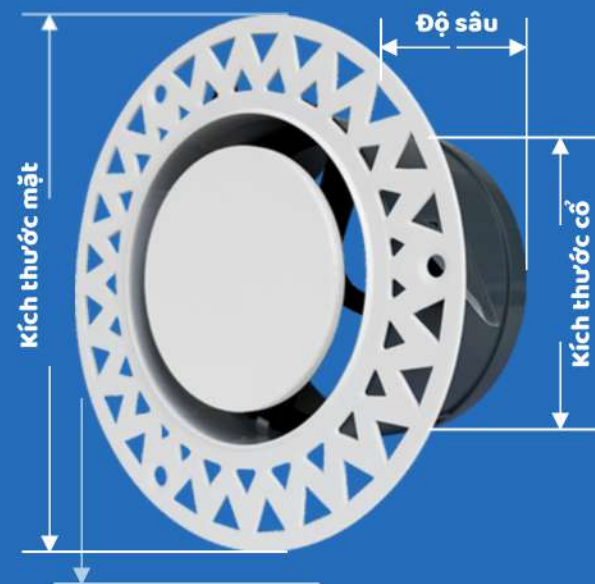


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ MỀM LẮP ÂM LOẠI E - TD1070



| MÃ HÀNG   | KTM | ĐK CỔ | ĐỘ SÂU | CTL |
|-----------|-----|-------|--------|-----|
| Cửa gió E | 140 | 70    | 68     | 110 |
| Cửa gió E | 140 | 95    | 68     | 110 |
| Cửa gió E | 250 | 14    | 83     | 210 |
| Cửa gió E | 250 | 195   | 83     | 210 |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ HÌNH CẦU CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH - TD1071



| MÃ HÀNG | KTM | ĐK CỔ | ĐỘ SÂU | CHIỀU CAO |
|---------|-----|-------|--------|-----------|
| 200QK   | 250 | 195   | 32     | 143       |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA CẤP GIÓ ĐĨA TRÒN CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH - TD1072



| MÃ HÀNG      | KTM | ĐK CỔ | ĐỘ SÂU | CTL |
|--------------|-----|-------|--------|-----|
| Cửa gió tươi | 140 | 70    | 66     | 110 |
| Cửa gió tươi | 140 | 95    | 66     | 110 |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## HỘP BOX THẢO LẮP - TD1073



| QUY CÁCH                            | KT MẶT  | KT CỔ | CHIỀU CAO CỔ |
|-------------------------------------|---------|-------|--------------|
| Hộp Box vuông 250mm sang tròn 150mm | 240*240 | 140   | 45           |
| Hộp Box vuông 250mm sang tròn 200mm | 240*240 | 185   | 58           |
| Hộp Box vuông 300mm sang tròn 150mm | 290*290 | 140   | 45           |
| Hộp Box vuông 300mm sang tròn 200mm | 290*290 | 185   | 52           |
| Hộp Box vuông 300mm sang tròn 250mm | 290*290 | 240   | 40           |
| Hộp Box vuông 350mm sang tròn 200mm | 340*340 | 190   | 50           |
| Hộp Box vuông 350mm sang tròn 250mm | 340*340 | 240   | 40           |
| Hộp Box vuông 400mm sang tròn 200mm | 390*390 | 190   | 50           |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## HỘP BOX CỔ ĐỊNH- TD1074



| MÃ HÀNG              | KT MẶT  | KT CỔ | CHIỀU CAO CỔ | BỘ CHUYỂN ĐỔI       |
|----------------------|---------|-------|--------------|---------------------|
| Hộp box 101K mẫu mới | 552*552 | 100   | 40           | 200/250/300/350     |
| Hộp box 101A mẫu mới | 480*480 | 87    | 40           | 200/250/300/350     |
| Hộp box 108A mẫu mới | 360*360 | 84    | 40           | 150/200/250/300/350 |
| Hộp box 107A mẫu mới | 330*330 | 80    | 45           | 150/200/250/300     |
| Hộp box 107B mẫu mới | 280*280 | 80    | 45           | 150/200/250         |
| Hộp box 107C mẫu mới | 230*230 | 75    | 45           | 100/150/200         |
| Hộp box 107D mẫu mới | 180*180 | 75    | 45           | 100/150             |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

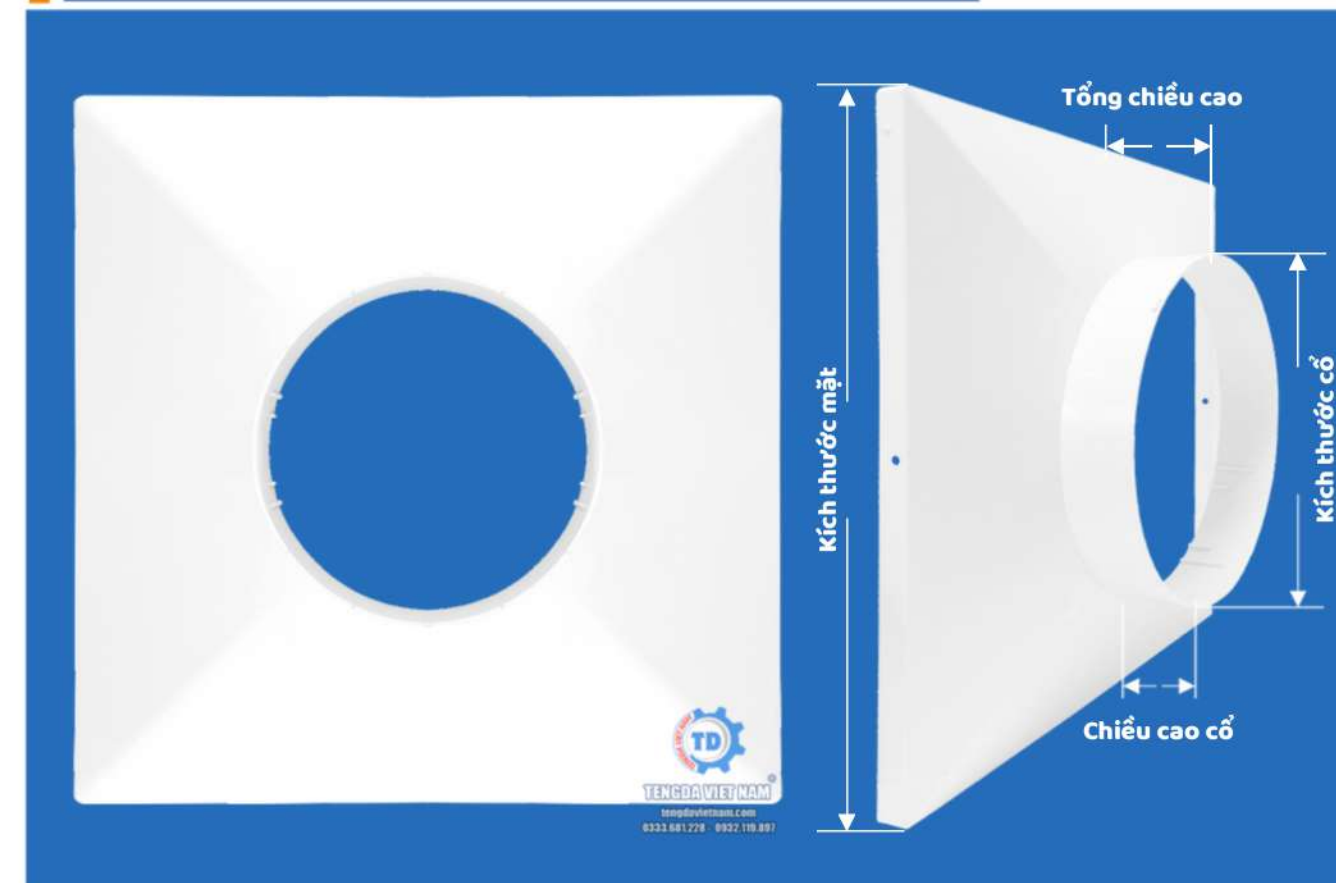
## HỘP BOX CÓ CẠNH - TD1075



| QUY CÁCH                        | KT MẶT  | KT CỔ | CHIỀU CAO CỔ |
|---------------------------------|---------|-------|--------------|
| Mặt vuông 250mm sang tròn 150mm | 240*240 | 140   | 45           |
| Mặt vuông 250mm sang tròn 200mm | 240*240 | 185   | 58           |
| Mặt vuông 300mm sang tròn 150mm | 290*290 | 140   | 45           |
| Mặt vuông 300mm sang tròn 200mm | 290*290 | 185   | 52           |
| Mặt vuông 300mm sang tròn 250mm | 290*290 | 240   | 40           |
| Mặt vuông 350mm sang tròn 200mm | 340*340 | 190   | 50           |
| Mặt vuông 350mm sang tròn 250mm | 340*340 | 240   | 40           |
| Mặt vuông 400mm sang tròn 200mm | 390*390 | 190   | 50           |
| Mặt vuông 550mm sang tròn 200mm | 555*555 | 181   | 60           |
| Mặt vuông 550mm sang tròn 250mm | 555*555 | 231   | 60           |
| Mặt vuông 550mm sang tròn 300mm | 555*555 | 281   | 60           |
| Mặt vuông 550mm sang tròn 350mm | 555*555 | 331   | 60           |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## HỘP BOX KHÔNG CẠNH - TD1076



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG               | KT MẶT  | KT CỔ | CHIỀU CAO CỔ | BỘ CHUYỂN ĐỔI      |
|---------|------------------------|---------|-------|--------------|--------------------|
| 101K    | Mặt che 101K mẫu cũ    | 552*552 | 100   | 40           | 200/250            |
| 101K    | Mặt che 101K mẫu cũ    | 552*552 | 100   | 40           | 300/350            |
| 101A    | Mặt che 101A mẫu cũ    | 480*480 | 160   | 40           | 200/250/300/350    |
| 101A    | Mặt che 107A (có lưới) | 480*480 | 85    | 40           | 200/250/300/350    |
| 101B    | Mặt che 107B mẫu cũ    | 360*360 | 85    | 40           | 150/200/250/300/35 |
| 101C    | Mặt che 107C mẫu cũ    | 330*330 | 90    | 40           | 0 150/200/250/300  |
| 101D    | Mặt che 107A mẫu cũ    | 280*280 | 90    | 35           | 150/200/250        |
| 101E    | Mặt che 107B mẫu cũ    | 230*230 | 90    | 35           | 100/150/200        |
| 101F    | Mặt che 107C mẫu cũ    | 180*180 | 80    | 35           | 100/150            |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

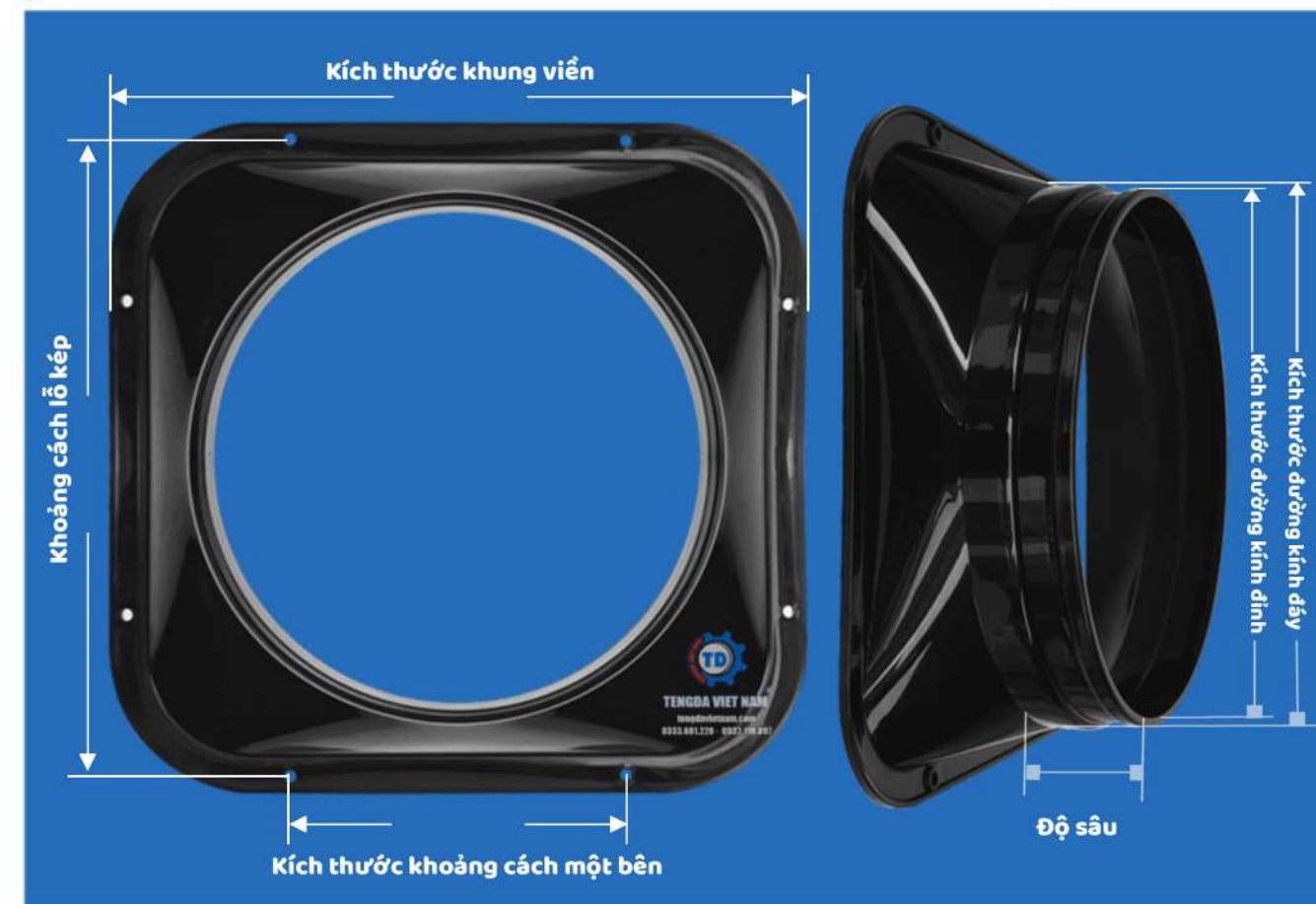
## ĐẦU NỐI CHUYỂN TRÒN RA TRÒN LỚN NHỎ - TD1077



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG                  | QUY CÁCH | KT CỔ | CHIỀU CAO |
|---------|---------------------------|----------|-------|-----------|
| Y1412   | Giảm tròn 14 inch/12 inch | 345      | 295   | 50        |
| Y1210   | Giảm tròn 12 inch/10 inch | 295      | 245   | 50        |
| Y1208   | Giảm tròn 12 inch/8 inch  | 295      | 198   | 50        |
| Y1008   | Giảm tròn 10 inch/8 inch  | 245      | 198   | 50        |
| Y0806   | Giảm tròn 8 inch/6 inch   | 198      | 145   | 45        |
| Y0604   | Giảm tròn 6 inch/4 inch   | 145      | 95    | 45        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## KHỚP NỐI MẶT BÍCH ỐNG MỀM MÀU ĐEN - TD1078



| MÃ HÀNG | KHUNG VIỀN | KC LỖ ĐƠN | KC LỖ KÉP | ĐỘ SÂU | ĐK ĐÁY | ĐK ĐỈNH |
|---------|------------|-----------|-----------|--------|--------|---------|
| 100-F   | 148*148    | 70        | 137       | 37     | 98     | 94      |
| 110-F   | 164*164    | 75        | 152       | 37     | 105    | 101     |
| 125-F   | 164*164    | 75        | 152       | 37     | 120    | 116     |
| 150-F   | 180*180    | 80        | 168       | 38     | 147    | 143     |
| 160-F   | 188*188    | 80        | 176       | 38     | 158    | 154     |
| 200-F   | 234*234    | 101       | 221       | 42.5   | 197    | 193     |
| 250-F   | 290*290    | 139       | 274       | 44     | 246    | 242     |
| 300-F   | 348*348    | 167       | 331       | 43     | 294    | 290     |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

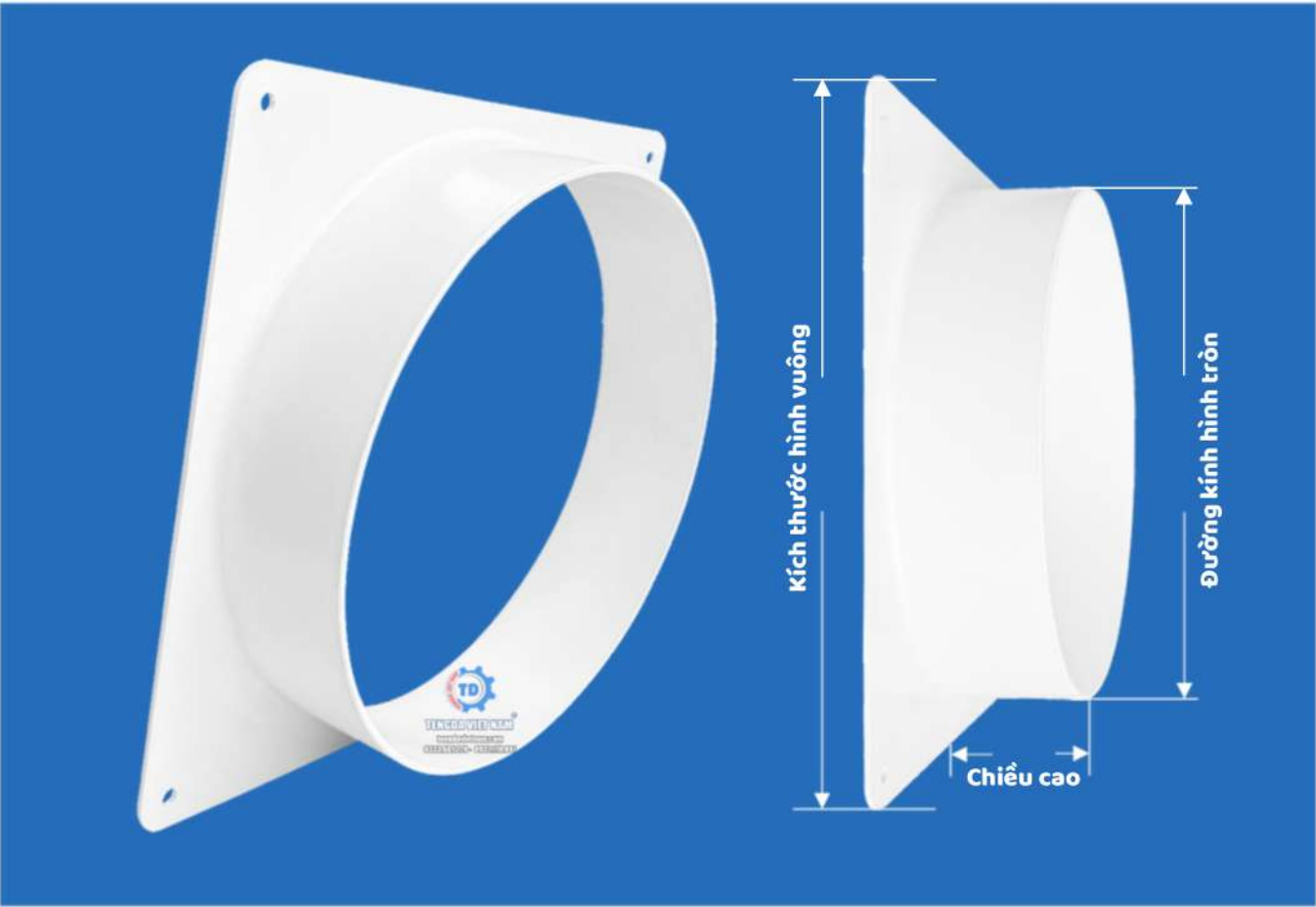
ỐNG NỐI MẶT BÍCH ỐNG MỀM MÀU ĐEN- TD1079



| MÃ HÀNG | TÊN             | KT HÌNH VUÔNG | KT CỔ | CHIỀU CAO | ĐÁY TRÒN | KT LỖ | KT CỔ         |
|---------|-----------------|---------------|-------|-----------|----------|-------|---------------|
| 75-FL   | Ống mềm 3 inch  | 95*95         | 65    | 55        | 73       | 70    | 65 (3 inch)   |
| 100-FL  | Ống mềm 4 inch  | 120*120       | 90    | 60        | 98       | 85    | 90 (4 inch)   |
| 125-FL  | Ống mềm 5 inch  | 150*150       | 115   | 60        | 123      | 110   | 115 (5 inch)  |
| 150-FL  | Ống mềm 6 inch  | 180*180       | 138   | 70        | 148      | 128   | 138 (6 inch)  |
| 200-FL  | Ống mềm 8 inch  | 230*230       | 180   | 70        | 198      | 168   | 180 (8 inch)  |
| 250-FL  | Ống mềm 10 inch | 280*280       | 235   | 80        | 248      | 210   | 235 (10 inch) |
| 300-FL  | Ống mềm 12 inch | 330*330       | 285   | 80        | 298      | 250   | 285 (12 inch) |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

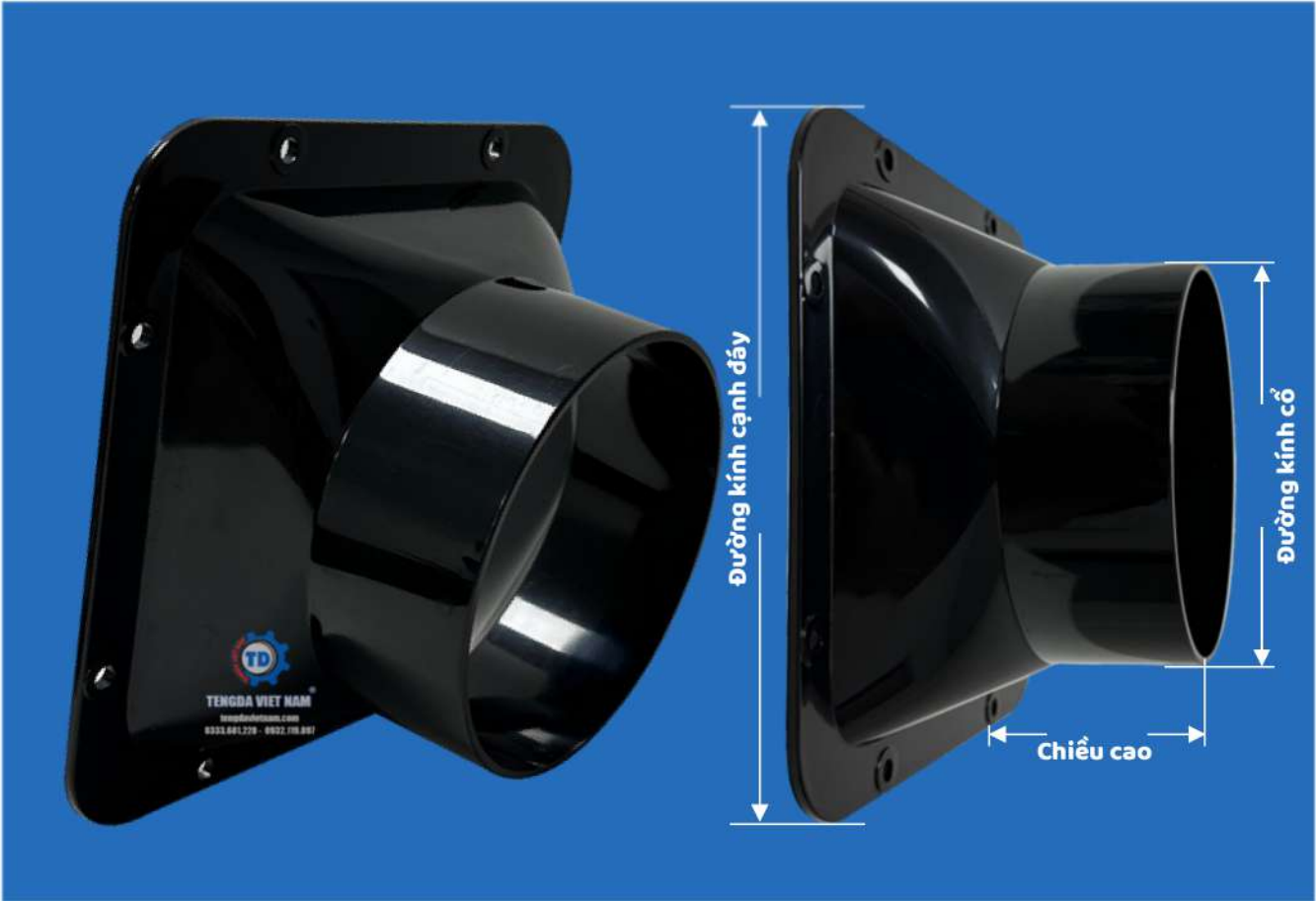
MẶT BÍCH ỐNG MỀM MÀU TRẮNG - TD1080



| MÃ HÀNG | TÊN HÀNG              | KT MẶT  | KT CỔ | CHIỀU CAO |
|---------|-----------------------|---------|-------|-----------|
| 100A    | Ống mềm 100 (4 inch)  | 115*115 | 100   | 45        |
| 100B    | Ống mềm 150 (6 inch)  | 215*215 | 150   | 45        |
| 100C    | Ống mềm 200 (8 inch)  | 215*215 | 200   | 45        |
| 100C    | Ống mềm 250 (10 inch) | 315*315 | 250   | 45        |
| 100E    | Ống mềm 300 (12 inch) | 315*315 | 300   | 45        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

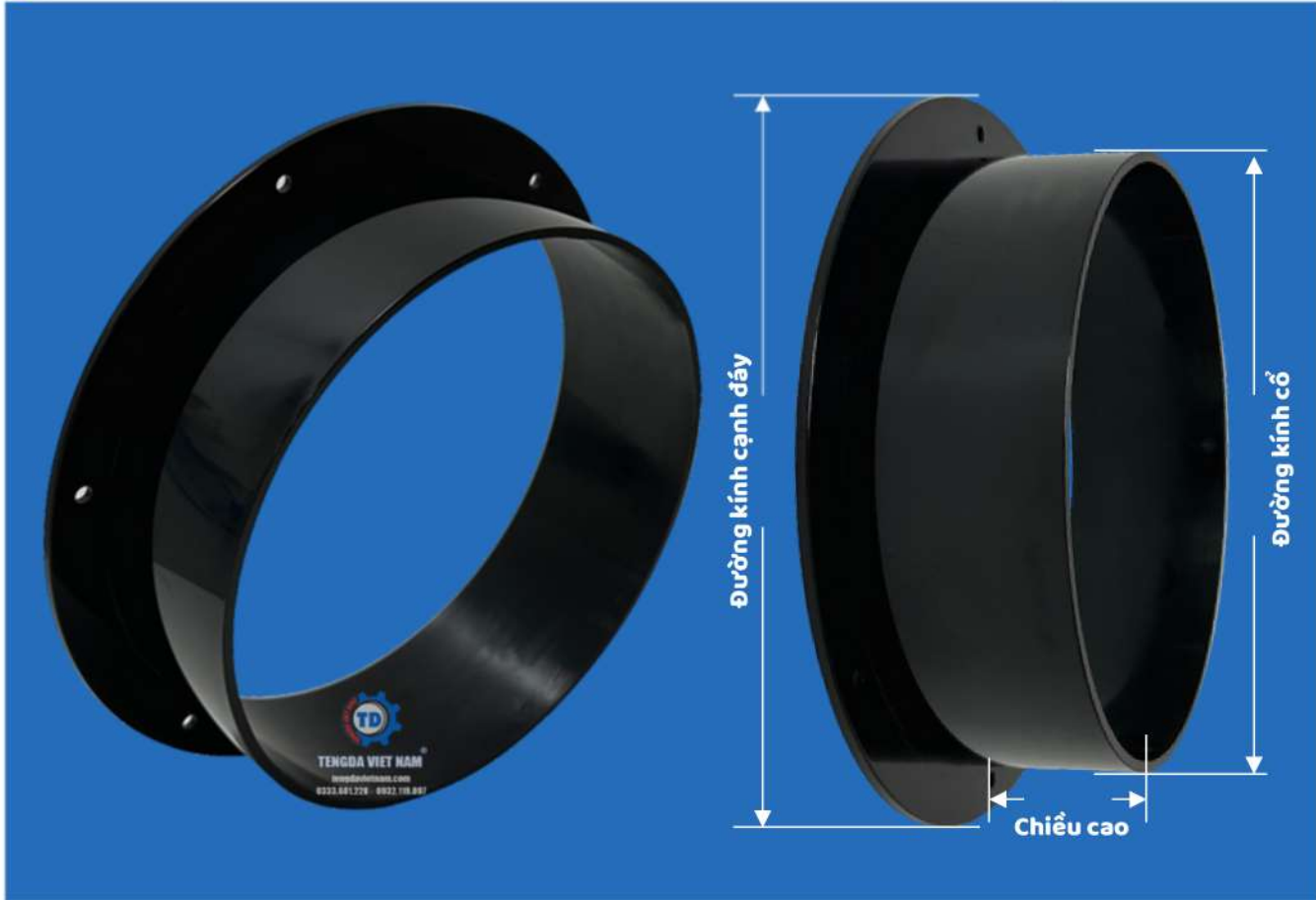
MẶT BÍCH CỔ THẲNG MÀU ĐEN ABS - TD1081



| MÃ HÀNG   | ĐƯỜNG KÍNH ĐÁY | ĐƯỜNG KÍNH CỔ | CHIỀU CAO |
|-----------|----------------|---------------|-----------|
| FL100-FD  | 148            | 97            | 70        |
| FL110-FD  | 165            | 105           | 70        |
| FL110K-FD | 165            | 108           | 70        |
| FL125-FD  | 165            | 120           | 70        |
| FL150-FD  | 180            | 146           | 76        |
| FL150K-FD | 180            | 146           | 76        |
| FL160-FD  | 188            | 159.2         | 70        |
| FL200-FD  | 235            | 196           | 89        |
| FL250-FD  | 192            | 246           | 100       |
| FL300-FD  | 349            | 295           | 100       |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

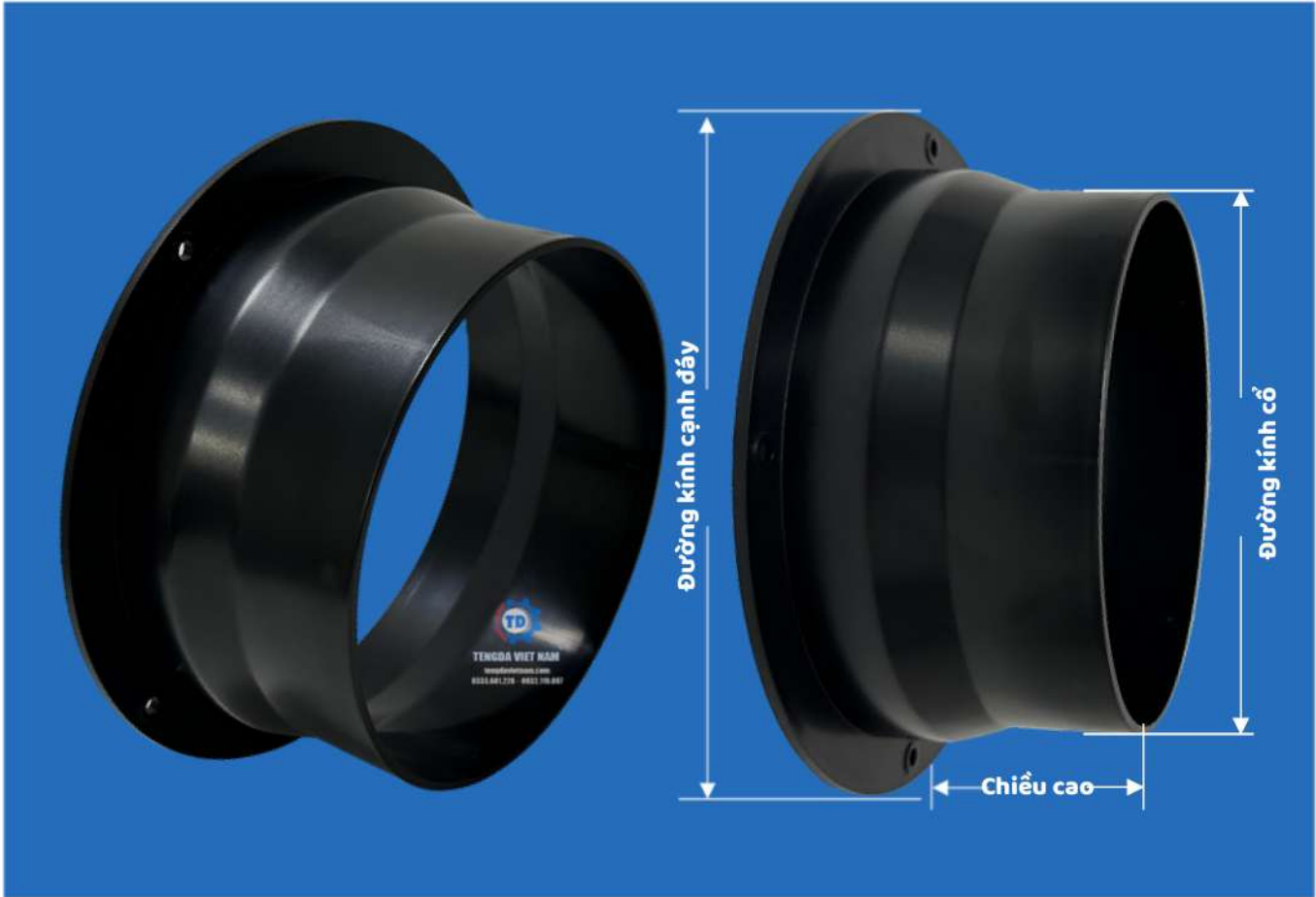
MẶT BÍCH THẲNG ABS - TD1082



| MÃ HÀNG | ĐƯỜNG KÍNH ĐÁY | ĐƯỜNG KÍNH CỔ | CHIỀU CAO |
|---------|----------------|---------------|-----------|
| FL075-Z | 100            | 75            | 48        |
| FL100-Z | 140            | 97            | 60        |
| FL110-Z | 145            | 109           | 53        |
| FL125-Z | 157            | 120           | 60        |
| FL150-Z | 180            | 146           | 60        |
| FL160-Z | 182            | 152           | 47        |
| FL200-Z | 230            | 192           | 73        |
| FL250-Z | 280            | 242           | 81        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

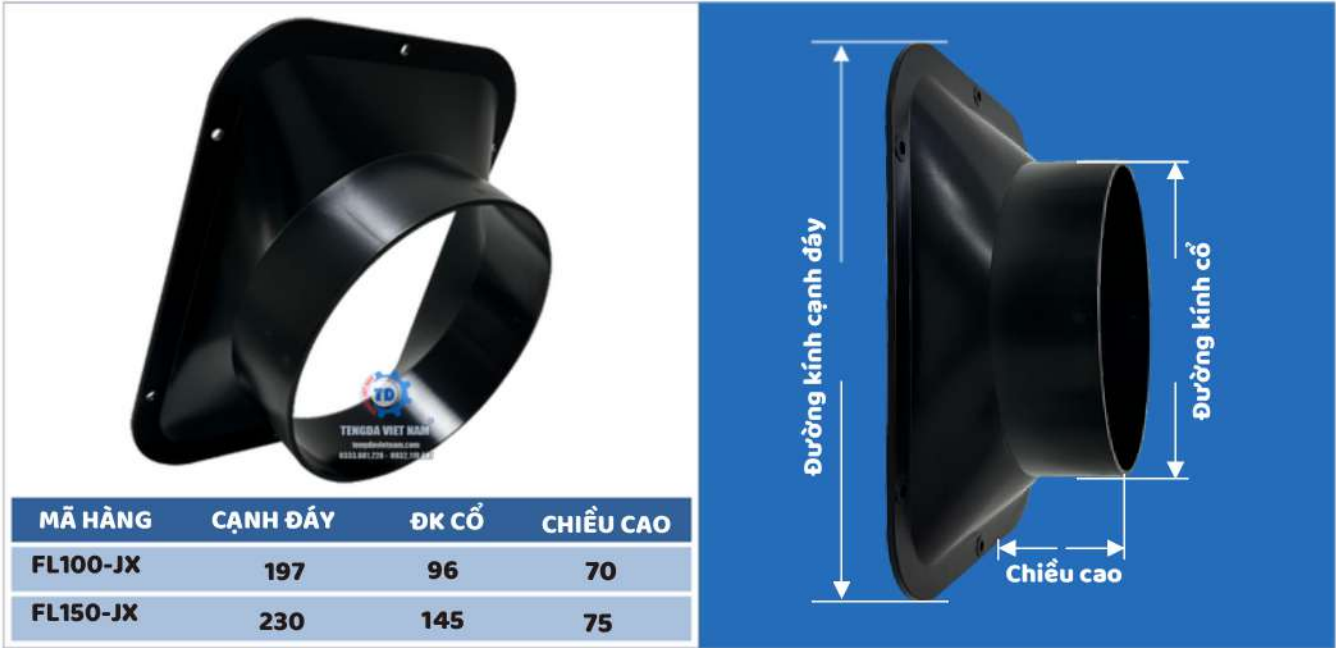
MẶT BÍCH CỔ NGHIÊNG ABS MÀU ĐEN- TD1083



| MÃ HÀNG  | ĐƯỜNG KÍNH ĐÁY | ĐƯỜNG KÍNH CỔ | CHIỀU CAO |
|----------|----------------|---------------|-----------|
| FL50-X   | 72             | 48            | 40        |
| FL75-X   | 139            | 71.3          | 60.3      |
| FL100A-X | 159.3          | 96.5          | 70.3      |
| FL125-X  | 179.4          | 121           | 70        |
| FL150A-X | 230.7          | 146           | 96        |
| FL160-X  | 231            | 160           | 96        |
| FL180-X  | 231            | 180           | 96        |
| FL200-X  | 250            | 195           | 80        |
| FL250-X  | 289            | 242           | 88        |
| FL-300X  | 342            | 294           | 99        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

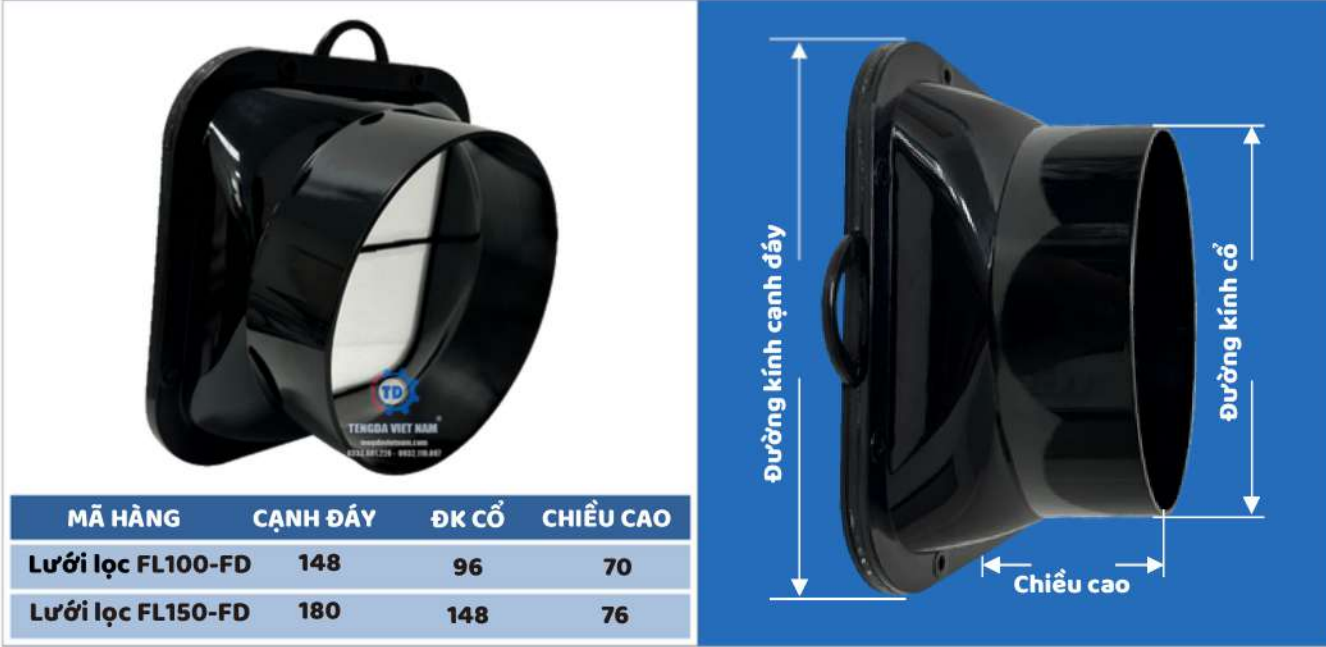
MẶT BÍCH HÌNH CHỮ NHẬT ABS MÀU ĐEN- TD1084



| MÃ HÀNG  | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|----------|----------|-------|-----------|
| FL100-JX | 197      | 96    | 70        |
| FL150-JX | 230      | 145   | 75        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

MẶT BÍCH NGHIÊNG ĐÁY VUÔNG ABS (CÓ LƯỚI LỌC)- TD1085



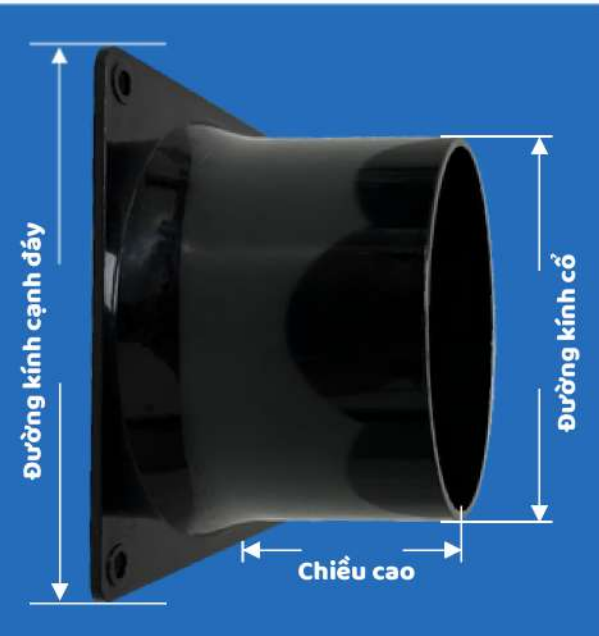
| MÃ HÀNG           | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|-------------------|----------|-------|-----------|
| Lưới lọc FL100-FD | 148      | 96    | 70        |
| Lưới lọc FL150-FD | 180      | 148   | 76        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH THẲNG ĐÁY VUÔNG CỔ CAO ABS - TD1086



| MÃ HÀNG   | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|-----------|----------|-------|-----------|
| FL75-FDZ  | 86       | 75    | 42        |
| FL100-FDZ | 120      | 97    | 70        |
| FL120-FDZ | 120      | 118   | 70        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH TRÒN ABS (CÓ VÒNG ĐỆM KÍN) - TD1087



| MÃ HÀNG  | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|----------|----------|-------|-----------|
| FL110-ZM | 130      | 101   | 50        |
| FL160-ZM | 180      | 153   | 60        |

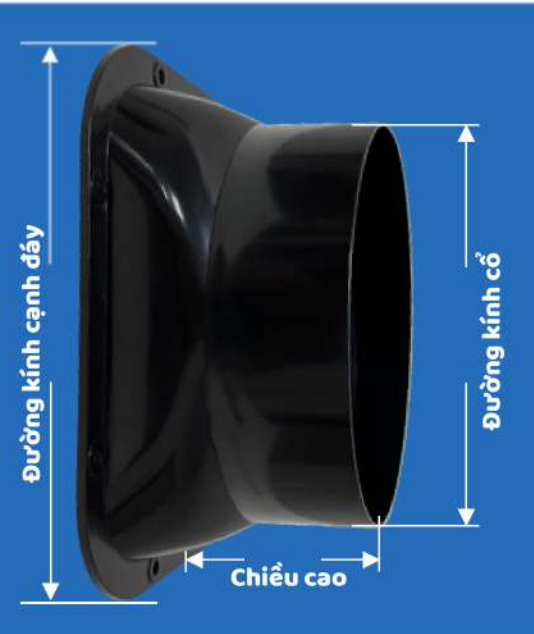


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH NGHIÊNG ĐÁY VUÔNG ABS (CÓ VAN MỘT CHIỀU) - TD1088



| MÃ HÀNG              | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|----------------------|----------|-------|-----------|
| Van 1 chiều FL100-FD | 148      | 96    | 70        |
| Van 1 chiều FL150-FD | 180      | 148   | 76        |
| Van 1 chiều FL200-FD | 235      | 196   | 89        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH BA NGÁ CÓ ĐỂ CHÂN CHẶN - TD1089



| MÃ HÀNG             | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|---------------------|----------|-------|-----------|
| Đầu từ 100 sang 75  | 135      | 75    | 138       |
| Đầu từ 150 sang 100 | 185      | 100   | 150       |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH BA NGÁ (KHÔNG KÈM ĐẾ/CHÂN) - TD1090



| MÃ HÀNG             | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|---------------------|----------|-------|-----------|
| Đầu từ 100 sang 75  | 95       | 75    | 128       |
| Đầu từ 150 sang 100 | 140      | 100   | 145       |

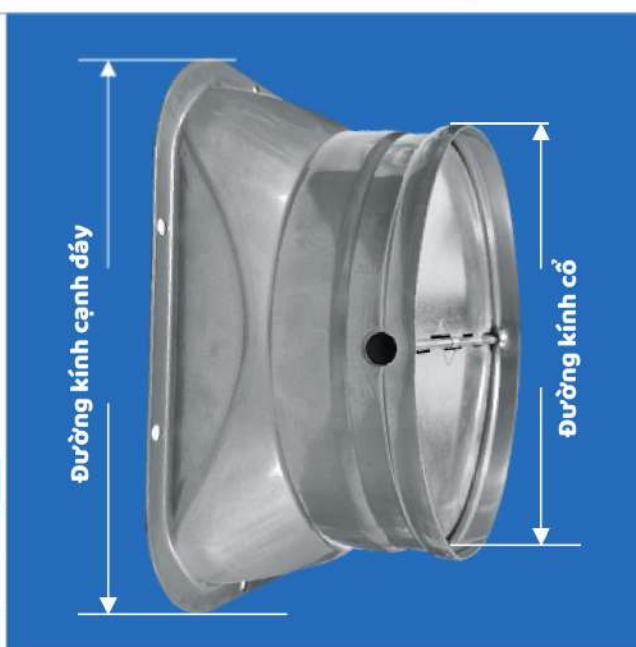


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH VUÔNG BẰNG KIM LOẠI (CÓ VAN MỘT CHIỀU) - TD1092



| MÃ HÀNG                        | ĐÁY | CỔ TRÒN |
|--------------------------------|-----|---------|
| Van 1 chiều kim loại TFL100-FD | 134 | 96      |
| Van 1 chiều kim loại TFL150-FD | 177 | 148     |
| Van 1 chiều kim loại TFL200-FD | 220 | 198     |

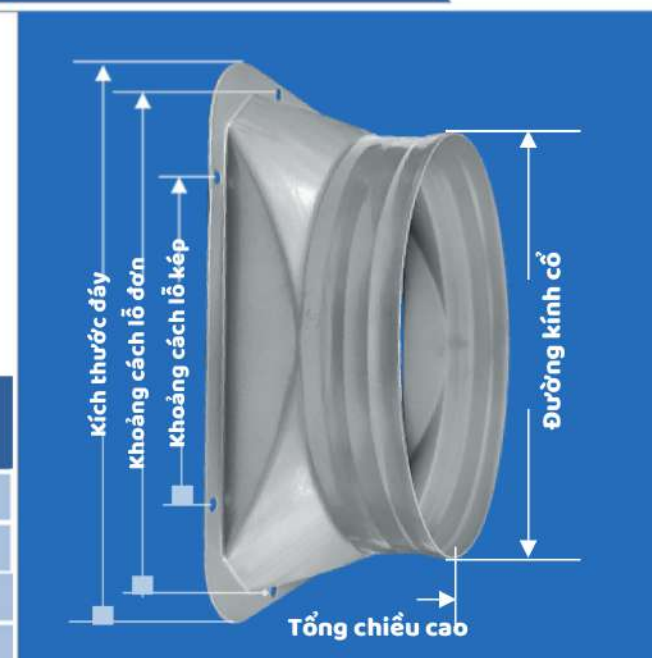


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH VUÔNG BẰNG KIM LOẠI (KHÔNG KÈM ĐẾ/CHÂN) - TD1091



| MÃ HÀNG  | CẠNH | ĐÁY | ĐK LỖ KÉP / ĐƠN | CỔ NỐI | C.CAO |
|----------|------|-----|-----------------|--------|-------|
| TFL100-F | 137  | 125 | 58              | 96     | 31    |
| TFL150-F | 177  | 166 | 78              | 148    | 73    |
| TFL200-F | 219  | 207 | 119             | 198    | 71    |
| TFL250-F | 280  | 270 | 149             | 248    | 83    |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MẶT BÍCH THẲNG ĐÁY TRÒN BẰNG KIM LOẠI - TD1093



| MÃ HÀNG           | CẠNH ĐÁY | ĐK CỔ | CHIỀU CAO |
|-------------------|----------|-------|-----------|
| Kim loại TFL075-Z | 98       | 73    | 48        |
| Kim loại TFL100Z  | 120      | 94    | 53        |
| Kim loại TFL110-Z | 126      | 102   | 53        |
| Kim loại TFL120-Z | 140      | 116   | 56        |
| Kim loại TFL150-Z | 168      | 144   | 58        |
| Kim loại TFL160-Z | 185      | 158   | 55        |
| Kim loại TFL200-Z | 224      | 195   | 60        |
| Kim loại TFL250-Z | 275      | 245   | 62        |
| Kim loại TFL300-Z | 327      | 295   | 66        |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## MÀNG LỌC THAN HOẠT TÍNH - TD1094



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA KIỂM TRA DẠNG BẢN LỀ BẰNG NHỰA ABS - TD1095



| MÃ HÀNG      | KT MẶT  | KT NGOÀI | ĐK TRONG  |
|--------------|---------|----------|-----------|
| Cửa kiểm tra | 125*125 | 100*100  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 150*150 | 120*120  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 150*175 | 120*150  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 130*180 | 100*150  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 160*160 | 130*130  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 175*175 | 140*140  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 185*185 | 150*150  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 200*200 | 160*160  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 185*235 | 170*170  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 202*205 | 150*200  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 215*215 | 180*180  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 235*235 | 190*190  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 235*285 | 200*200  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 235*285 | 200*250  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 285*285 | 250*250  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 235*335 | 200*300  | Màu trắng |

| MÃ HÀNG      | KT MẶT  | KT NGOÀI | ĐK TRONG  |
|--------------|---------|----------|-----------|
| Cửa kiểm tra | 285*335 | 250*300  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 335*355 | 300*300  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 385*385 | 350*350  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 335*435 | 300*400  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 435*435 | 400*400  | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 180*330 | 150*300  | Màu trắng |

THÔNG SỐ KỸ THUẬT DƯỚI ĐÂY LÀ MÀU XÁM

|              |         |         |           |
|--------------|---------|---------|-----------|
| Cửa kiểm tra | 125*125 | 100*100 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 150*150 | 120*120 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 150*175 | 120*150 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 130*180 | 100*150 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 160*160 | 130*130 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 175*175 | 150*150 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 200*200 | 170*170 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 235*235 | 200*200 | Màu trắng |
| Cửa kiểm tra | 185*235 | 150*200 | Màu trắng |

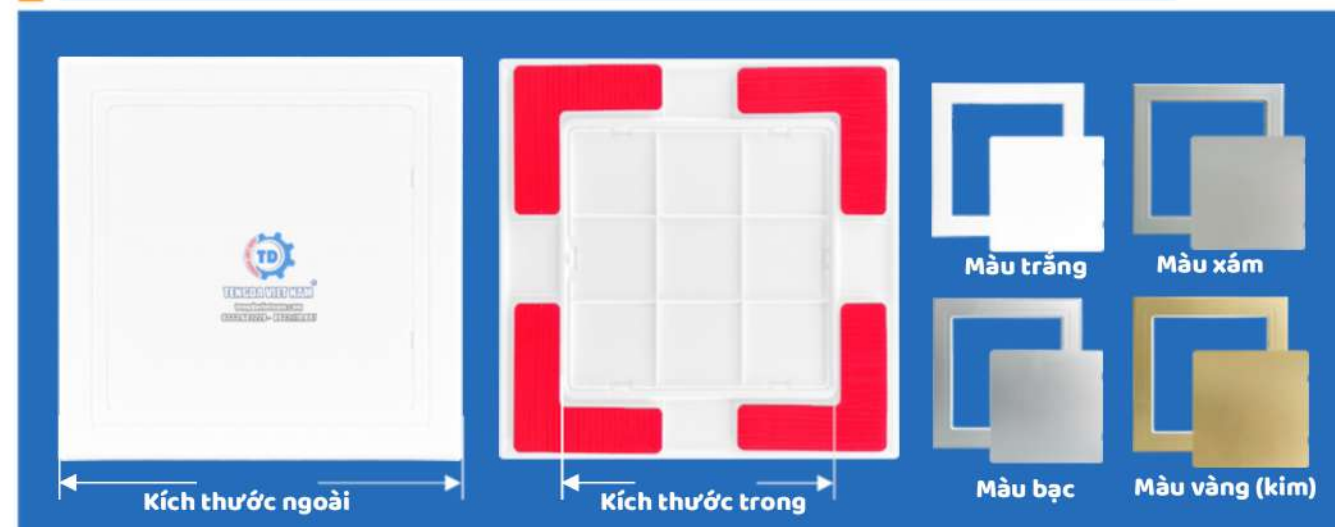
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## HỘP LỌC BA CẤP BẰNG NHỰA - TD1096



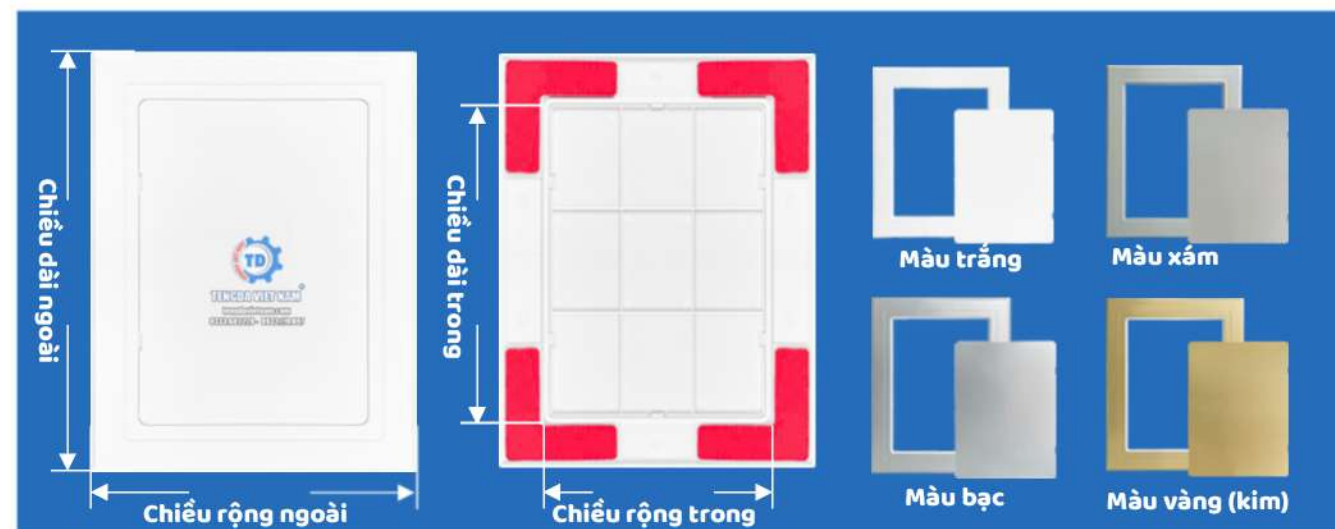
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA KIỂM TRA DẠNG DÁN TRỰC TIẾP BẰNG NHỰA ABS - TD1097



| MÃ HÀNG                    | ĐK NGOÀI | ĐK TRONG | MÃ HÀNG                    | ĐK NGOÀI | ĐK TRONG |
|----------------------------|----------|----------|----------------------------|----------|----------|
| Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 150*150  | 100*100  | Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 225*225  | 160*160  |
| Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 175*175  | 120*120  | Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 250*250  | 200*200  |
| Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 200*200  | 150*150  | Cửa kiểm tra dán trực tiếp | 325*325  | 250*250  |

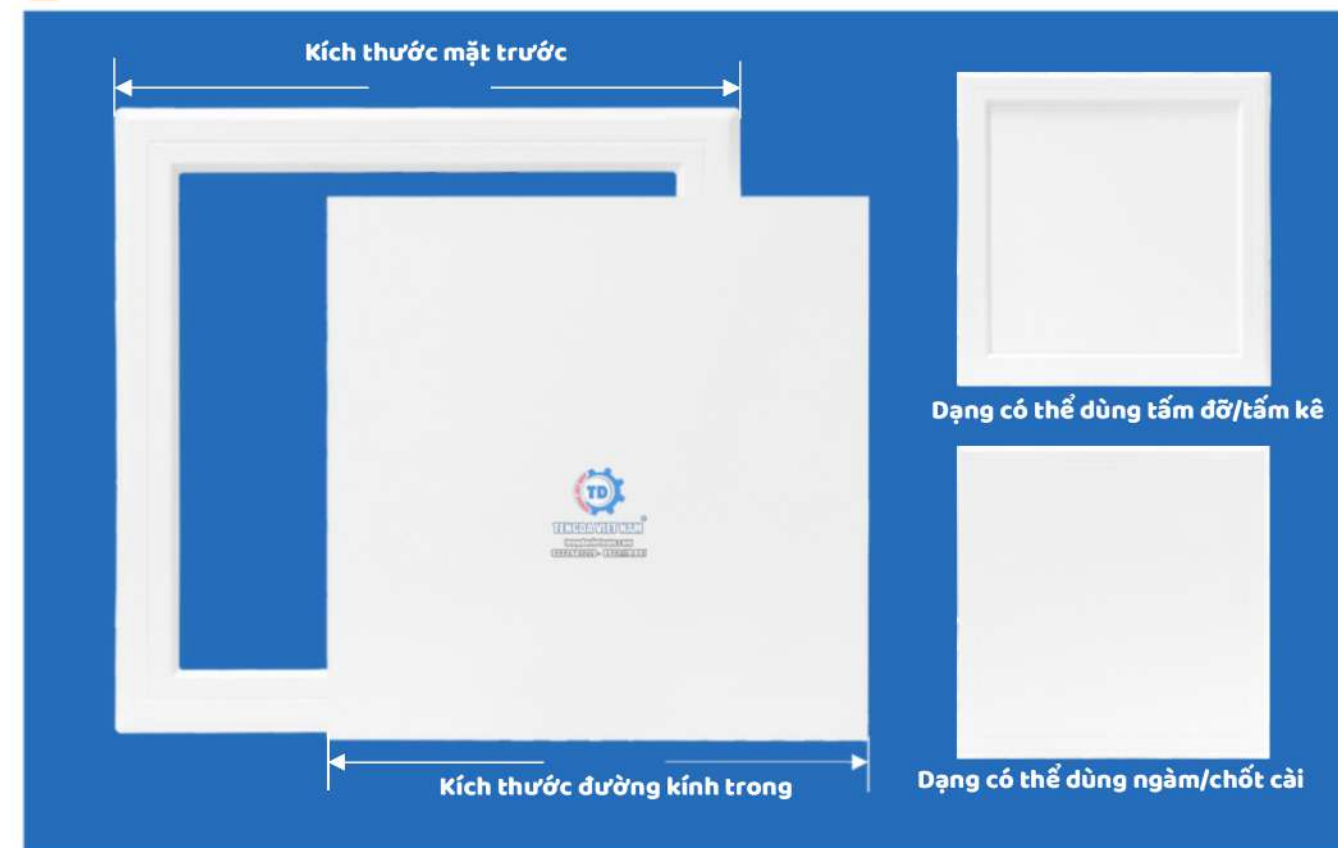
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.



| MÃ HÀNG                   | C.DÀI NGOÀI | C.RỘNG NGOÀI | C.DÀI TRONG | C.RỘNG TRONG |
|---------------------------|-------------|--------------|-------------|--------------|
| Cửa kiểm tra dạng dán HCN | 240mm       | 185mm        | 180mm       | 120mm        |
| Cửa kiểm tra dạng dán HCN | 250mm       | 200mm        | 200mm       | 150mm        |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA KIỂM TRA (DẠNG TẮM ĐỖ) BẰNG NHỰA ABS (CÓ THỂ DÙNG TẮM ĐỖ HOẶC CHỐT CÀI) - TD1098



| MÃ HÀNG                    | KT MẶT TRƯỚC | KT ĐK TRONG | KT LỖ KHOÉT | MÀU SẮC      |
|----------------------------|--------------|-------------|-------------|--------------|
| Cửa kiểm tra bằng nhựa ABS | 288*288      | 245*245     | 250*250     | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra bằng nhựa ABS | 338*338      | 295*295     | 300*300     | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra bằng nhựa ABS | 388*388      | 345*345     | 350*350     | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra bằng nhựa ABS | 438*438      | 395*395     | 400*400     | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra bằng nhựa ABS | 488*488      | 445*445     | 450*450     | Màu trắng mờ |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA KIỂM TRA DẠNG TẮM ĐỖ BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1099



| MÃ HÀNG              | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | CHẤT LIỆU    | MÀU SẮC      |
|----------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|
| Cửa kiểm tra 100*100 | 125*125      | 100*100     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 150*150 | 175*175      | 150*150     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 200*200 | 225*225      | 200*200     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 250*250 | 275*275      | 250*250     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 300*300 | 325*325      | 300*300     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 350*350 | 375*375      | 350*350     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 400*400 | 425*425      | 400*400     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 450*450 | 475*475      | 450*450     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 500*500 | 525*525      | 500*500     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 550*550 | 575*575      | 550*550     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 600*600 | 625*625      | 600*600     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA KIỂM TRA TƯỜNG HÍT NAM CHÂM BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1100



| MÃ HÀNG                    | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | CHẤT LIỆU    | MÀU SẮC      |
|----------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|
| Cửa kiểm tra tường 100*100 | 140*140      | 100*100     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 150*150 | 190*190      | 150*150     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 200*200 | 240*240      | 200*200     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 250*250 | 290*290      | 250*250     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 300*300 | 340*340      | 300*300     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 350*350 | 390*390      | 350*350     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra tường 400*400 | 440*440      | 400*400     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA KIỂM TRA (KHÓA KIỂU CÀI) BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1101



| MÃ HÀNG              | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ   | CHẤT LIỆU    | MÀU SẮC      |
|----------------------|--------------|---------|--------------|--------------|
| Cửa kiểm tra 150*150 | 190*190      | 150*150 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 200*200 | 240*240      | 200*200 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 250*250 | 290*290      | 250*250 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 300*300 | 340*340      | 300*300 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 350*350 | 390*390      | 350*350 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 400*400 | 440*440      | 400*400 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 450*450 | 490*490      | 450*450 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 500*500 | 540*540      | 500*500 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 550*550 | 590*590      | 550*550 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 600*600 | 640*640      | 600*600 | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

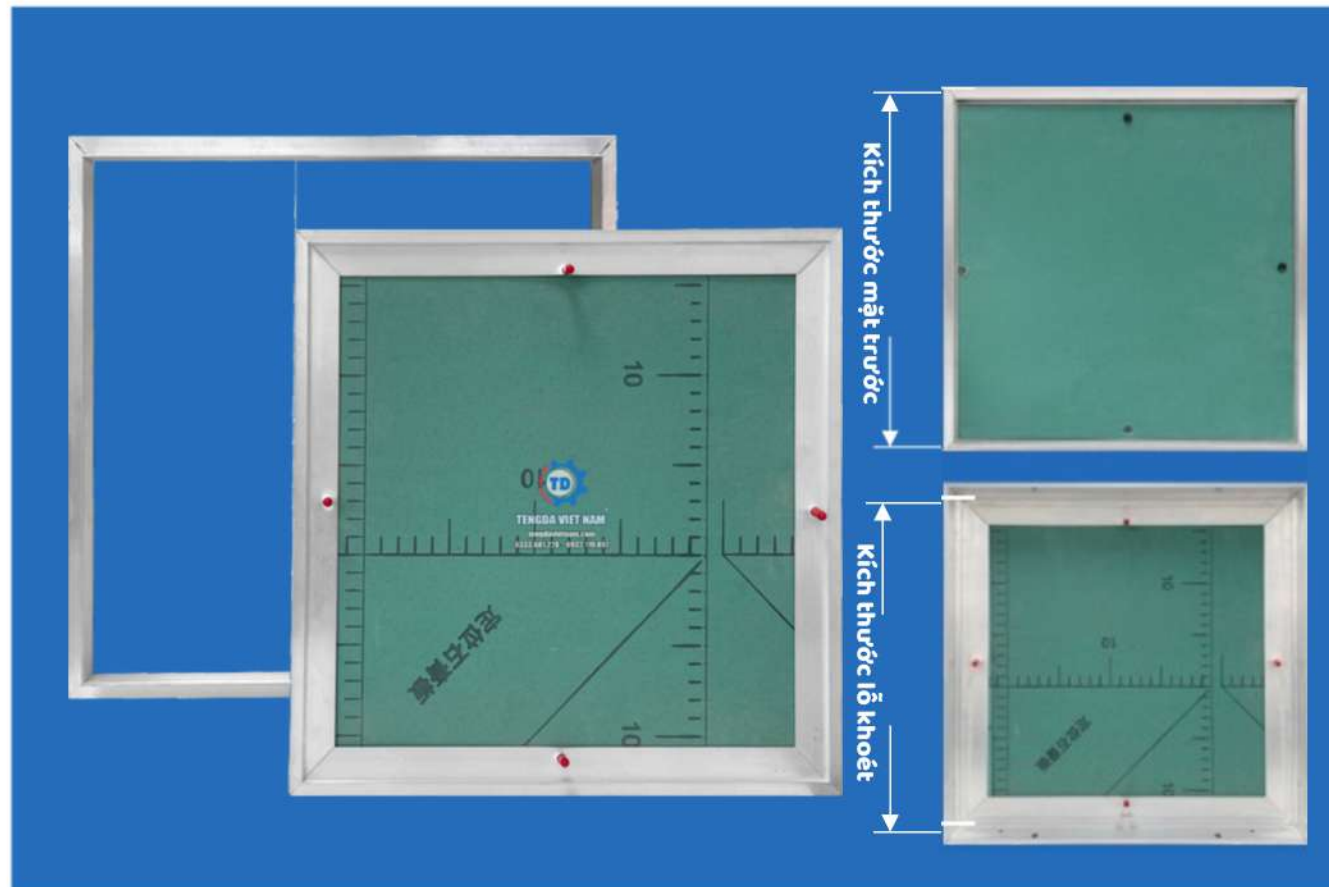
## CỬA KIỂM TRA CHỐT CHẠM BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1102



| MÃ HÀNG              | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | CHẤT LIỆU    | MÀU SẮC      |
|----------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|
| Cửa kiểm tra 200*200 | 240*240      | 200*200     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 250*250 | 290*290      | 250*250     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 300*300 | 340*340      | 300*300     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 350*350 | 390*390      | 350*350     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 400*400 | 440*440      | 400*400     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 450*450 | 490*490      | 450*450     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 500*500 | 540*540      | 500*500     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 550*550 | 590*590      | 550*500     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |
| Cửa kiểm tra 600*600 | 640*640      | 600*600     | Hợp kim nhôm | Màu trắng mờ |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

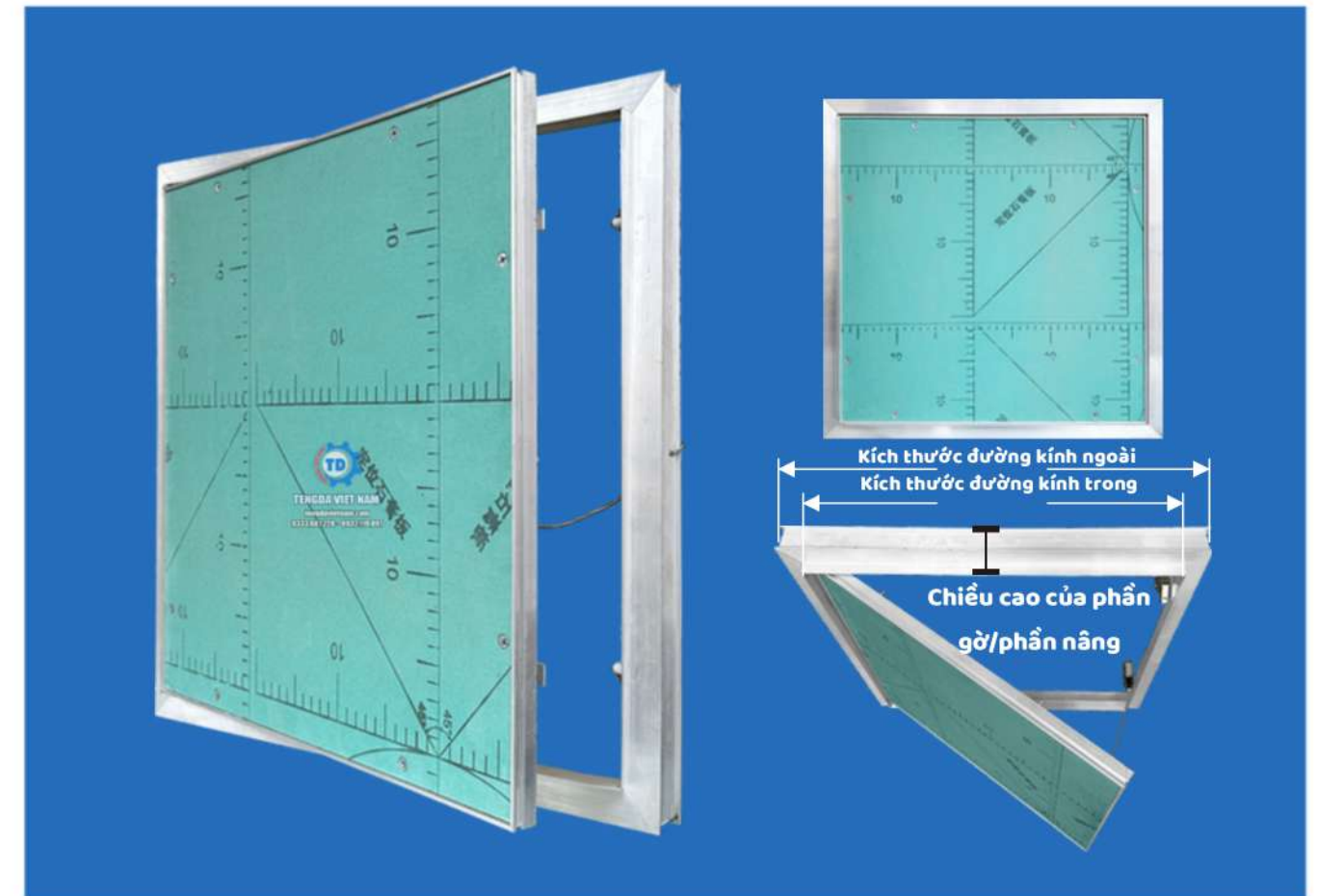
### CỬA KIỂM TRA ÂM TƯỜNG DẠNG ẨN - TD1103



| MÃ HÀNG      | KT KHUNG NGOÀI - TRONG |         | CHẤT LIỆU  | MÃ HÀNG      | KT KHUNG NGOÀI - TRONG |         | CHẤT LIỆU  |
|--------------|------------------------|---------|------------|--------------|------------------------|---------|------------|
| Cửa kiểm tra | 200*200                | 175*175 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 425*425                | 400*400 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 225*225                | 200*200 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 450*450                | 425*425 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 250*250                | 225*225 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 475*475                | 450*450 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 275*275                | 250*250 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 500*500                | 475*475 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 300*300                | 275*275 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 525*525                | 500*500 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 325*325                | 300*300 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 550*550                | 525*525 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 350*350                | 325*325 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 575*575                | 550*550 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 375*375                | 350*350 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 600*600                | 575*575 | Nhôm + tấm |
| Cửa kiểm tra | 400*400                | 375*375 | Nhôm + tấm | Cửa kiểm tra | 625*625                | 600*600 | Nhôm + tấm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

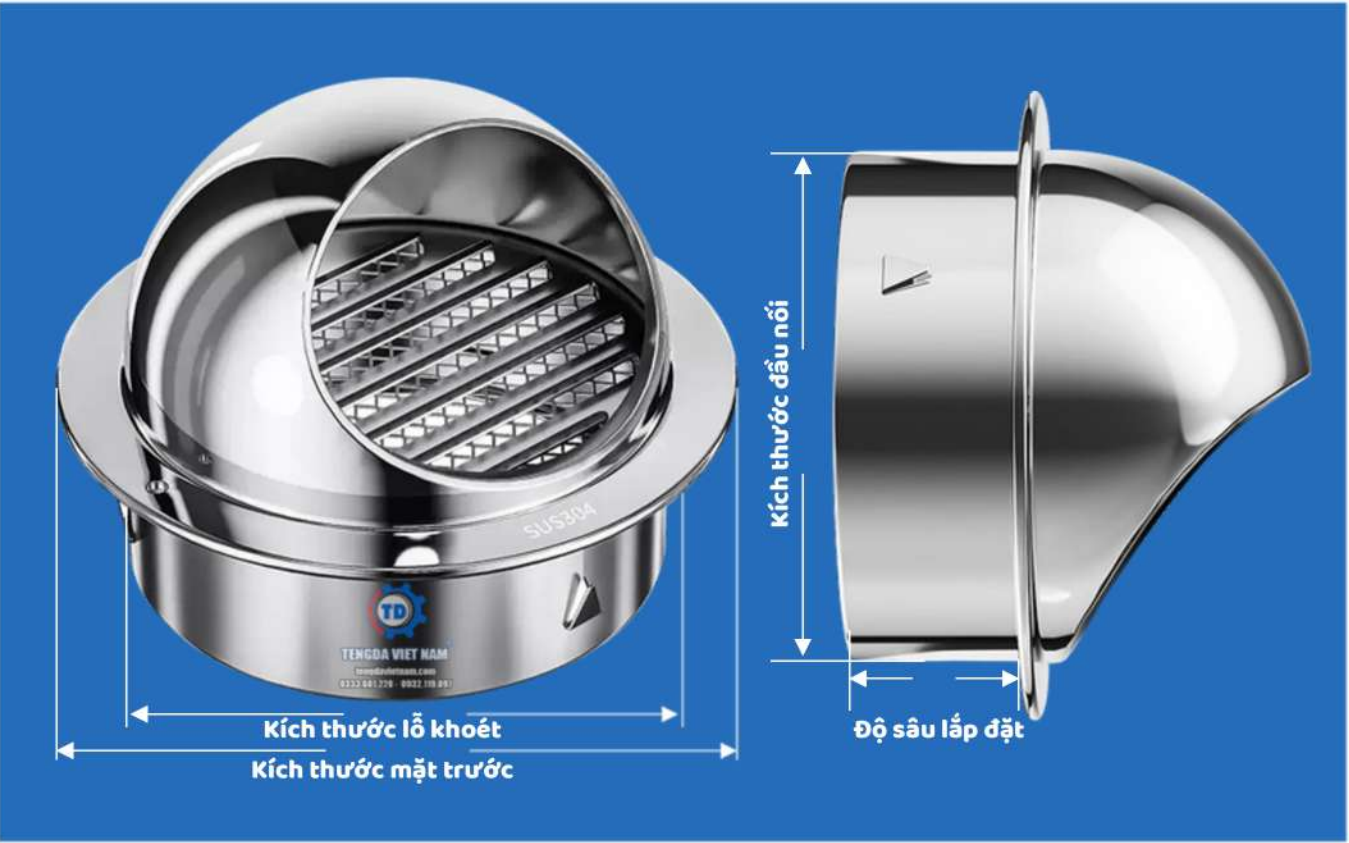
### CỬA KIỂM TRA ẨN DẠNG KÉO XUỐNG - TD1104



| MÃ HÀNG                        | KT NGOÀI | KT TRONG | CHIỀU CAO | ĐỘ SÂU |
|--------------------------------|----------|----------|-----------|--------|
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 256      | 200      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 356      | 300      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 406      | 350      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 456      | 400      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 506      | 450      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 556      | 500      | 12.5      | 30     |
| Cửa kiểm tra ẩn dạng kéo xuống | 656      | 600      | 12.5      | 30     |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

VENTCAP CHẮN MƯA INOX- TD1105



| VENTCAP CHẮN MƯA | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOẾT | ĐỘ SÂU | ĐẦU NỔI | VẬT LIỆU |
|------------------|--------------|-------------|--------|---------|----------|
| INOX 50MM        | 125          | 50          | 35     | 45      | 304      |
| INOX 60MM        | 125          | 60          | 35     | 55      | 304      |
| INOX 70MM        | 125          | 70          | 40     | 65      | 304      |
| INOX 80MM        | 125          | 80          | 40     | 75      | 304      |
| INOX 90MM        | 145          | 90          | 45     | 85      | 304      |
| INOX 100MM       | 140          | 100         | 45     | 95      | 304      |
| INOX 110MM       | 140          | 110         | 45     | 105     | 304      |
| INOX 120MM       | 140          | 120         | 45     | 115     | 304      |
| INOX 130MM       | 185          | 130         | 50     | 125     | 304      |
| INOX 140MM       | 185          | 140         | 50     | 135     | 304      |
| INOX 150MM       | 185          | 150         | 50     | 145     | 304      |
| INOX 160MM       | 185          | 160         | 50     | 155     | 304      |
| INOX 170MM       | 210          | 170         | 60     | 165     | 304      |
| INOX 180MM       | 225          | 180         | 60     | 175     | 304      |

|            |     |     |     |     |         |
|------------|-----|-----|-----|-----|---------|
| INOX 190MM | 225 | 190 | 60  | 185 | 304     |
| INOX 200MM | 225 | 200 | 60  | 195 | 304     |
| INOX 250MM | 285 | 250 | 70  | 245 | 304     |
| INOX 300MM | 350 | 300 | 80  | 295 | 304 201 |
| INOX 350MM | 430 | 350 | 150 | 345 | 201     |
| INOX 400MM | 430 | 400 | 170 | 390 |         |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

VENTCAP CHẮN MƯA INOX- TD1106



| VENTCAP CHẮN MƯA | KT MẶT | KT LỖ | ĐỘ SÂU | ĐẦU NỔI | VẬT LIỆU |
|------------------|--------|-------|--------|---------|----------|
| Bán Inox 60mm    | 125    | 60    | 35     | 55      | 201      |
| Bán Inox 70mm    | 125    | 70    | 40     | 65      | 304      |
| Bán Inox 80mm    | 125    | 80    | 40     | 75      | 304      |
| Bán Inox 100mm   | 140    | 100   | 45     | 95      | 304      |
| Bán Inox 120mm   | 140    | 120   | 45     | 115     | 304      |
| Bán Inox 150mm   | 185    | 150   | 50     | 145     | 304      |
| Bán Inox 100mm   | 140    | 100   | 45     | 95      | 304      |
| Bán Inox 120mm   | 140    | 120   | 45     | 115     | 304      |
| Bán Inox 150mm   | 185    | 150   | 50     | 145     | 304      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### VENTCAP CHẮN MƯA INOX KIỂU LƯỚI - TD1107

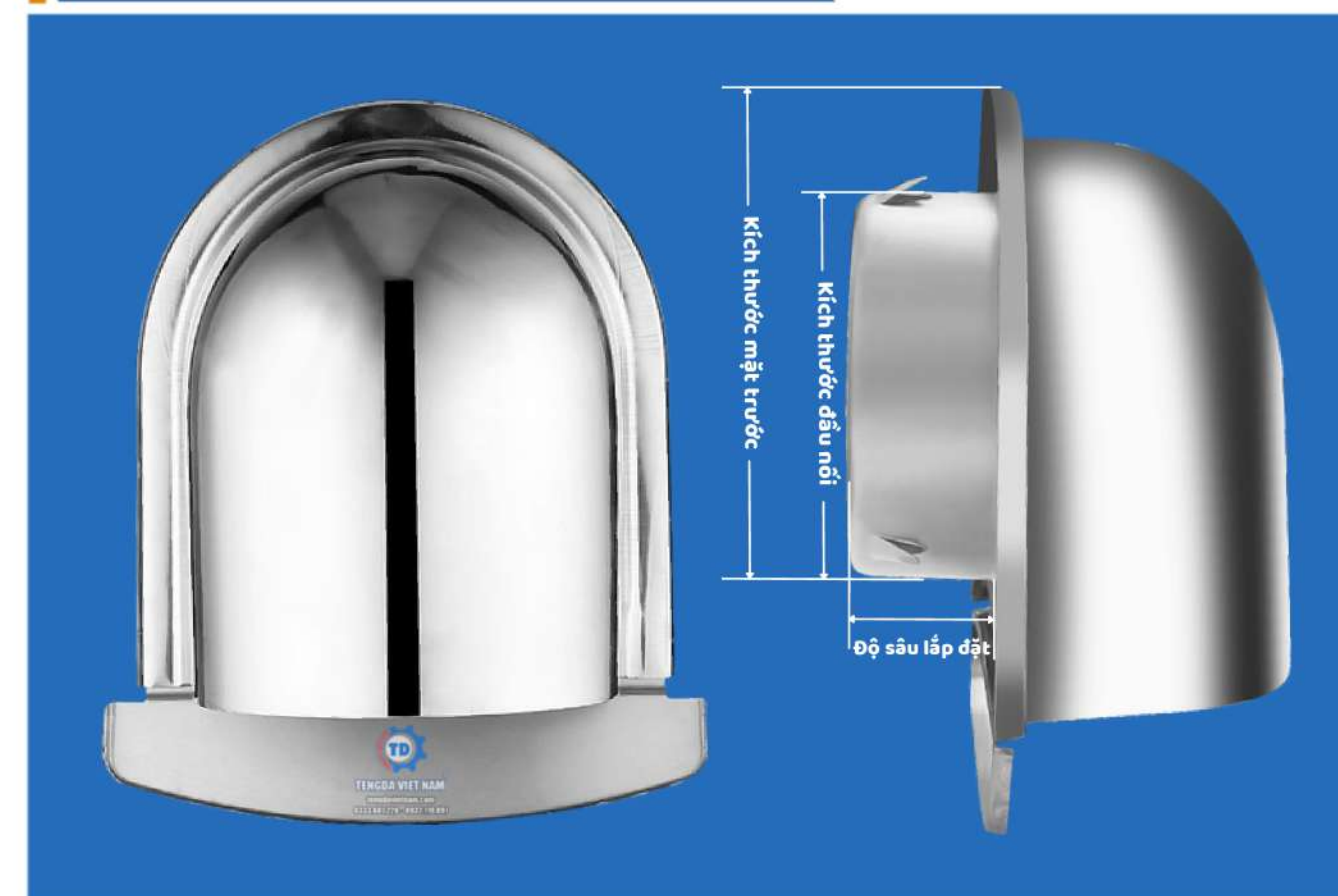


| VENTCAP CHẮN MƯA | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | ĐỘ SÂU | ĐẦU NỔI | VẬT LIỆU |
|------------------|--------------|-------------|--------|---------|----------|
| 50 MM            | 125          | 50          | 35     | 45      | 304      |
| 60MM             | 125          | 60          | 35     | 55      | 304      |
| 70MM             | 125          | 70          | 40     | 65      | 304      |
| 80MM             | 125          | 80          | 40     | 75      | 304      |
| 90MM             | 145          | 90          | 45     | 85      | 304      |
| 100MM            | 140          | 100         | 45     | 95      | 304      |
| 110MM            | 140          | 110         | 45     | 105     | 304      |
| 120MM            | 140          | 120         | 45     | 115     | 304      |
| 130MM            | 185          | 130         | 50     | 125     | 304      |
| 140MM            | 185          | 140         | 50     | 135     | 304      |
| 150MM            | 185          | 150         | 50     | 145     | 304      |
| 160MM            | 185          | 160         | 50     | 155     | 304      |
| 170MM            | 210          | 170         | 60     | 165     | 304      |
| 180MM            | 225          | 180         | 60     | 175     | 304      |

|       |     |     |    |     |     |
|-------|-----|-----|----|-----|-----|
| 190MM | 225 | 190 | 60 | 185 | 304 |
| 200MM | 225 | 200 | 60 | 195 | 304 |
| 250MM | 285 | 250 | 70 | 245 | 304 |
| 300MM | 350 | 300 | 80 | 295 | 304 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

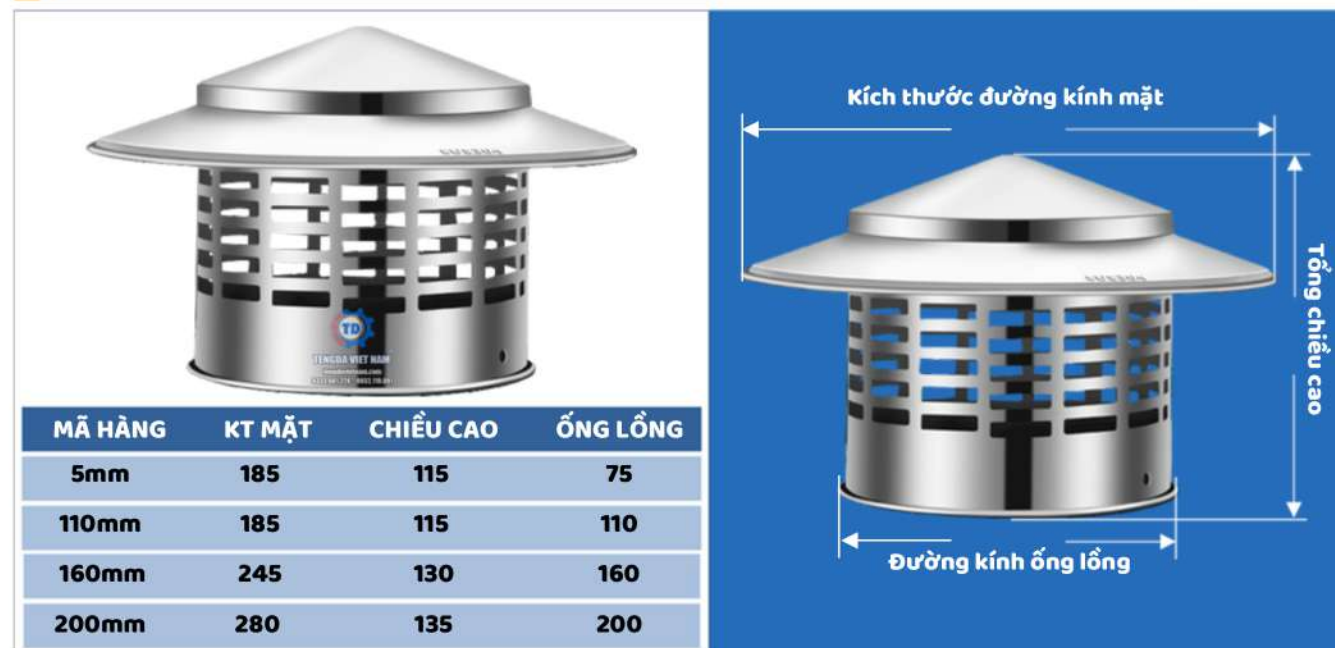
### VENTCAP HÌNH CHỮ U- TD1108



| VENTCAP - U | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | ĐỘ SÂU | ĐẦU NỔI | VẬT LIỆU |
|-------------|--------------|-------------|--------|---------|----------|
| 60MM        | 178          | 60          | 40     | 55      | 304      |
| 70MM        | 178          | 70          | 40     | 65      | 304      |
| 80MM        | 178          | 80          | 40     | 75      | 304      |
| 100MM       | 178          | 100         | 40     | 98      | 304      |
| 120MM       | 178          | 120         | 40     | 115     | 304      |

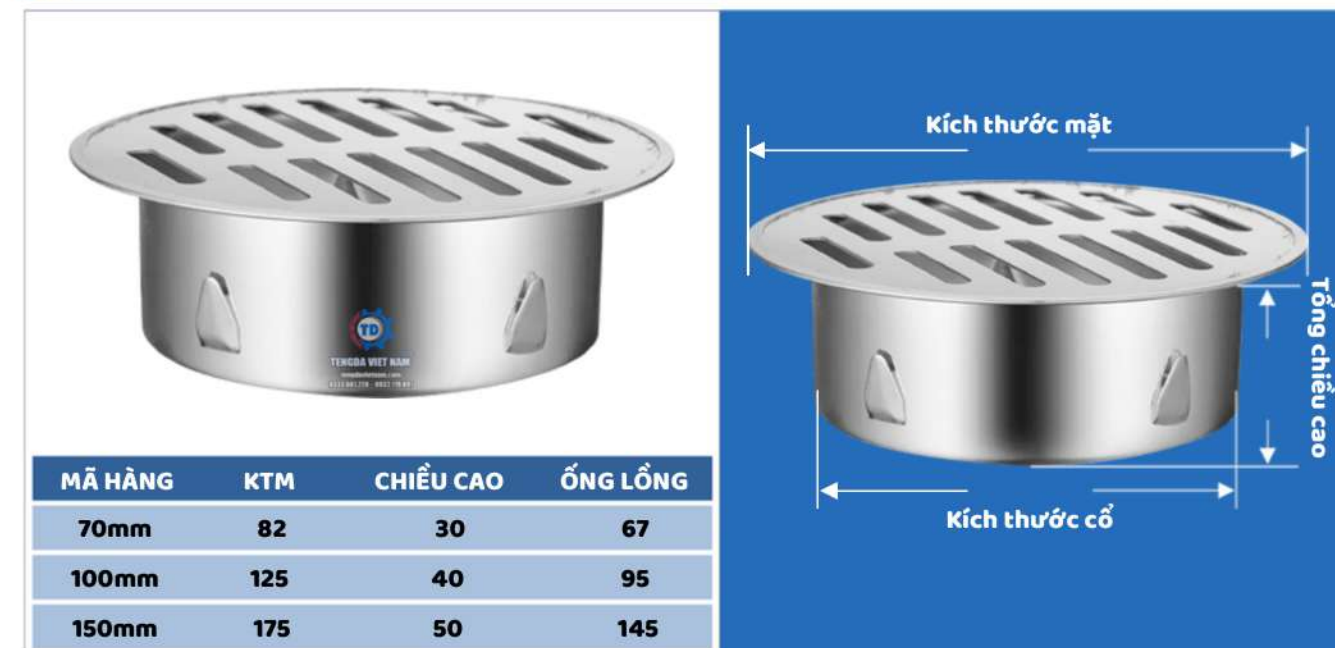
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MŨ THÔNG GIÓ HÌNH Ô BẰNG THÉP KHÔNG GỈ 304 - TD1109



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### PHỄU THOÁT SÀN PHẪNG BẰNG THÉP KHÔNG GỈ 304 - TD1110



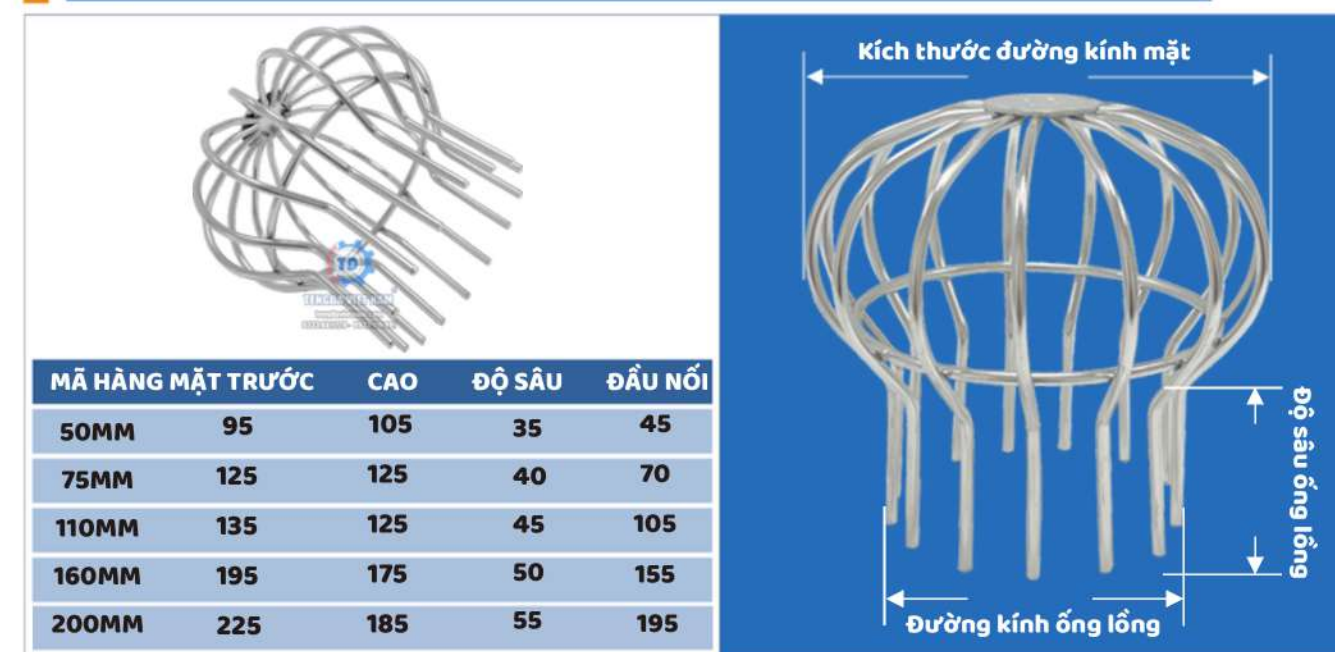
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MŨ THÔNG GIÓ HÌNH TRỤ BẰNG THÉP KHÔNG GỈ 304 - TD1111



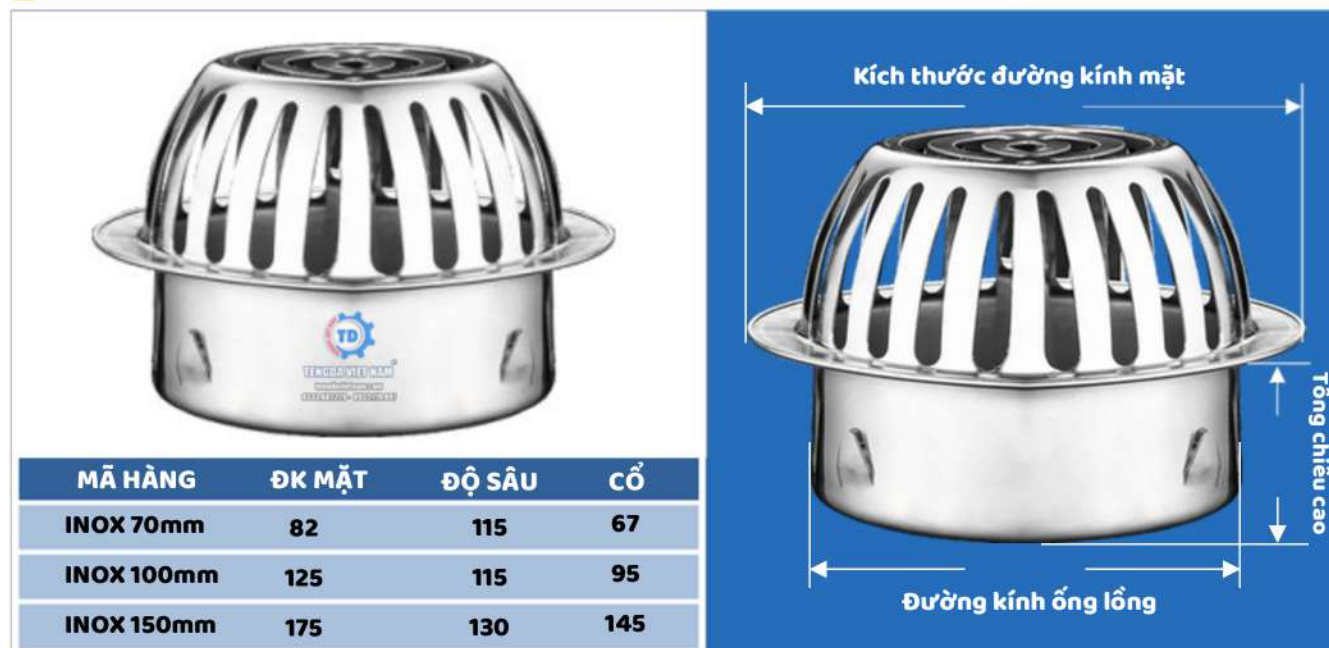
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### PHỄU THOÁT SÀN DẠNG THANH DÀI BẰNG THÉP KHÔNG GỈ 304 - TD1112



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### PHỄU THOÁT SÀN CHẮN RÁC INOX 304 - TD1113



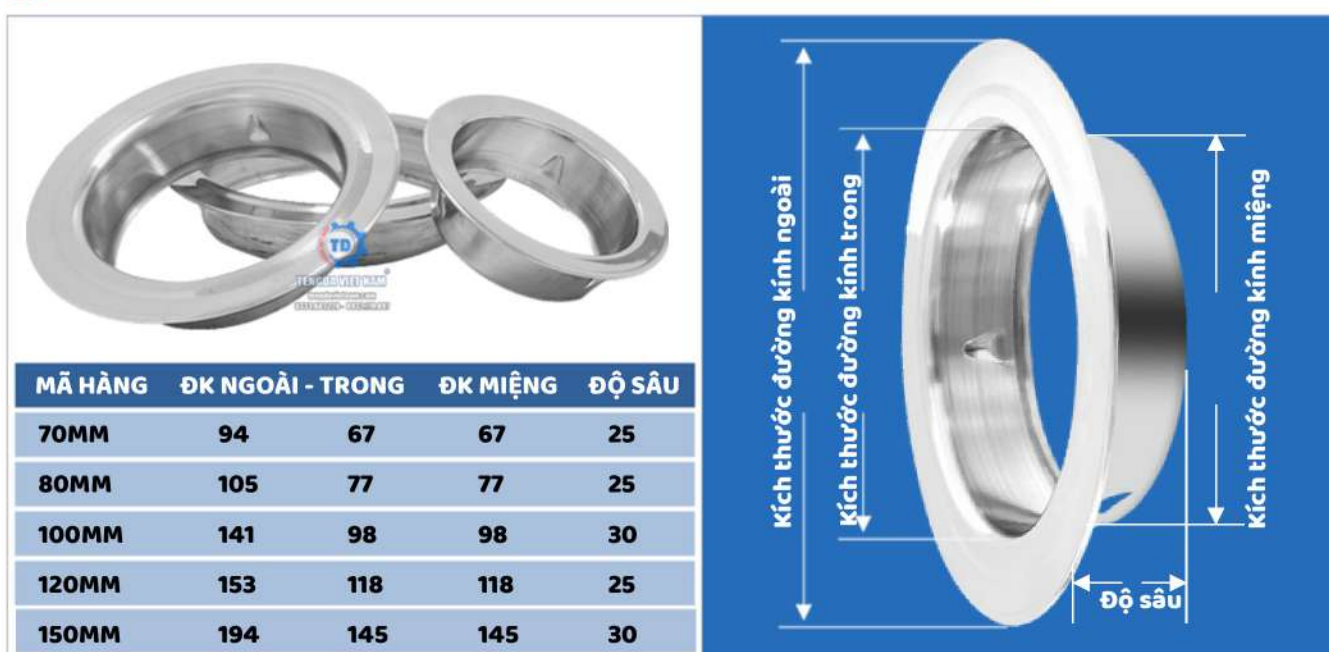
Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### VỎI PHUN CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH INOX 304 - TD1114



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### VÒNG BẢO VỆ MÁY LẠNH BẰNG INOX 304 - TD1115



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### VỎI PHUN CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH INOX 304 - TD1116



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## ĐAI XIẾT ỐNG GIÓ INOX 304 - TD1117



| MÃ HÀNG           | QUY CÁCH                   |
|-------------------|----------------------------|
| Đai xiết inox 304 | 80/110/160/200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CỬA THOÁT KHÍ XOÁY INOX - TD1118



| MÃ HÀNG    | KT NGOÀI | MIỆNG | ĐỘ SÂU | KT LỖ |
|------------|----------|-------|--------|-------|
| Inox 250mm | 360      | 248   | 100    | 315   |
| Inox 315mm | 425      | 308   | 108    | 380   |
| Inox 400mm | 538      | 395   | 108    | 490   |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## VENTCAP INOX 304 - TD1119



| QUY CÁCH MẶT TRƯỚC | ĐK MIỆNG | KT LỖ |
|--------------------|----------|-------|
| 100MM              | 145      | 37    |
| 110MM              | 145      | 37    |
| 120MM              | 145      | 37    |
| 150MM              | 185      | 47    |
| 160MM              | 185      | 47    |

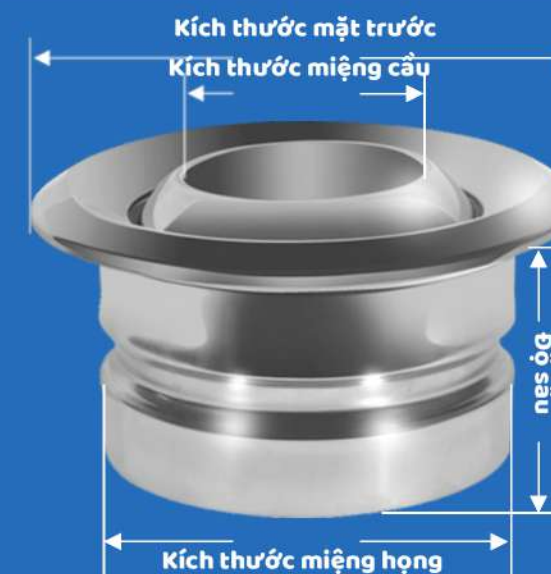


Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

## CẦU PHUN INOX - TD1120



| MÃ HÀNG | KTM | KT HỌNG | KT MIỆNG | ĐỘ SÂU |
|---------|-----|---------|----------|--------|
| 200MM   | 255 | 195     | 110      | 120    |
| 250MM   | 300 | 248     | 120      | 160    |
| 315MM   | 380 | 310     | 162      | 190    |
| 400MM   | 460 | 395     | 235      | 200    |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### MIỆNG LẮP PHẪNG VENTCAP INOX - TD1121



| MŨ THÔNG GIÓ | KT MẶT TRƯỚC | KT CỔ | ĐỘ SÂU | CỔNG KẾT NỐI | VẬT LIỆU |
|--------------|--------------|-------|--------|--------------|----------|
| 60MM         | 125          | 60    | 35     | 55           | 304      |
| 70MM         | 125          | 70    | 40     | 65           | 304      |
| 80MM         | 125          | 80    | 40     | 75           | 304      |
| 100MM        | 140          | 100   | 45     | 95           | 304      |
| 110MM        | 140          | 110   | 45     | 105          | 304      |
| 120MM        | 140          | 120   | 45     | 115          | 304      |
| 150MM        | 185          | 150   | 50     | 145          | 304      |
| 160MM        | 185          | 160   | 50     | 155          | 304      |
| 170MM        | 210          | 170   | 60     | 165          | 304      |
| 180MM        | 225          | 180   | 60     | 175          | 304      |
| 190MM        | 225          | 190   | 60     | 185          | 304      |
| 200MM        | 225          | 200   | 60     | 195          | 304      |
| 250MM        | 285          | 250   | 70     | 245          | 304      |
| 300MM        | 350          | 300   | 80     | 295          | 304      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

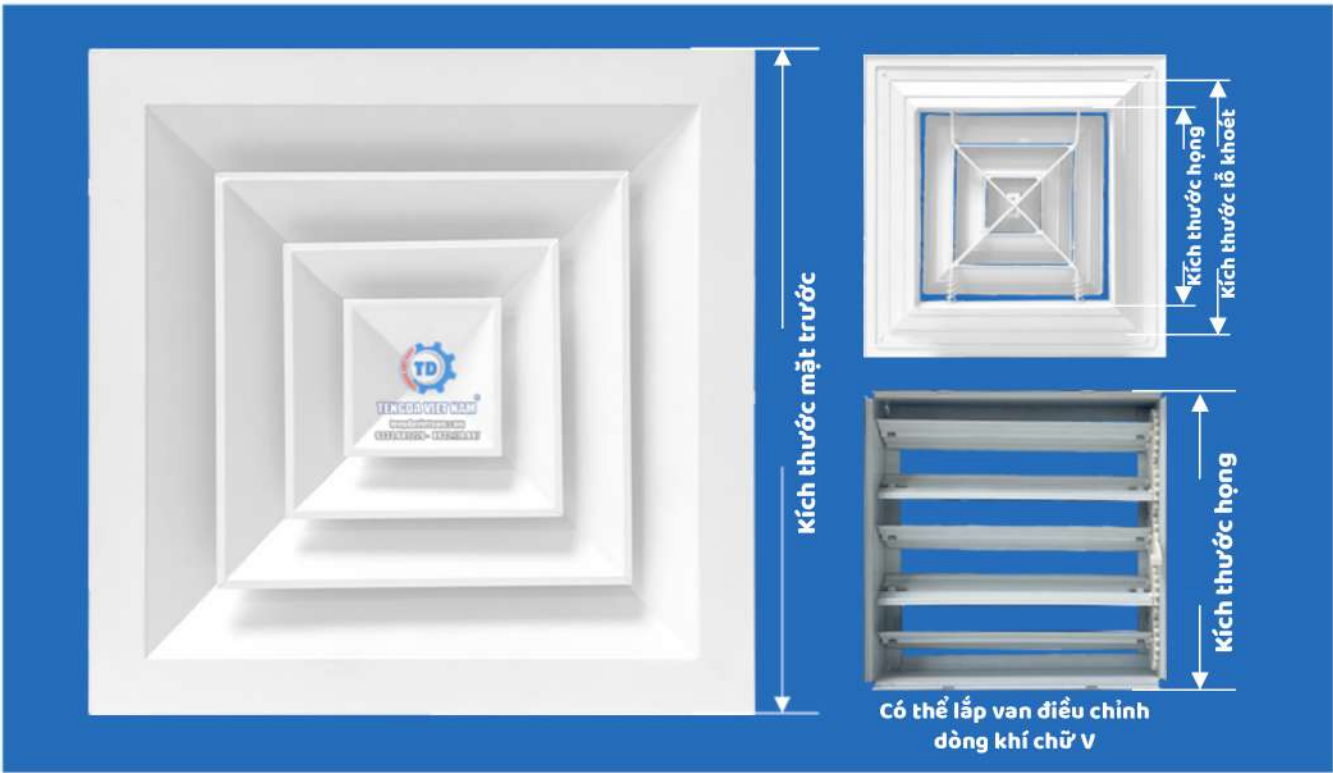
### NẮP THÔNG GIÓ BẰNG INOX - TD1122



| QUY CÁCH     | KT ĐK NGOÀI | KT ĐK TRONG | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU |
|--------------|-------------|-------------|-----------|----------|
| Inox 4 inch  | 190         | 150         | 125       | 304      |
| Inox 6 inch  | 300         | 250         | 255       | 304      |
| Inox 8 inch  | 355         | 300         | 275       | 304      |
| Inox 10 inch | 405         | 350         | 300       | 304      |
| Inox 12 inch | 435         | 380         | 325       | 304      |
| Inox 14 inch | 455         | 400         | 360       | 304      |
| Inox 16 inch | 500         | 450         | 365       | 304      |
| Inox 20inch  | 555         | 500         | 390       | 304      |
| Inox 24 inch | 655         | 600         | 400       | 304      |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

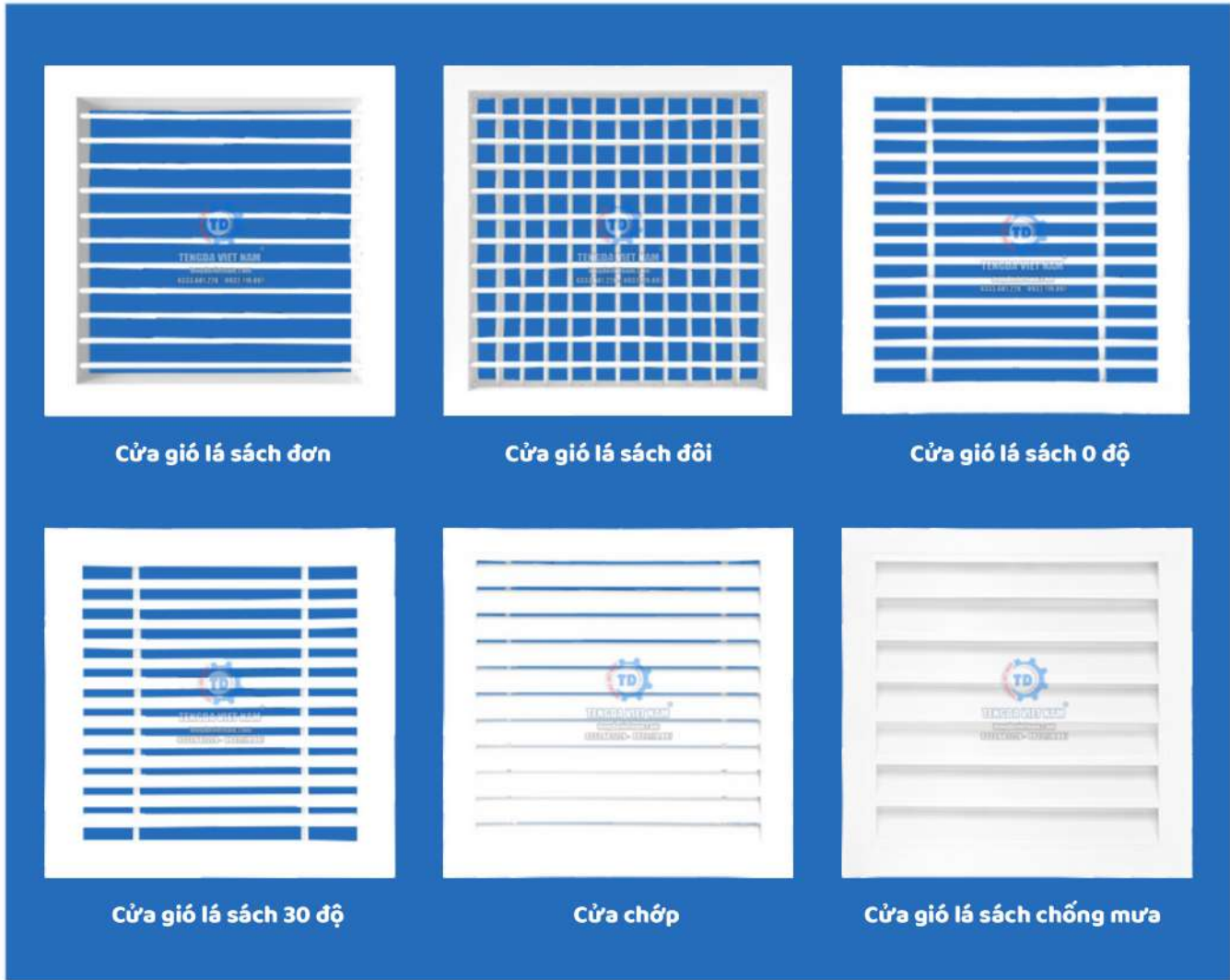
MIỆNG GIÓ HÌNH VUÔNG BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1123



| KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOẾT | KT HỌNG | CHIỀU CAO | KT BAO VIỄN | VAN ĐIỀU CHỈNH |
|--------------|-------------|---------|-----------|-------------|----------------|
| 250*250      | 200*200     | 125*125 | 50        | 25          | Họng 125*125   |
| 300*300      | 250*250     | 175*175 | 50        | 25          | Họng 175*175   |
| 325*325      | 275*275     | 200*200 | 50        | 25          | Họng 200*200   |
| 350*350      | 300*300     | 225*225 | 50        | 25          | Họng 225*225   |
| 375*375      | 325*325     | 250*250 | 50        | 25          | Họng 250*250   |
| 400*400      | 350*350     | 275*275 | 50        | 25          | Họng 275*275   |
| 425*425      | 375*375     | 300*300 | 50        | 25          | Họng 300*300   |
| 450*450      | 400*400     | 325*325 | 50        | 25          | Họng 325*325   |
| 475*475      | 425*425     | 350*350 | 50        | 25          | Họng 350*350   |
| 500*500      | 450*450     | 375*375 | 50        | 25          | Họng 375*375   |
| 525*525      | 475*475     | 400*400 | 50        | 25          | Họng 400*400   |
| 550*550      | 500*500     | 425*425 | 50        | 25          | Họng 425*425   |
| 595*595      | 545*545     | 470*470 | 50        | 25          | Họng 470*470   |
| 600*600      | 550*550     | 475*475 | 50        | 25          | Họng 475*475   |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

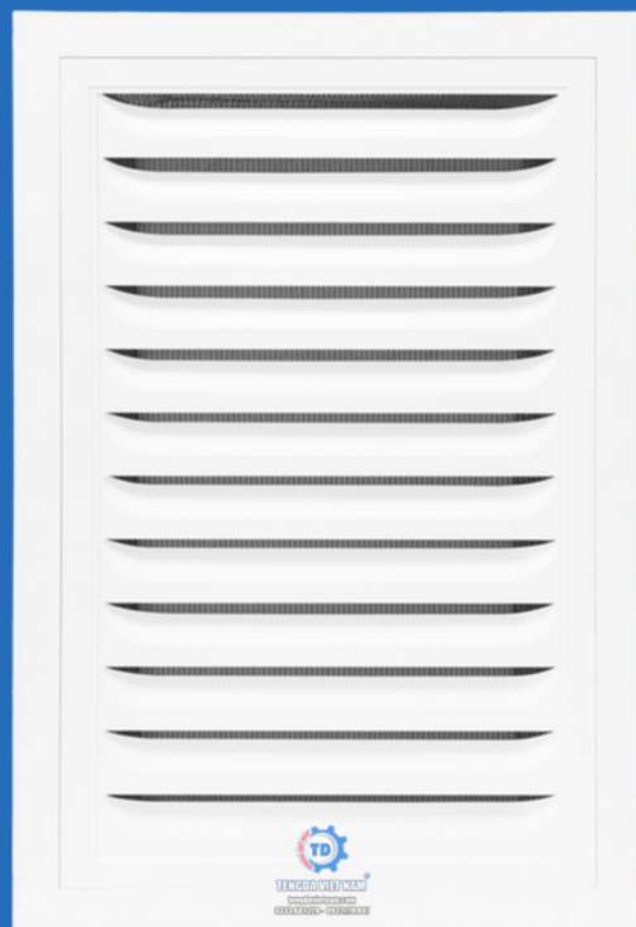
DÒNG SẢN PHẨM LAM GIÓ HỢP KIM NHÔM - TD1123



| MÃ HÀNG         | KT ĐK NGOÀI | KT ĐK TRONG | KT LỖ MỖ | MÀU SẮC  | CHẤT LIỆU    |
|-----------------|-------------|-------------|----------|----------|--------------|
| Cửa gió 200*200 | 250*250     | 200*200     | 215*215  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 250*250 | 300*300     | 250*250     | 265*265  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 300*300 | 350*350     | 300*300     | 315*315  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 350*350 | 400*400     | 350*350     | 365*365  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 400*400 | 450*450     | 400*400     | 415*415  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 450*450 | 500*500     | 450*450     | 465*465  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 500*500 | 550*550     | 500*500     | 515*515  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 550*550 | 600*600     | 550*550     | 565*565  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

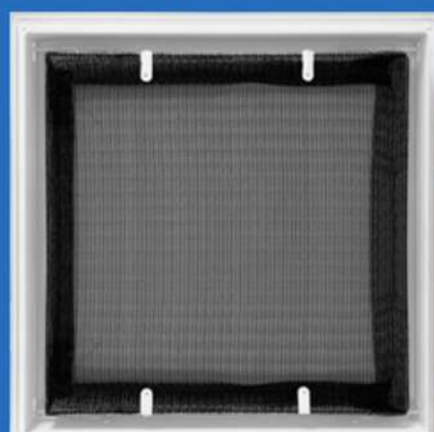
## CỬA GIÓ HỒI BẰNG HỢP KIM NHÔM (CÓ BẢN LỀ) - TD1124



Cửa chớp lá sách cột hồi gió



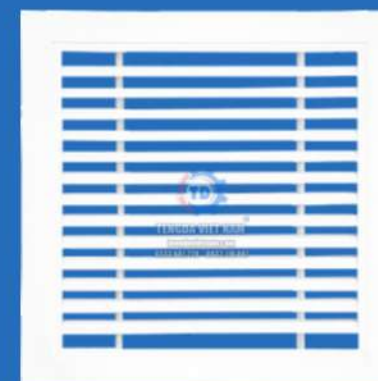
Cửa gió hồi có bản lề



| MÃ HÀNG         | KT ĐK NGOÀI | KT ĐK TRONG | KT LỖ MỖ | MÀU SẮC  | VẬT LIỆU     |
|-----------------|-------------|-------------|----------|----------|--------------|
| Cửa gió 250*250 | 300*300     | 250*250     | 250*250  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 300*300 | 350*350     | 300*300     | 300*300  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 350*350 | 400*400     | 350*350     | 350*350  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 400*400 | 450*450     | 400*400     | 400*400  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 450*450 | 500*500     | 450*450     | 450*450  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 500*500 | 550*550     | 500*500     | 500*500  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 550*550 | 600*600     | 550*550     | 550*550  | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

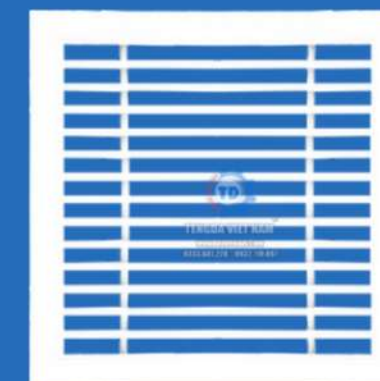
## CỬA GIÓ CẤP VÀ HỒI (LẮP CHO TRẦN) NHÔM TẮM - TD1125



Cửa gió cấp (lá sách 0 độ) lắp trần nhôm tấm (Mặt trước)



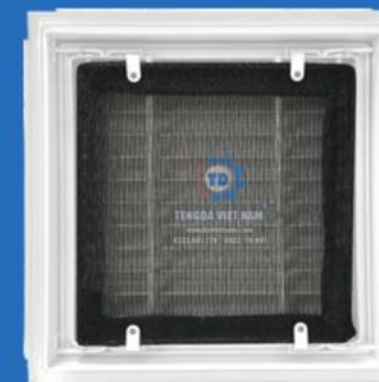
Cửa gió cấp (lá sách 0 độ) lắp trần nhôm tấm (Mặt sau)



Cửa gió cấp (lá sách 30 độ) lắp trần nhôm tấm



Cửa gió hồi (lá sách 30 độ) lắp trần nhôm tấm (Mặt trước)



Cửa gió hồi (lá sách 30 độ) lắp trần nhôm tấm (Mặt sau)



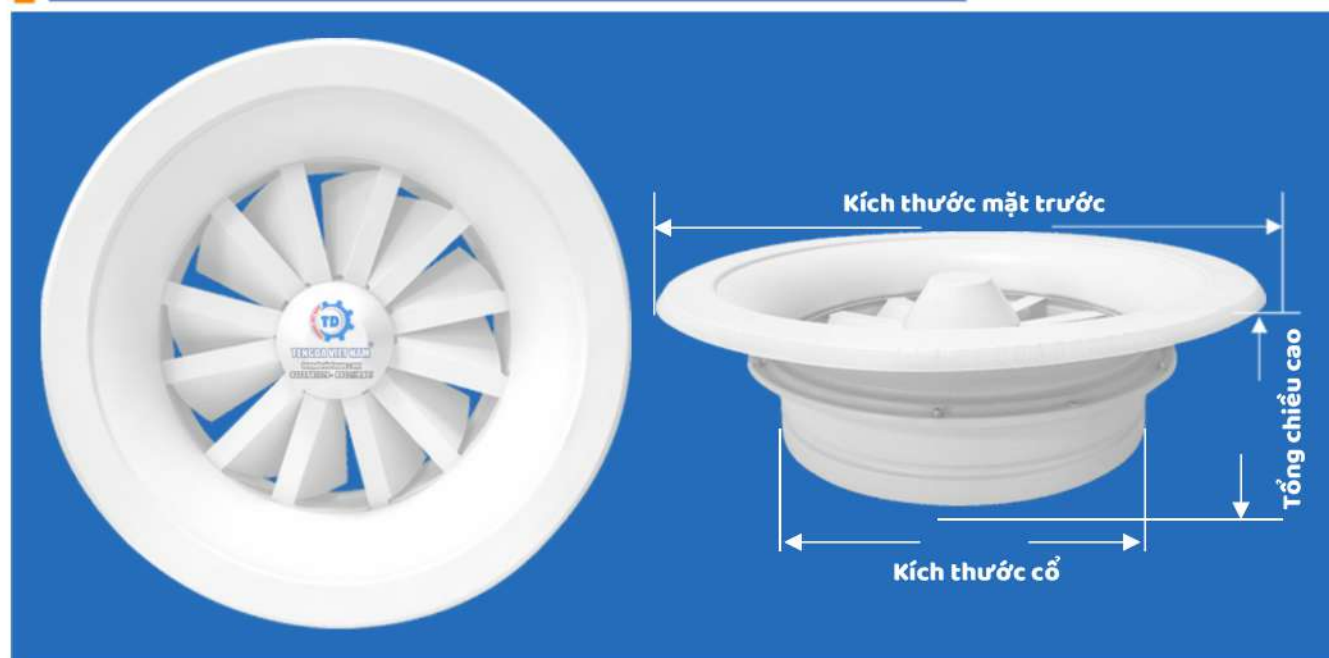
Cửa gió hồi (lá sách 0 độ) lắp trần nhôm tấm

| MÃ HÀNG                     | KT ĐK NGOÀI | KT HỌNG | MÀU SẮC  | VẬT LIỆU     |
|-----------------------------|-------------|---------|----------|--------------|
| Cửa gió 0 độ tấm 300x300    | 300*300     | 255*255 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 0 độ tấm 600x600    | 600*600     | 550*550 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 0 độ tấm 600x300    | 600*300     | 550*250 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ tấm 300x300   | 300*300     | 255*255 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ tấm 600x300   | 600*600     | 550*550 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ tấm 600x600   | 600*300     | 550*250 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Lá sách đôi tấm 300x300     | 300*300     | 255*255 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Lá sách đôi tấm 600x600     | 600*600     | 550*550 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 0 độ bản lề 300x300 | 300*300     | 255*255 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |

|                                 |         |         |          |              |
|---------------------------------|---------|---------|----------|--------------|
| Cửa gió 0 độ có bản lề 600x600  | 600*600 | 550*550 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 0 độ có bản lề 600x300  | 600*300 | 550*250 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ có bản lề 300x300 | 300*300 | 255*255 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ có bản lề 600x600 | 600*600 | 550*550 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió 30 độ có bản lề 600x300 | 600*300 | 550*250 | Trắng mờ | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA THOÁT KHÍ XOÁY HỢP KIM NHÔM - TD1126



| MÃ HÀNG          | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | KT CỔ | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|------------------|--------------|-------------|-------|-----------|--------------|
| Cửa gió xoáy 200 | 320          | 265         | 200   | 100       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 250 | 380          | 320         | 250   | 110       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 315 | 470          | 410         | 315   | 135       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 350 | 505          | 445         | 350   | 135       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 400 | 570          | 505         | 400   | 145       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 500 | 675          | 610         | 500   | 150       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 630 | 860          | 800         | 630   | 200       | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió xoáy 800 | 1065         | 1100        | 800   | 330       | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CẦU PHUN HỢP KIM NHÔM - TD1127



| MÃ HÀNG      | KT MẶT TRƯỚC | KT LỖ KHOÉT | KT CỔ | T CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|--------------|--------------|-------------|-------|-------------|--------------|
| Cầu phun 100 | 139          | 110         | 100   | 45          | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 125 | 172          | 135         | 125   | 61          | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 150 | 200          | 160         | 150   | 75          | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 160 | 210          | 170         | 160   | 80          | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 200 | 265          | 210         | 200   | 100         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 250 | 314          | 260         | 250   | 125         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 315 | 390          | 325         | 315   | 165         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 350 | 433          | 360         | 350   | 180         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 400 | 495          | 420         | 400   | 210         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 450 | 559          | 470         | 450   | 235         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 500 | 622          | 520         | 500   | 253         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 630 | 736          | 650         | 630   | 330         | Hợp kim nhôm |
| Cầu phun 800 | 950          | 820         | 800   | 540         | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### Miệng gió hình tròn bằng hợp kim nhôm - TD1128



| MÃ HÀNG                 | KT MẶT | KT LỖ | KT CỔ | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|-------------------------|--------|-------|-------|-----------|--------------|
| Miệng gió hình tròn 150 | 300    | 240   | 150   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 200 | 350    | 290   | 200   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 250 | 400    | 340   | 250   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 300 | 450    | 390   | 300   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 350 | 500    | 440   | 350   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 400 | 550    | 490   | 400   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 450 | 600    | 540   | 450   | 65        | Hợp kim nhôm |
| Miệng gió hình tròn 500 | 650    | 590   | 500   | 65        | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

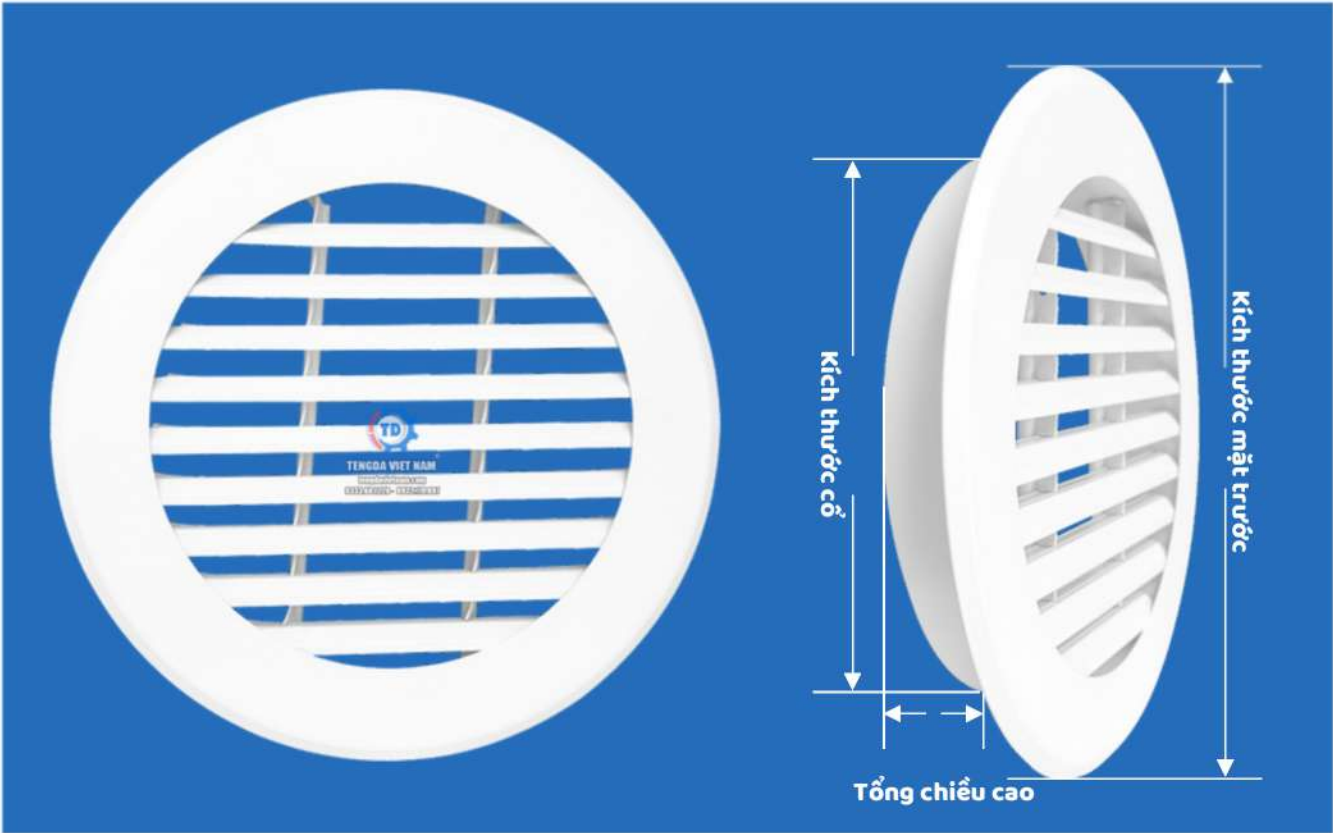
### Cửa gió tròn 0 độ bằng hợp kim nhôm - TD1129



| MÃ HÀNG                       | KT MẶT | KT LỖ | KT CỔ | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|-------------------------------|--------|-------|-------|-----------|--------------|
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 150 | 200    | 160   | 150   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 200 | 250    | 210   | 200   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 250 | 300    | 260   | 250   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 300 | 350    | 310   | 300   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 350 | 400    | 360   | 350   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 400 | 450    | 410   | 400   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 450 | 500    | 460   | 450   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 500 | 550    | 510   | 500   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió lá sách tròn 0 độ 550 | 600    | 560   | 550   | 50        | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

CỬA GIÓ TRÒN 30 ĐỘ BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1130



| MÃ HÀNG                | KT MẶT | KT LỖ | KT CỔ | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|------------------------|--------|-------|-------|-----------|--------------|
| Cửa gió tròn 30 độ 150 | 200    | 160   | 150   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 200 | 250    | 210   | 200   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 250 | 300    | 260   | 250   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 300 | 350    | 310   | 300   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 350 | 400    | 360   | 350   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 400 | 450    | 410   | 400   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 450 | 500    | 460   | 450   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 500 | 550    | 510   | 500   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn 30 độ 550 | 600    | 560   | 550   | 50        | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

CỬA GIÓ TRÒN CHỐNG MƯA BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1131



| MÃ HÀNG                    | KT MẶT | KT LỖ | KT CỔ | CHIỀU CAO | VẬT LIỆU     |
|----------------------------|--------|-------|-------|-----------|--------------|
| Cửa gió tròn chống mưa 150 | 200    | 160   | 150   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 200 | 250    | 210   | 200   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 250 | 300    | 260   | 250   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 300 | 350    | 310   | 300   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 350 | 400    | 360   | 350   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 400 | 450    | 410   | 400   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 450 | 500    | 460   | 450   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 500 | 550    | 510   | 500   | 50        | Hợp kim nhôm |
| Cửa gió tròn chống mưa 550 | 600    | 560   | 550   | 50        | Hợp kim nhôm |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

VENTCAP CHỤP GIÓ BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1132



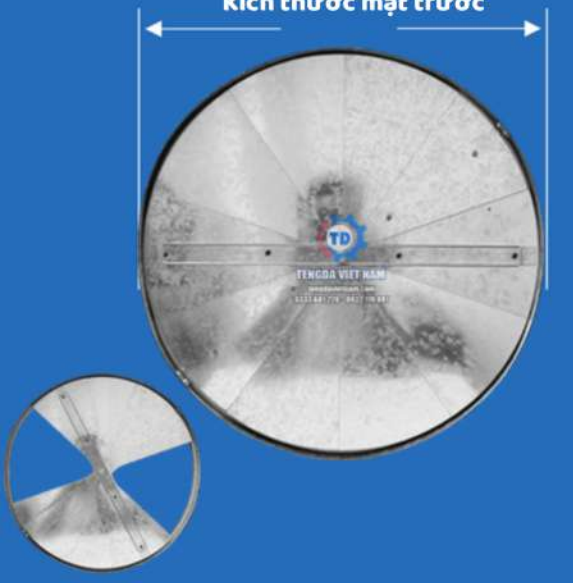
| QUY CÁCH | KT MẶT | ĐỘ SÂU | KT CỔ | KT LỖ |
|----------|--------|--------|-------|-------|
| 100MM    | 154    | 45     | 98    | 110   |
| 120MM    | 154    | 45     | 118   | 130   |
| 150MM    | 210    | 55     | 148   | 160   |
| 180MM    | 210    | 55     | 173   | 190   |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

VAN ĐIỀU CHỈNH CÁN QUẠT - TD1134

| QUY CÁCH        | KT MẶT | VẬT LIỆU   |
|-----------------|--------|------------|
| Dạng quạt 150MM | 150    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 200MM | 200    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 250MM | 250    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 300MM | 300    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 315MM | 315    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 350MM | 350    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 400MM | 400    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 450MM | 450    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 500MM | 500    | Sắt mạ kẽm |
| Dạng quạt 630MM | 630    | Sắt mạ kẽm |



Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

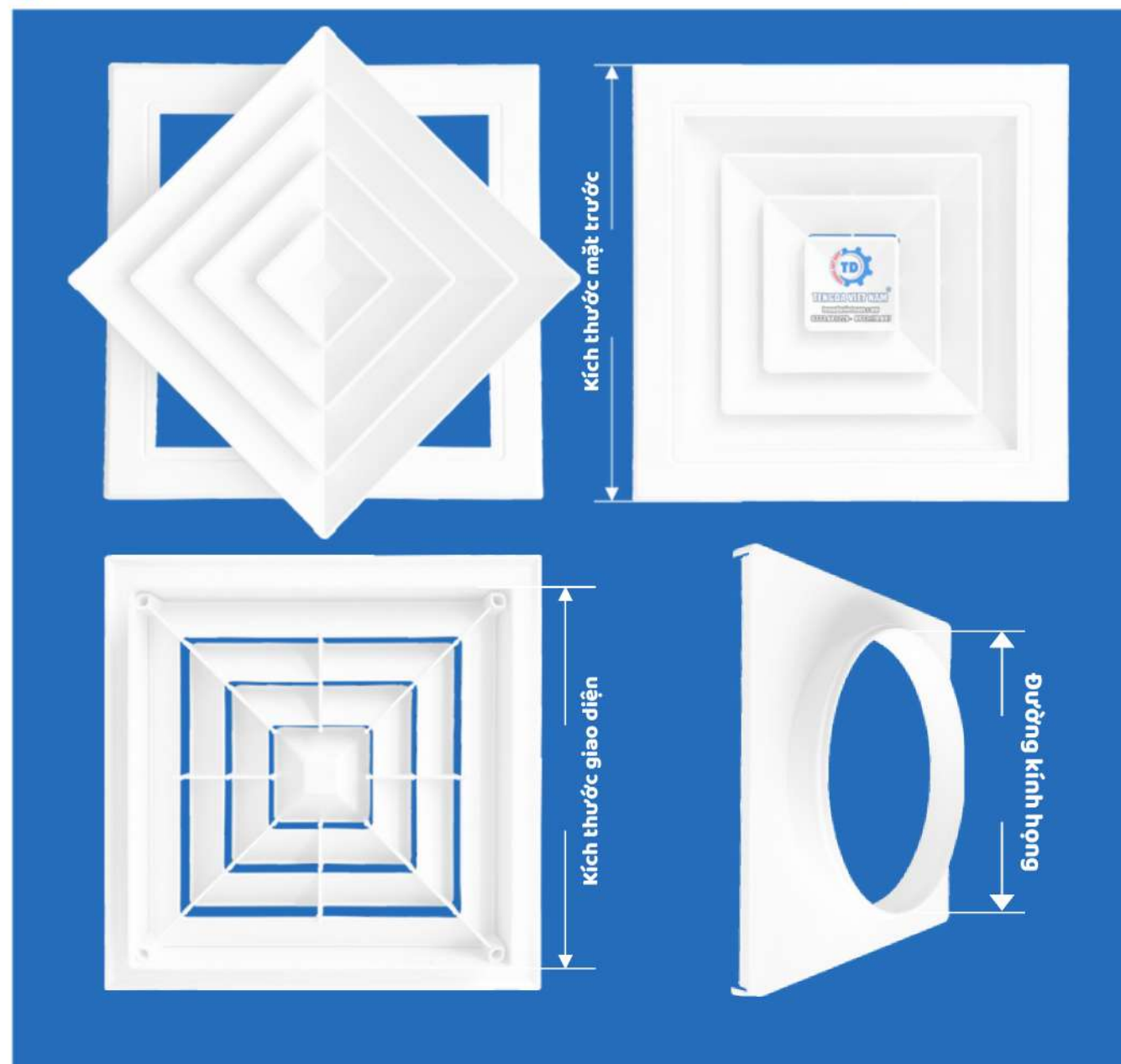
CỬA GIÓ LÁ SÁCH HÌNH VUÔNG BẰNG HỢP KIM NHÔM - TD1133



| KT ĐK NGOÀI | KT ĐK TRONG | KT KC LỖ | VẬT LIỆU                | MÀU SẮC           |
|-------------|-------------|----------|-------------------------|-------------------|
| 100*100     | 70*70       | 85       | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 150*150     | 108*108     | 133      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 165*165     | 135*135     | 150      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 200*200     | 157*157     | 93       | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 250*250     | 206*206     | 118      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 300*200     | 155*257     | 142      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 300*300     | 255*255     | 142      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 350*350     | 336*336     | 168      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 400*200     | 155*355     | 128      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |
| 400*400     | 357*357     | 129      | Hợp kim nhôm + Lưới sợi | Màu trắng/Màu đen |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

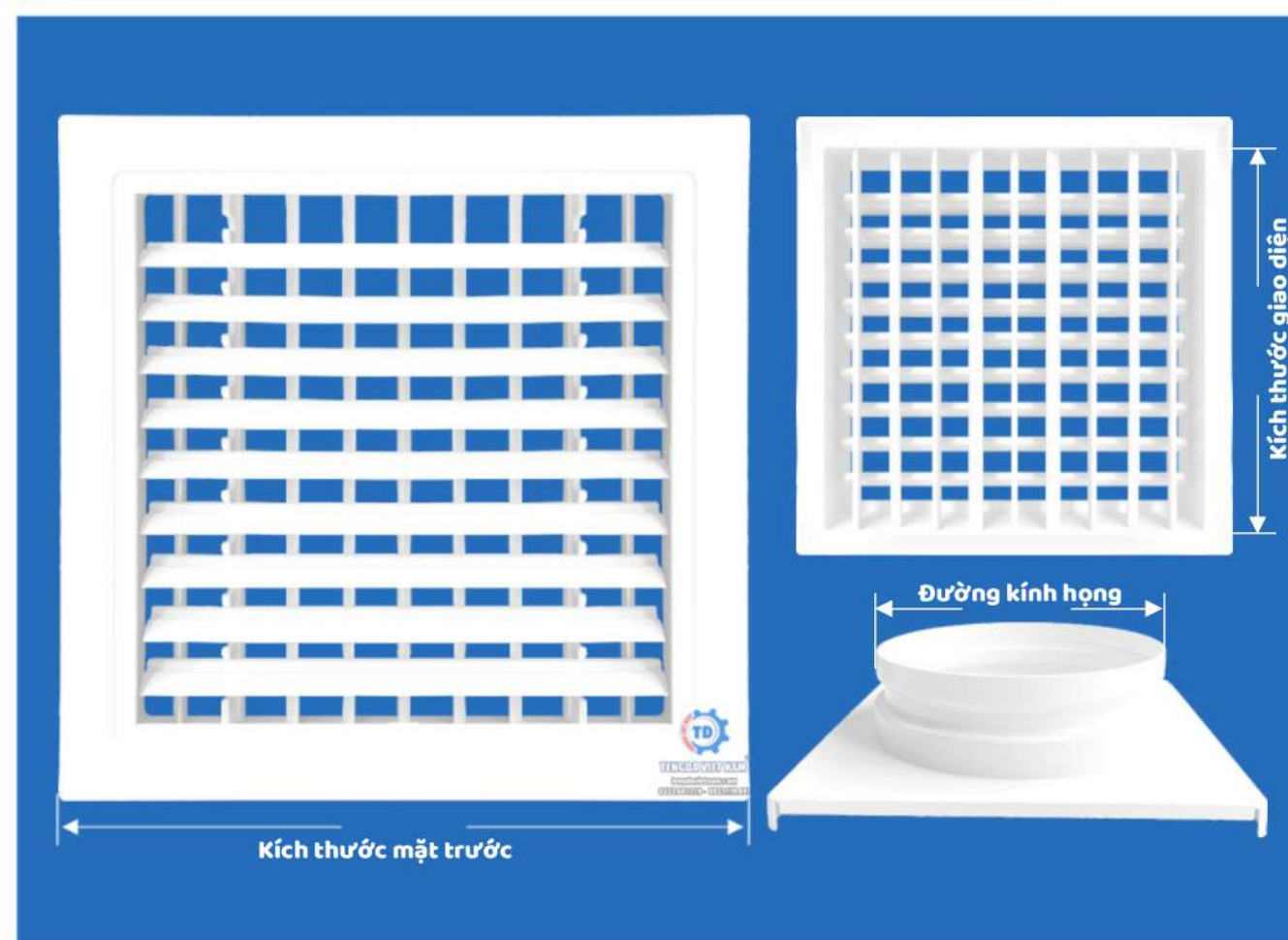
### MIỆNG GIÓ KHUẾCH TÁN HÌNH VUÔNG DẠNG TẮM ĐỖ - TD1135



| MÃ HÀNG            | KT MẶT | KT GIAO DIỆN | CHIỀU SÂU | KHUNG VIÊN | BỘ CHUYỂN ĐỔI |
|--------------------|--------|--------------|-----------|------------|---------------|
| Kích thước 250*250 | 290    | 240          | 35        | 25         | 150/200       |
| Kích thước 300*300 | 340    | 290          | 35        | 25         | 150/200/250   |
| Kích thước 350*350 | 390    | 340          | 35        | 25         | 200/250       |
| Kích thước 400*400 | 440    | 390          | 35        | 25         | 200           |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

### CỬA GIÓ HAI LỚP HÌNH VUÔNG - TD1136



| MÃ HÀNG            | KT MẶT TRƯỚC | KT GIAO DIỆN | CHIỀU SÂU | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|--------------------|--------------|--------------|-----------|-----------------|
| Kích thước 125x125 | 165          | 115          | 35        | /               |
| Kích thước 150x150 | 190          | 140          | 35        | /               |
| Kích thước 200x200 | 240          | 190          | 35        | /               |
| Kích thước 250x250 | 285          | 235          | 35        | 150/200         |
| Kích thước 300x300 | 335          | 285          | 35        | 150/200/250     |
| Kích thước 350x350 | 385          | 335          | 35        | 200/250         |
| Kích thước 400x400 | 435          | 385          | 35        | 200             |
| Kích thước 450x450 | 485          | 435          | 35        | /               |
| Kích thước 595x595 | 595          | 545          | 35        | 200/250/300/350 |
| Kích thước 600x600 | 600          | 545          | 35        | 200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

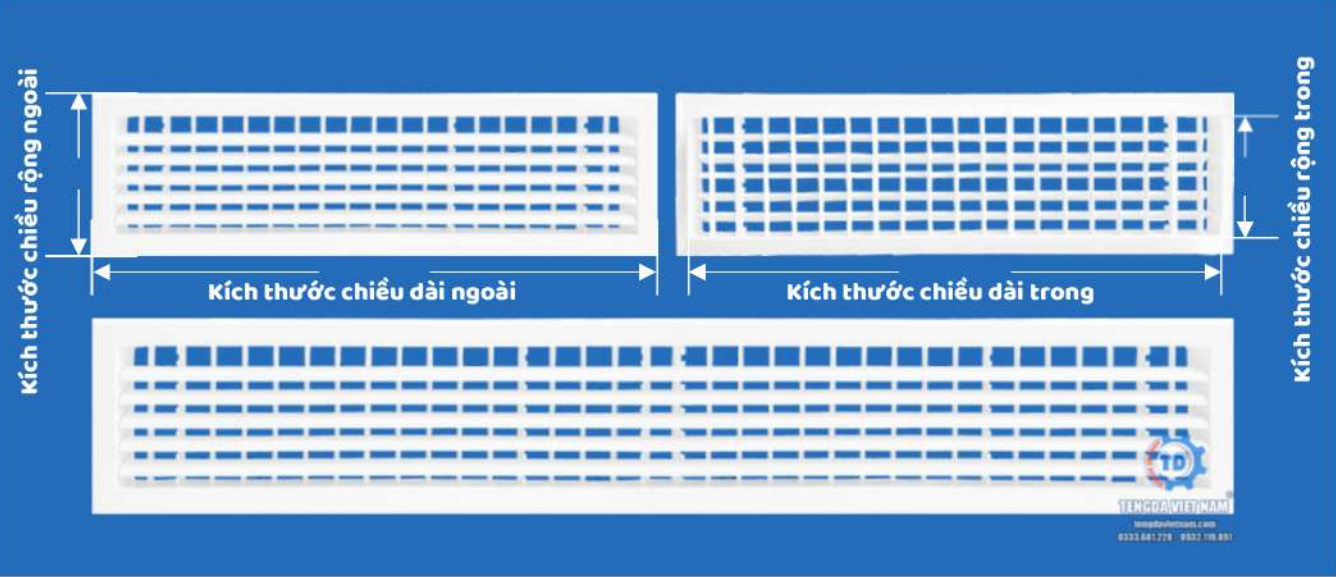
CỬA GIÓ HỒI VUÔNG CÓ BẢN LỀ KÈM LƯỚI - TD1137



| MÃ HÀNG            | CHIỀU RỘNG NGOÀI | CHIỀU RỘNG TRONG | CHIỀU SÂU | BỘ CHUYỂN ĐỔI   |
|--------------------|------------------|------------------|-----------|-----------------|
| Kích thước 300x300 | 335*335          | 285*285          | 35        | 150/200/250     |
| Kích thước 350*350 | 385*385          | 335*335          | 35        | 200/250         |
| Kích thước 400*400 | 435*435          | 385*385          | 35        | 200             |
| Kích thước 450*450 | 485*485          | 435*435          | 35        | /               |
| Kích thước 600*400 | 635*435          | 585*385          | 35        | /               |
| Kích thước 595*595 | 595*595          | 545*545          | 35        | 200/250/300/350 |
| Kích thước 600*600 | 600*600          | 545*545          | 35        | 200/250/300/350 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

CỬA GIÓ CẤP ĐÔI ĐÔI HÌNH CHỮ NHẬT - TD1138



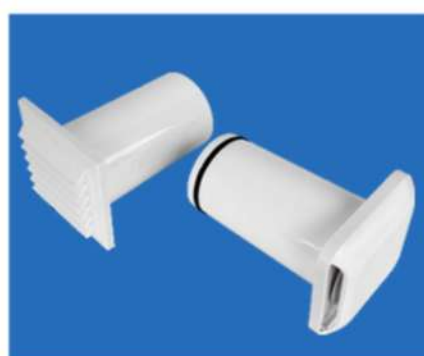
| MÃ HÀNG  | CHIỀU DÀI NGOÀI / TRONG | CHIỀU RỘNG NGOÀI / TRONG | MÃ HÀNG  | CHIỀU DÀI NGOÀI / TRONG | CHIỀU RỘNG NGOÀI / TRONG |
|----------|-------------------------|--------------------------|----------|-------------------------|--------------------------|
| 500*130  | 535 485                 | 165 115                  | 500*200  | 535 235                 | 485 185                  |
| 550*130  | 585 535                 | 165 115                  | 1000*200 | 1035 235                | 985 185                  |
| 600*130  | 635 585                 | 165 115                  | 1200*200 | 1235 235                | 1185 185                 |
| 650*130  | 685 635                 | 165 115                  | 500*150  | 535 185                 | 485 135                  |
| 700*130  | 735 685                 | 165 115                  | 550*150  | 585 185                 | 535 135                  |
| 800*130  | 835 785                 | 165 115                  | 600*150  | 635 185                 | 585 135                  |
| 900*130  | 935 885                 | 165 115                  | 650*150  | 685 185                 | 635 135                  |
| 950*130  | 985 935                 | 165 115                  | 700*150  | 735 185                 | 685 135                  |
| 1000*130 | 1035 985                | 165 115                  | 800*150  | 835 185                 | 785 135                  |
| 1100*130 | 1135 1085               | 165 115                  | 900*150  | 935 185                 | 885 135                  |
| 1200*130 | 1235 1185               | 165 115                  | 1000*150 | 1035 185                | 985 135                  |
| 1300*130 | 1335 1285               | 165 115                  | 1100*150 | 1135 185                | 1085 135                 |
| 1400*130 | 1435 1385               | 165 115                  | 1200*150 | 1235 185                | 1185 135                 |
| 1500*130 | 1535 1485               | 165 115                  | 1300*150 | 1335 185                | 1285 135                 |
| 1600*130 | 1635 1585               | 165 115                  | 1400*150 | 1435 185                | 1385 135                 |
| 1700*130 | 1735 1685               | 165 115                  | 1500*150 | 1535 185                | 1485 135                 |
| 1800*130 | 1835 1785               | 165 115                  | 1600*150 | 1635 185                | 1585 135                 |
| 400*200  | 435 385                 | 235 185                  | 1700*150 | 1735 185                | 1685 135                 |

Lưu ý: Phù hợp với phương pháp lắp đặt bằng vít đơn vị đo là milimet, việc đo thủ công có thể có một chút sai số, sản phẩm thực tế làm tiêu chuẩn.

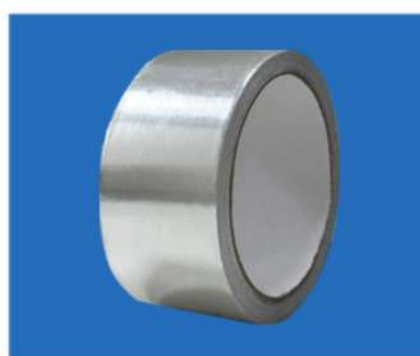
**LƯỚI LỌC CHẮN BỤI TÍCH HỢP CHO ĐIỀU HÒA TRUNG TÂM**

Chiều rộng : 9/ 10/ 11/ 12 / 14/ 15/ 16 / 18 / 18.5 / 19 / 19.5 / 20 / 20.5 / 21 / 23 / 23.5 / 24 / 24.5 / 25 / 25.5 / 26 / 27 / 28/ 29 / 30 / 31 / 32 / 34 / 35 / 40 / 70 cm

Chiều dài : chiều dài mỗi tấm thống nhất là 121 cm, các tấm lưới lọc được nối liền với nhau tại các điểm kết nối



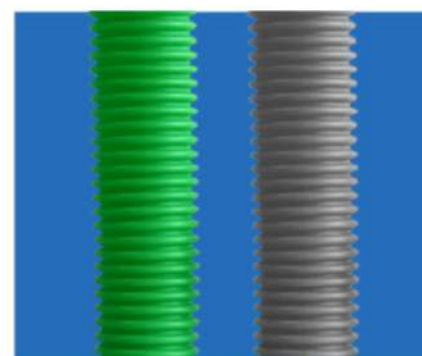
**BỘ THÔNG GIÓ XUYÊN TƯỜNG**  
Chất liệu: ABS  
Thiết kế: Thiết kế thông gió hai chiều / Trao đổi khí hiệu quả cao



**BĂNG KEO LÁ NHÔM DÀY DẶN**  
Chất liệu: Lá nhôm  
Đặc tính: Độ bám dính mạnh / Chống ăn mòn / Thân thiện với môi trường và không độc hại



**ỐNG GIÓ MỀM VẢI 3 CHỐNG**  
Ưu điểm: Chống cháy / Chống nước / Chống nắng  
Quy cách: 80 / 100 / 110 / 160 / 180 / 200



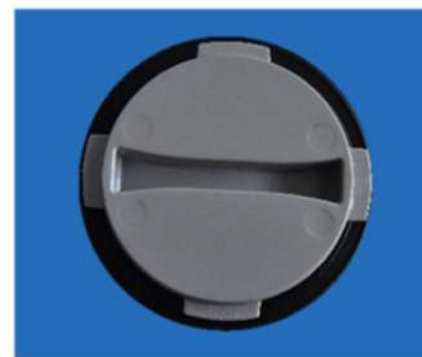
**ỐNG PE (CHẤT LIỆU PE)**  
Màu sắc: Màu xanh lá/Màu xám  
Quy cách: 75/ 110 / 160 / 200



**NỐI THẲNG ỐNG PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75 /110/ 160/ 200



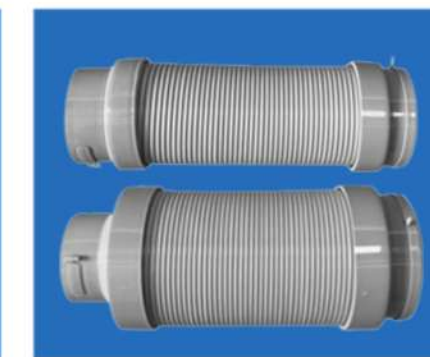
**VAN ĐIỀU CHỈNH GIÓ HỘ PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75 / 110



**TẤM CHE HỘ CHIA ỐNG GIÓ PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75/ 110



**KHỚP NỐI ĐẦU CUỐI ỐNG PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75/ 110/ 75-110



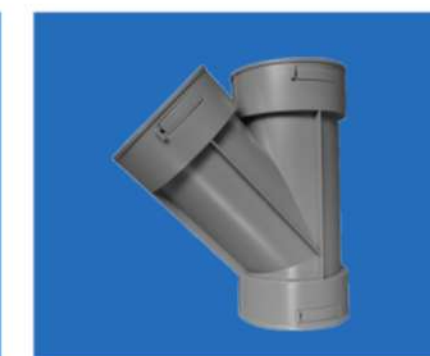
**BỘ PHẬN KẾT NỐI ĐẦU CUỐI TPE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75/ 110/ 75- 110



**VAN GIÓ ĐIỀU CHỈNH BẰNG TAY CHUYÊN DỤNG CHO ỐNG PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75/ 110/ 60



**ỐNG NỐI BA CHO ỐNG PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 110-110-75 / 160-160-110



**ỐNG NỐI BA CHO ỐNG PE**  
Màu sắc: Màu xám  
Quy cách: 75/110/160



**KHỚP NỐI MẶT BÍCH CHO ỐNG PE**

Quy cách: 110 /160 /200 / 160-110



**ỐNG NỐI BA CHỮ T CHO ỐNG PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75/ 110/ 60



**ỐNG NỐI BA CHỮ T CHO ỐNG PE**

Quy cách: 2&110-75/ 2&160-110

2&200-160



**NÓN THÔNG GIÓ XUYÊN TƯỜNG**

CHO ỐNG PE

Màu sắc: Màu trắng

Quy cách: 75 / 110 / 160



**VAN MỘT CHIỀU ( VAN CHẶN**

NGƯỢC) CHO ỐNG PE

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75 / 110 / 160



**LƯỚI CHỐNG BỤI CHO ỐNG PE**

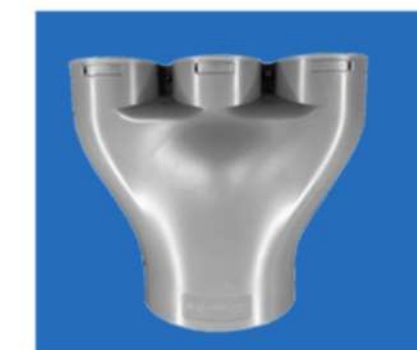
Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75 / 110 / 160



**KHỚP NỐI GIẢM KÍCH THƯỚC ỐNG**

Quy cách: 75-110 / 110-160/ 160-200



**HỘP CHIA NHÁNH ỐNG PE**

Quy cách: 110-75\*3 / 160-75\*3/

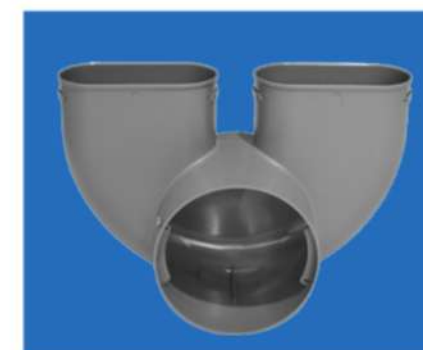
200-110\*3



**ỐNG NỐI BA T CHỮ U CHO ỐNG PE**

Quy cách: 110-75\*2 / 160-1102 /

200-160\*2



**KHỚP NỐI CHUYỂN ĐỔI TRÒN**

SANG DỆT 90 ĐỘ CHO ỐNG PE

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 110-108 x 50x2



**ỐNG GIẢM THANH**

Quy cách: 80 / 110/ 160/ 160 -

110 / 200 / 250



**ỐNG GIÓ MỀM**

Màu sắc: Màu bạc

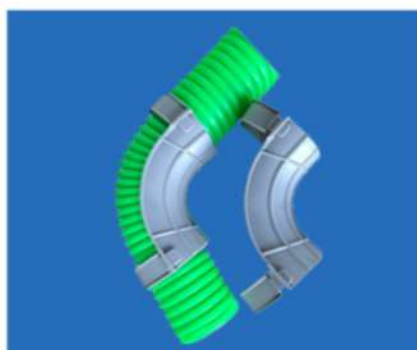
Quy cách: 80/120/200



**CO NỐI ỐNG PE 90 ĐỘ**

Màu sắc : Màu xám

Quy cách: 75/110/160/200



**CO NỐI ỐNG PE 90 ĐỘ PHỤ TRỢ**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75



**NẮP XUYÊN TƯỜNG CHO ỐNG PE**

Màu sắc: Như hình

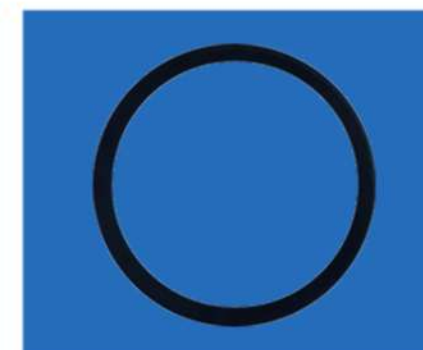
Quy cách: 75 /110 / 160



**DỤNG CỤ CẮT ỐNG PE**

Màu sắc: Màu cam

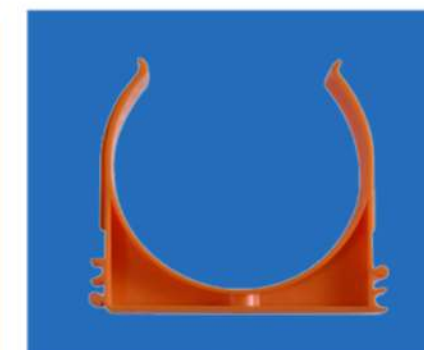
Quy cách: 75/ 110



**VÒNG ĐỆM LẮM KÍN ỐNG PE**

Màu sắc: Màu đen

Quy cách: 75 / 110 / 160/ 200



**THANH CÀI PHẪNG CHO ỐNG PE**

Màu sắc: Màu cam

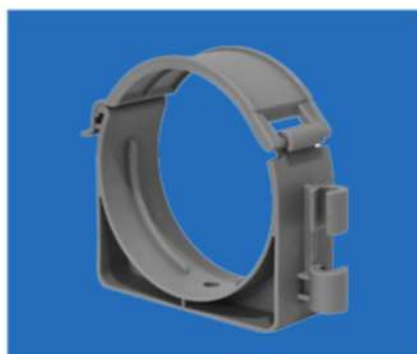
Quy cách: 75/110



**NẮP ĐẬY CHO ỐNG PE**

Màu sắc tùy chọn: Màu đen

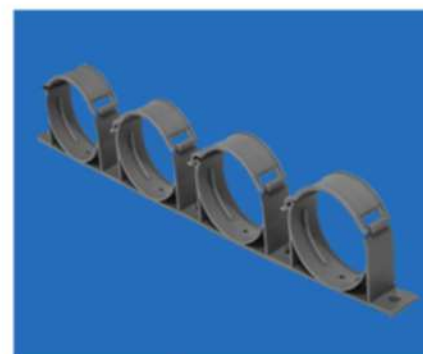
Quy cách: 75



**ĐAI KẸP ỐNG PE**

Màu sắc tùy chọn: Màu xám

Quy cách: 75 / 110 / 160 / 200



**THANH CÀI ỐNG PE DẠNG HÀNG 4**

Màu sắc : Màu xám

Quy cách: 75\*4

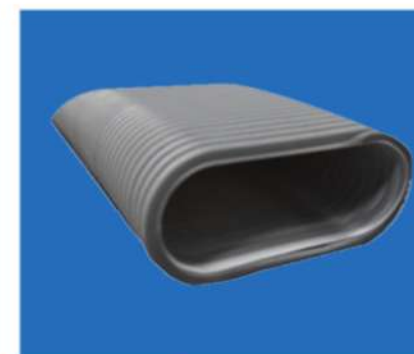


**HỘP CHIA GIÓ ỐNG DỆT PE**

Vật liệu: Tấm thép mạ kẽm nhôm

Chất liệu ABS

Quy cách: 150-1-4



**ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**KHỚP NỐI CHUYỂN TRÒN SANG**

**DỆT 90 ĐỘ CHO ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75-108x50



**THANH CÀI ỐNG PE DẠNG HÀNG 3**

110 X 3

Màu sắc : Màu xám - Quy cách: 75



**VAN GIÓ ĐIỆN CHO ỐNG PE**

Màu sắc tùy chọn: Màu xám

Quy cách: 75/110/160

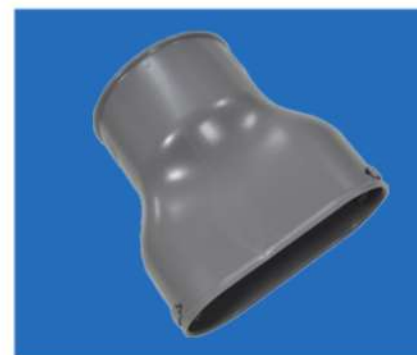


**ỐNG GIẢM THANH**

Vật liệu: Tấm mạ nhôm/

Bông tiêu âm EVA

Quy cách: 100 /150 /200



**KHỚP NỐI CHUYỂN TRÒN SANG**

**DỆT CHO ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 75-108x50



**CO NỐI ỐNG DỆT PE 90 ĐỘ NGANG**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**CO NỐI ỐNG DỆT PE 90 ĐỘ LEO**

**TƯỜNG ( CHUYỂN HƯỚNG DỌC )**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**THÙNG LỌC KHÍ**

Màu sắc tùy chọn: Màu như hình

Quy cách: 100 / 150 / 200



**HỘP CHIA GIÓ ỐNG DỆT PE**

Vật liệu: Tấm thép mạ kẽm nhôm

Chất liệu ABS

Quy cách: 100 / 150 / 200



**HỘP CHIA GIÓ ỐNG DỆT PE**

Vật liệu: Tấm thép mạ kẽm nhôm

Chất liệu ABS

Quy cách: 150-1-5



**VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG**

**GIÓ CHO ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**ỐNG NỐI CHỮ T CHO ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**KHỚP NỐI THẲNG CHO ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**ĐAI GIỮ ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 108x50



**VÒNG ĐỆM LÀM KÍN ỐNG DỆT PE**

Màu sắc: Màu đen

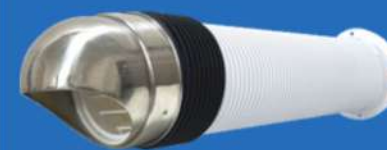
Quy cách: 108x50



**ỐNG BẢO ÔN CAO SU LƯU HÓA**

Màu sắc: Màu đen

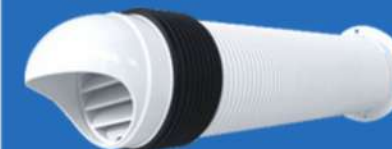
Quy cách: 150 / 200 / 250 / 300 / 350



**MŨ THÔNG GIÓ INOX KẾT HỢP**

Chất liệu: INOX 304 + Vật liệu ABS

Quy cách: 75 / 110 / 160



**MŨ THÔNG GIÓ ABS KẾT HỢP**

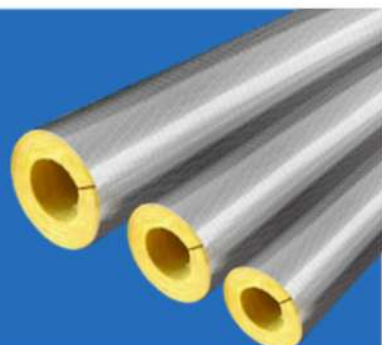
Chất liệu: Nhựa ABS nguyên sinh

Quy cách: 75 / 110 / 160



**QUẠT HÚT NỐI ỐNG GIÓ**

Ưu điểm: Công suất lớn, độ ồn thấp  
Q/cách : 75/100/125/150/200/250/ 315



**ỐNG CÁCH NHIỆT BẰNG BÔNG**

Màu sắc: Màu xám

Quy cách: 150/200/250/300/350



**ỐNG LÁ NHÔM DÀY DẶN**

Quy cách: 80 / 110 / 125 / 160 / 200 /  
250 / 300 / 350



**ỐNG LÁ NHÔM PVC**

Quy cách: 80 / 110 / 125 / 160 /  
200 / 250 / 300 / 350



**CỬA CẤP GIÓ HIỆU SUẤT CAO**

Phương thức: Cấp gió trên trần

Quy cách: 500 / 1000 / 1500



**VAN MỘT CHIỀU ỐNG KHÓI**

Chất liệu: ABS chống cháy + PC

Phạm vi: Ống thoát khói 160-180mm



**VAN MỘT CHIỀU ỐNG ĐA NĂNG**

Chất liệu: ABS chống cháy + PC

Phạm vi: Ống thoát khói 160-180mm



**VAN MỘT CHIỀU ĐƯỜNG ỐNG**

Màu sắc: Màu trắng

Quy cách: 180 / 100 / 110 / 150 / 200



**VAN ĐIỀU KHIỂN BẰNG TAY**

Màu sắc: Màu trắng

Quy cách: 75 / 110 / 160 / 200



**VÒNG CHUYỂN ĐỔI ABS ĐK 160-200**

Ứng dụng: Dùng để chuyển đổi  
đường kính từ 160- 180, 180-200



**ỐNG NỐI GIẢM TRÒN PP**

Chất liệu: ABS

Quy cách: 150-100 / 200-150



**ĐẦU NỐI NHANH ĐƯỜNG ỐNG**

Chất liệu: ABS

Quy cách: 100 / 110 / 150 / 160



**CÔN THU PHỄU THU ỐNG THÔNG GIÓ**

Chất liệu: ABS

Bộ chuyển đổi: Đường kính 80-200

## DÒNG SẢN PHẨM NHỰA ABS

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



CỬA THOÁT KHÍ HAI LỚP

TD1139



LOẠI CỬA THOÁT GIÓ HỒI

TD1140



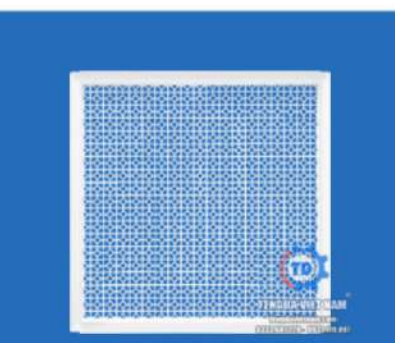
KHUẾCH TÁN VUÔNG

TD1141



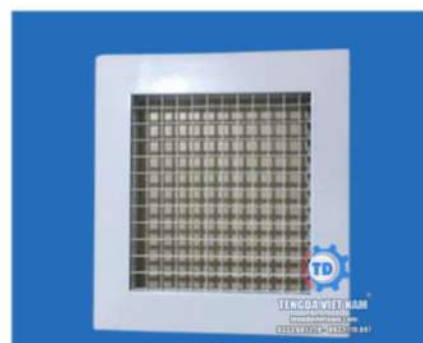
CỬA GIÓ KHUẾCH TÁN TRÒN

TD1145



TẮM TRẦN HỒI LƯU

TD1146



CỬA GIÓ SỢT TRỨNG

TD1147

## DÒNG CỬA GIÓ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



CỬA GIÓ ĐÔI

TD1142



CỬA GIÓ ĐƠN

TD1143



CỬA GIÓ MỘT MẶT

TD1144



CỬA GIÓ HAI MẶT

TD1148



CỬA GIÓ MỘT BÊN

TD1149



CỬA GIÓ MỘT LỚP

TD1150



**VAN ĐIỀU CHỈNH GIÓ SẮT MẠ KẼM**  
Quy cách: 75 / 100 / 125 / 150 / 200 /  
250 / 300 / 350 / 400



**VAN MỘT CHIỀU**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150 / 200 /  
250 / 300



**VAN ĐIỀU CHỈNH BẰNG ĐIỆN**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt  
bích đơn / Không mặt bích  
Quy cách: 100 / 120 / 150  
/ 200 / 250 / 300



**VAN ĐIỀU CHỈNH TAY QUAY**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150 / 200 /  
250 / 300



**VAN ĐIỀU CHỈNH 5 CẤP ĐỘ**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150 / 200 /  
250 / 300



**VAN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN DẠNG TRÒN**  
Kiểu dáng: kết cấu dạng tròn,  
thân trụ tròn theo tiêu chuẩn  
hệ thống ống gió tròn.  
Quy cách: Đặt theo yêu cầu



**VAN CHỐNG CHÁY BẰNG ĐIỆN**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150 / 200 /  
250 / 300



**VAN ĐIỀU CHỈNH BẰNG TAY**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150 / 200 /  
250 / 300



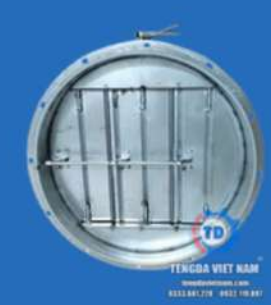
**VAN CHỐNG CHÁY BẰNG TAY**  
Kiểu dáng: Mặt bích đôi / Mặt bích  
đơn / Không mặt bích  
Quy Cách: 100 / 120 / 150  
200 / 250 / 300



**VAN ĐIỀU KHIỂN TRÒN TAY GẠT**  
Kiểu dáng: kết cấu dạng chữ  
nhật, có tay gạt được sử dụng  
trong hệ thống ống gió.  
Quy cách: Đặt theo yêu cầu



**VAN ĐIỀU KHIỂN GIÓ VUÔNG**  
Kiểu dáng: kết cấu dạng vuông,  
được sử dụng trong hệ thống  
ống gió.  
Quy cách: Đặt theo yêu cầu



**VAN ĐIỀU KHIỂN TRÒN TAY GẠT**  
Kiểu dáng: kết cấu dạng tròn,  
thân trụ tròn theo tiêu chuẩn hệ  
thống ống gió tròn.  
Quy cách: Đặt theo yêu cầu

## DÒNG SẢN PHẨM VAN GIÓ NGĂN LỬA VÀ THOÁT KHÓI

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



VAN BƯỚM THÔNG GIÓ

TD1151



VAN LOẠI MẶT BÍCH LIỀN TẮM

TD1152



VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG

TD1153



VAN MỘT CHIỀU

TD1157



VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG

TD1158



VAN ĐIỀU CHỈNH DỪNG ĐIỆN

TD1159

## DÒNG SẢN PHẨM VAN GIÓ NGĂN LỬA VÀ THOÁT KHÓI

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



VAN XẢ ÁP BẰNG THÉP YZF

TD1154



VAN CỐ ĐỊNH LƯU LƯỢNG GIÓ

TD1155



VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG GIÓ

TD1156

## DÒNG SẢN PHẨM BỘ GIẢM THANH

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



**ỐNG GIÓ TIÊU ÂM**

**TD1160**



**CỬA TIÊU ÂM THÔNG GIÓ CHX**

**TD1161**



**ỐNG GIÓ TIÊU ÂM**

**TD1162**



**CO 90 TIÊU ÂM ĐỤC LỖ**

**TD1165**



**ỐNG GIÓ TIÊU ÂM**

**TD1166**

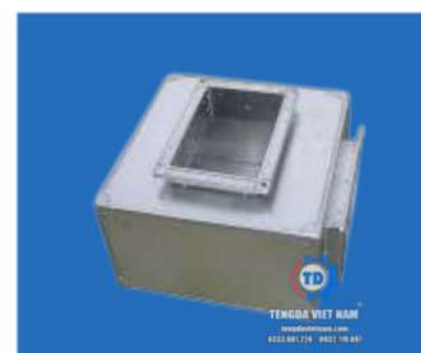


**ỐNG GIÓ TIÊU ÂM**

**TD0067**

## DÒNG SẢN PHẨM BỘ GIẢM THANH

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



**HỘP TĨNH ÁP**

**TD1163**



**HỘP TĨNH ÁP**

**TD1164**

## DÒNG SẢN PHẨM INOX

Cửa gió là phần cuối của hệ thống ống gió điều hòa, phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng cấp, hồi và thải khí. Cũng cần phải kết hợp trang trí một cách mỹ quan, phù hợp với không gian xung quanh, tích hợp giữa công năng và trang trí.



**VENTCAP CHẮN MƯA**

**TD1168**



**CỬA GIÓ HAI LỚP**

**TD1169**



**CỬA GIÓ HỒI**

**TD1170**



**CỬA GIÓ CHẮN MƯA**

**TD1171**



**CỬA THOÁT KHÍ XOÁY**

**TD1172**



**CẦU PHUN INOX**

**TD1173**



**VỎI PHUN INOX**

**TD1174**



**CỬA GIÓ KHUẾCH TÁN VUÔNG**

**TD1174**



**THANK YOU**  
For Your Attention

*tengdavietnam.com*

